

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
PHẦN I.....	3
SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	3
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	3
1.1 Căn cứ pháp lý.....	3
1.2. Cơ sở thông tin số liệu, tư liệu bản đồ	6
II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT.....	7
2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường.....	7
2.1.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên	7
2.1.2. Các nguồn tài nguyên.....	11
2.1.3. Hiện trạng môi trường.....	16
2.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.....	20
2.2.1. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực	22
2.2.2. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất.....	26
2.2.3. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn.....	28
2.2.4. Phân tích thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng	29
2.2.5. Đánh giá chung.....	38
2.3. Phân tích đánh giá bổ sung về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất	40
2.3.1. Đánh giá biến đổi khí hậu trên địa bàn của huyện.....	40
2.3.2. Phân tích, đánh giá về nước biển dâng, xâm nhập mặn.....	42
2.3.3. Phân tích, đánh giá về sa mạc hoá, xói mòn và sạt lở đất.....	42
2.3.4. Đánh giá chung.....	43
III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH ...	44
3.1. Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai.	44
3.1.1. Tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai	45
3.1.2. Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính	45

3.1.3. Khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất; điều tra, đánh giá tài nguyên đất; điều tra xây dựng giá đất.....	45
3.1.4. Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	46
3.1.5. Quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất chuyển mục đích sử dụng đất	48
3.1.6. Quản lý việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất	49
3.1.7. Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.....	49
3.1.8. Thống kê, kiểm kê đất đai.....	50
3.1.9. Xây dựng hệ thống thông tin đất đai.....	50
3.1.10. Quản lý tài chính về đất đai và giá đất.....	50
3.1.11. Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất	51
3.1.12. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai	51
3.1.13. Phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai	52
3.1.14. Giải quyết tranh chấp về đất đai, giải quyết khiếu nại, tố cáo các vi phạm trong việc quản lý sử dụng đất đai	52
3.1.15. Quản lý hoạt động dịch vụ về đất đai	52
3.1.16. Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân.....	53
3.2. Phân tích, đánh giá bổ sung hiện trạng và biến động sử dụng đất.....	56
3.2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất.....	56
3.2.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong kỳ quy hoạch trước (2021-2030)	63
IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	66
4.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.....	66
4.1.1. Đất nông nghiệp	69
4.1.2. Đất phi nông nghiệp.....	70
4.1.3. Kết quả thực hiện chỉ tiêu khai thác đất chưa sử dụng	72
4.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	74
4.2.1. Kết quả đạt được:	74
4.2.2. Tồn tại	75
4.2.3. Nguyên nhân của tồn tại	76

4.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới.....	77
PHẦN II.....	78
PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030	78
I. ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT	78
1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.....	78
1.1.1. Phương hướng phát triển.....	78
1.1.2. Mục tiêu phát triển	78
1.2. Quan điểm sử dụng đất.....	79
1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng	80
1.3.1. Định hướng sử dụng đất nông nghiệp	81
1.3.2. Định hướng sử dụng đất phi nông nghiệp.....	83
1.3.3. Định hướng đất chưa sử dụng	91
1.3.4. Định hướng phát triển theo lãnh thổ	91
II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	93
2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội	93
2.1.1 Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế:	93
2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế	94
2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng	96
2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ phương án phân bổ sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất cấp huyện và cấp xã.....	96
2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.....	98
2.2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất.....	107
2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng.....	143
III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG	146
3.1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.....	146
3.2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực.....	147
3.3. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất.....	148

3.4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng.....	149
3.5. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đối với việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc	149
3.6. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.....	150
PHẦN III.....	151
GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	151
I. GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG... 151	
1.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất.....	151
1.2. Giải pháp bảo vệ môi trường	151
II. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	153
2.1. Giải pháp về chính sách	153
2.2. Giải pháp đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.....	153
2.3. Giải pháp về nguồn lực, vốn đầu tư.....	154
III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	155
3.1. Giải pháp về chính sách	155
3.2. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư	156
3.3. Giải pháp về tăng cường nhân sự và đào tạo nguồn nhân lực cho quản lý đất đai.....	158
3.4. Giải pháp về tổ chức thực hiện	159
3.5. Về khoa học công nghệ và kỹ thuật.....	159
IV. CÁC GIẢI PHÁP KHÁC	161
4.1. Các biện pháp cụ thể trong quản lý đất đai.....	161
4.2. Tăng cường đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ trong QLDD	161
4.3. Giải pháp kiện toàn bộ máy thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.....	162
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	163
I. KẾT LUẬN	163
II. KIẾN NGHỊ.....	164

ĐẶT VẤN ĐỀ

Hàm Yên là một huyện thuộc tỉnh Tuyên Quang. Không chỉ là cửa ngõ phía Tây Bắc của Tuyên Quang, Hàm Yên còn là điểm nối giữa trung tâm tỉnh và các huyện vùng cao phía Bắc như Chiêm Hóa, Na Hang và Lâm Bình. Từ khi hình thành, trải qua quá trình hợp nhất và chia tách tỉnh, huyện, xã đến nay, huyện Hàm Yên có 18 đơn vị hành chính (bao gồm 01 thị trấn và 17 xã). Tổng diện tích tự nhiên của huyện là 90.054,59 ha, dân số trung bình năm 2020 là 123.179 người.

Hàm Yên có nhiều cảnh đẹp nổi bật, đặc địa về vị trí địa lý, cùng với các món ăn đặc trưng, đặc biệt là Cam sành Hàm Yên nổi tiếng gần xa. Điều kiện tự nhiên của Hàm Yên đã mang lại cho huyện những lợi thế về du lịch, nghề rừng, chăn nuôi và trồng trọt. Với các điều kiện, tiền đề đó, từ điểm xuất phát rất thấp, nền kinh tế của huyện đã đạt tới bước phát triển mới và đi dần vào ổn định, luôn được đánh giá là vùng đất tiềm năng cho việc phát triển nông lâm nghiệp, thương mại dịch vụ và du lịch.

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong các nội dung quan trọng trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai và đã được quy định trong Luật Đất đai năm 1987, 1993, 2003 và 2013. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp vừa là công cụ quan trọng để Nhà nước thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu của mình đối với đất đai, vừa thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, Nhà nước quyết định mục đích sử dụng và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Nhận thấy vai trò của quy hoạch sử dụng đất đối với phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và từng địa phương, trong nhiều năm qua, công tác quy hoạch sử dụng đất các cấp đã được tăng cường đẩy mạnh cả về quy mô và chất lượng. Sự chuyển dịch cơ cấu và tăng trưởng kinh tế cao đã gây áp lực lớn đối với đất đai, đất dùng cho phát triển công nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng còn chưa được giám sát chặt chẽ, công tác quản lý xây dựng và quản lý đất đai đô thị gặp nhiều khó khăn phức tạp.

Năm 2020, UBND tỉnh Tuyên Quang đã ban hành chủ trương lập Quy hoạch sử dụng đất huyện Hàm Yên giai đoạn 2021-2030. UBND huyện phối hợp với đơn vị tư vấn xây dựng Quy hoạch sử dụng đất huyện Hàm Yên giai đoạn 2021-2030 và đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 253/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 5 năm 2021. Sau khi Quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt, UBND huyện đã tiến hành công bố, công khai và đưa vào thực hiện từ đó đến nay phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

Việc lập quy hoạch sử dụng đất huyện Hàm Yên giai đoạn 2021 - 2030 được phê duyệt đã góp phần đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về đất đai, hạn chế việc bố trí quy hoạch sử dụng đất chòng chéo giữa các ngành, các

cấp; hạn chế việc sử dụng đất một cách lãng phí, bất hợp lý, kém hiệu quả; ngăn chặn các hiện tượng tranh chấp, lấn chiếm, huỷ hoại đất, phá vỡ cân bằng môi trường sinh thái; đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế giữ vững, ổn định tình hình xã hội đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện có một số yếu tố tác động:

Theo Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 326/QĐ-TTg, ngày 09/03/2022 thì chỉ tiêu phân bổ có chênh lệch lớn so với chỉ tiêu sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt.

Hiện nay, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh và Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh cho ý kiến thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Đồng thời, trong thời gian qua trên địa bàn huyện có một số dự án trọng điểm phát sinh, nhu cầu sử dụng đất lớn đặc biệt là dự án “Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1) - đoạn qua tỉnh Tuyên Quang” đã nằm trong quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/09/2021 và trong Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 16/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên, để đảm bảo tính đồng nhất của hệ thống chỉ tiêu sử dụng đất và đồng thời phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện, việc triển khai thực hiện “Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Hàm Yên giai đoạn 2021-2030” cần thiết phải tiến hành.

Thực hiện Văn bản số 1918/UBND-KT ngày 28/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc chủ trương điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021 – 2030, UBND huyện Hàm Yên tiến hành điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 của huyện nhằm định hướng chiến lược tổng thể sử dụng triệt để, hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai, bảo vệ cảnh quan môi trường sinh thái, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội chung của huyện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong xu thế phát triển chung của cả nước và quan trọng hơn là tạo hành lang pháp lý cho việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất cũng như phục vụ các nhiệm vụ khác trong công tác quản lý, sử dụng đất đai. Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Hàm Yên giai đoạn 2021 - 2030 sẽ tập trung giải quyết xác định rõ thực trạng và giải pháp sử dụng đất đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường và an ninh lương thực đối với đất sản xuất nông nghiệp, đất rừng, đất cụm công nghiệp, đất phát triển đô thị, cơ sở hạ tầng,...

Phần I

SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1.1 Căn cứ pháp lý

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;
- Luật Đất đai số 45/2013/QH13;
- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật quy hoạch;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/06/2013 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;
- Nghị quyết số 67/NQ-CP ngày 12/05/2020 của Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ lập QHSD đất quốc gia thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 16/09/2013 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt QHSD đất đến 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Hàm Yên;
- Quyết định số 2426/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025;

- Quyết định số 373/QĐ-TTg ngày 12/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1708/QĐ-BTNMT ngày 05/08/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành kế hoạch lập QHSD đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014;

- Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/2/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao;

- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/09/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Thông tư 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

- Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT ngày 06/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo lập Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện lập Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kì 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025;

- Văn bản số 1918/UBND-KT ngày 28/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc chủ trương điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021 – 2030;

- Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 21/07/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về Phê duyệt hỗ trợ kinh phí từ ngân sách tỉnh cho các huyện, thành phố để thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021 – 2030 (đợt 1);

- Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang;

- Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 của UBND tỉnh về Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hàm Yên giai đoạn 2018-2030 định hướng đến năm 2050, tỉ lệ 1/25.000;

- Quyết định 106/QĐ-UBND ngày 08/03/2022 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 của UBND tỉnh về Quy hoạch tổng thể bố trí dân cư các vùng: Thiên tai đặc biệt khó khăn, di cư tự do, rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng 2025;

- Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phát triển Thủy sản tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2025, định hướng 2035;

- Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 08/03/2017 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt quy hoạch phát triển thủy lợi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2025, định hướng 2035;

- Quyết định 347/QĐ-UBND ngày 17/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về phê duyệt Quy hoạch đất trồng lúa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất lúa đến năm 2015 của tỉnh Tuyên Quang;

- Quyết định số 3564/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Hàm Yên giai đoạn 2021-2030.

- Văn bản số 2053/STNMT-QLĐĐ ngày 16/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đôn đốc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030;

- Văn kiện đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hàm Yên lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 13/02/2021 Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 5 năm 2021-2025 của huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang;

- Văn bản số 1309/UBND-TNMT ngày 17/06/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Hàm Yên giai đoạn 2021-2030;

- Căn cứ các quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, các công trình có sử dụng đất trên địa bàn huyện Hàm Yên;

- Căn cứ các văn bản, quy chuẩn định mức của các ngành, các lĩnh vực có liên quan.

1.2. Cơ sở thông tin số liệu, tư liệu bản đồ

- Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh 5 năm 2021-2025 tỉnh Tuyên Quang;

- Niên giám thống kê tỉnh Tuyên Quang năm 2021, niên giám thống kê huyện Hàm Yên năm 2021;

- Nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các xã, thị trấn đến năm 2030;

- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên;

- Kết quả thực hiện các chương trình, dự án, các nghiên cứu của Trung Ương và địa phương có liên quan đến sử dụng đất trên địa bàn huyện;
- Các tài liệu, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, số liệu thống kê đất đai;
- Số liệu kiểm kê đất đai năm 2010, 2014, 2019 của huyện, xã, thị trấn;
- Báo cáo thuyết minh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng hàng năm huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang;
- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2021; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2022 trên địa bàn huyện Hàm Yên;
- Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2021; phương hướng nhiệm vụ năm 2022 huyện Hàm Yên.
- Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang được phê duyệt tại Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Tuyên Quang năm 2022 huyện Hàm Yên.

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường

2.1.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên

2.1.1.1. Vị trí địa lý

Hàm Yên là huyện miền núi nằm về phía Tây Bắc của tỉnh Tuyên Quang, thị trấn Tân Yên là trung tâm hành chính của huyện, cách thành phố Tuyên Quang 42 km (theo Quốc lộ 2). Hàm Yên nằm trong khoảng tọa độ địa lý: Từ 21⁰51' đến 22⁰23' vĩ độ Bắc và từ 104⁰51' đến 105⁰09' kinh độ Đông. Ranh giới hành chính của huyện được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Bắc Quang - tỉnh Hà Giang.
- Phía Nam giáp huyện Yên Sơn.
- Phía Đông giáp huyện Chiêm Hóa.
- Phía Tây giáp huyện Yên Bình và huyện Lục Yên - tỉnh Yên Bái.

Tổng diện tích tự nhiên của huyện là 90.054,59 ha, bao gồm 18 đơn vị hành chính (01 thị trấn và 17 xã). Huyện có diện tích đất rừng khá lớn, trong đó rừng

nguyên sinh với đa dạng sinh học phong phú có vai trò to lớn về môi sinh cũng như điều tiết dòng chảy lưu vực sông Lô.



Sơ đồ địa giới huyện Hàm Yên

Trên địa bàn huyện có Quốc lộ 2, Quốc lộ 3B đi qua (tuyến Quốc lộ có vị trí chiến lược quan trọng của tỉnh Tuyên Quang nói riêng và vùng Trung du miền núi phía Bắc nói chung) với chiều dài 50,2 km (QL2) theo hướng Bắc Nam và 8 km (QL3B) đi qua 2 xã Thái Sơn và Bình Xá. Ngoài ra, huyện còn có tuyến ĐT189 chạy qua, bắt đầu từ đường nối từ Km272, QL.3B xã Bình Xá đến thôn Lục Khang, xã Yên Thuận huyện Hàm Yên. Đây đều được coi là trục giao thông huyết mạch trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện hiện nay và trong thời gian tới.

2.1.1.2. Địa hình, địa mạo

Huyện Hàm Yên có địa hình, địa mạo phức tạp, hầu hết diện tích đất tự nhiên là đồi núi thấp. Độ cao trung bình 500 - 600 m, cao nhất là núi Cham Chu (xã Phù Lưu) có độ cao 1.591 m, thấp nhất ở khu vực phía Nam có độ cao 300 m so với mực nước biển. Nhìn tổng thể, địa hình của huyện có hướng cao dần từ Tây Nam sang Đông Bắc được chia làm 2 vùng chính:

- Vùng núi thấp: Tập trung chủ yếu ở phía Nam huyện và khu vực ven sông Lô gồm các xã: Thái Hoà, Đức Ninh, Hùng Đức, Thành Long, Bình Xa, Thái Sơn, Minh Dân và thị trấn Tân Yên. Đây là khu vực có độ cao trung bình 300 m, xen giữa những núi thấp là những dải đồng bằng khá rộng, màu mỡ chạy dọc theo lưu vực của sông Lô. Đây là vùng sản xuất lương thực trọng điểm của huyện.

- Khu vực phía Bắc và phía Tây huyện: Bao gồm các xã còn lại có địa hình khá phức tạp gồm các dãy núi kéo dài liên tiếp nhau, có độ cao từ 500 m - 1.000 m. Hầu hết các dãy núi của vùng được hình thành trên các khối đá mác ma, biến chất, trầm tích, có đỉnh nhọn, độ dốc hai bên sườn núi lớn, bị chia cắt mạnh; xen kẽ giữa các dãy núi chạy dọc theo các sông suối lớn có các thung lũng nhỏ hẹp dạng lòng máng nên thực vật phát triển rất đa dạng và phong phú.

2.1.1.3. Khí hậu

Khí hậu của huyện Hàm Yên có đặc điểm khí hậu nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng của khí hậu lục địa Bắc Á - Trung Hoa và chia làm 2 mùa rõ rệt: Mùa Hè nóng ẩm, mưa nhiều từ tháng 4 đến tháng 9; mùa Đông khô, lạnh từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau:

* Nhiệt độ:

- Nhiệt độ trung bình hàng năm là 24,5⁰C. Nhiệt độ trung bình các tháng mùa Đông là 20⁰C, nhiệt độ trung bình các tháng mùa Hè là 28,4⁰C. Tổng tích ôn hàng năm khoảng 8.200⁰C - 8.400⁰C.

* Lượng mưa:

- Lượng mưa trung bình hàng năm là 1890 mm. Số ngày mưa trung bình 150 ngày/năm. Mưa nhiều nhất tập trung vào các tháng 8 (329,5 mm/tháng), tháng 10 (315,5 mm/tháng) đạt trên 300 mm/tháng. Lượng mưa tháng 12 và tháng 1 thấp, dưới 10 mm/tháng.

- Lượng mưa phân bố không đều trong năm và được chia thành 2 mùa rõ rệt: Mùa mưa tập trung từ tháng 4 đến tháng 10 trong năm, lượng mưa chiếm khoảng 90% lượng mưa của cả năm. Mùa khô lượng mưa chỉ chiếm 10% lượng mưa của cả năm.

* Nắng: Tổng số giờ nắng trung bình hàng năm là 1.594 giờ. Tháng 2 và tháng 3 có số giờ nắng thấp, khoảng 38 - 60 giờ/tháng. Từ tháng 5 đến tháng 10 có số giờ nắng cao, khoảng từ 100 - 231 giờ.

* Độ ẩm không khí: Độ ẩm không khí trung bình là 81%. Biến động về độ ẩm không khí không lớn giữa các tháng trong năm (từ 76 - 85%).

* Gió: Có 2 hướng gió chính:

- Mùa Đông là hướng gió Đông Bắc hoặc Bắc.

- Mùa Hè là hướng Đông Nam hoặc Nam.

Tốc độ của các hướng gió thấp, chỉ đạt 1 m/s.

* Các hiện tượng khí hậu, thời tiết khác:

- Giông: Trung bình hàng năm trên địa bàn huyện có từ 55 - 60 ngày có giông. Thời gian thường xảy ra từ tháng 4 đến tháng 8. Tốc độ gió trong cơn giông có thể đạt 25 - 28 m/s.

- Mưa phùn: Hàng năm có khoảng từ 15 - 20 ngày có mưa phùn, thời gian xuất hiện từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

- Sương mù: Hàng năm trung bình có khoảng 25 - 55 ngày, thường xảy ra vào các tháng đầu mùa Đông.

- Sương muối: Ít khi xảy ra (khoảng 2 năm mới có 1 ngày). Nếu có thường xảy ra vào tháng 1 hoặc tháng 11.

Tóm lại, với tổng số giờ nắng lớn, lượng mưa tương đối dồi dào, chế độ nhiệt phong phú, huyện Hàm Yên có thể phát triển hệ thực vật tự nhiên và cơ cấu cây trồng đa dạng từ ôn đới đến á nhiệt đới, nhiệt đới. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt có một số mặt tác động xấu nhưng mức độ không lớn.

2.1.1.4. Thủy văn

Chế độ thủy văn của huyện chịu ảnh hưởng chính của chế độ thủy văn Sông Lô: Đây là sông lớn nhất trên địa bàn huyện Hàm Yên và tỉnh Tuyên Quang. Sông Lô bắt nguồn từ Vân Nam (Trung Quốc) qua Hà Giang đến Tuyên Quang, chia huyện Hàm Yên thành 2 phần. Chiều dài của sông là 470 km (diện tích lưu vực sông là 39.000 km²), trong đó đoạn qua địa bàn huyện dài khoảng 62 km. Lưu lượng cao

nhất của sông đạt $2.530 \text{ m}^3/\text{s}$, lưu lượng thấp nhất đạt $75 \text{ m}^3/\text{s}$. Đây là tuyến đường thủy quan trọng và duy nhất nối Tuyên Quang với Hà Giang, các tỉnh Trung du, miền núi và Đông Bắc Bộ.

Ngoài Sông Lô, trên địa bàn huyện Hàm Yên còn có các sông suối như: Suối Bình Xa, suối Là, suối Hẽ, suối Sa, ngòi Thụt, ngòi Mực, ngòi Nấc...tạo thành mạng lưới thủy văn chính.

Đây là nguồn cung cấp nước phục vụ cho sản xuất, sinh hoạt của người dân trong huyện và chứa đựng tiềm năng để phát triển thủy điện. Song do độ dốc lớn, nhiều thác ghềnh nên cũng thường gây ra nguy hiểm bất ngờ cho thuyền bè qua lại, gây lũ lụt, sạt lở đất vào mùa mưa cho những vùng có địa hình cao.

2.1.2. Các nguồn tài nguyên

2.1.2.1. Tài nguyên đất

Theo kết quả điều tra dự án xây dựng bản đồ Thổ nhưỡng tỉnh Tuyên Quang của Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp thực hiện thì đất đai của huyện Hàm Yên được hình thành từ 12 loại đất chính, nhiều nhất là đất feralit vàng đỏ phát triển trên nền đá biến chất, khoảng gần 50.000 ha, ít nhất là đất phù sa sông Lô được bồi lắng bằng trầm tích Nêôgen, có khoảng trên 200 ha.

Khu vực phía Bắc huyện gồm các xã Yên Thuận, Bạch Xa, Minh Khương, Minh Dân, Phù Lưu, Yên Phú, Yên Lâm và một phần thị trấn Tân Yên có loại đất feralit nâu vàng phát triển trên đất phù sa cổ, thích hợp với việc trồng cam và các loại cây ăn quả có múi.

Đại bộ phận đất có độ dày canh tác từ 40 cm trở lên, thuận lợi cho việc phát triển các cây lương thực, cây công nghiệp, cây ăn quả và phát triển lâm nghiệp.

Trên địa bàn huyện có các nhóm đất chính sau:

- Đất phù sa ngòi suối: Phân bố chủ yếu ở các xã: Minh Hương, Tân Thành, Đức Ninh, Hùng Đức. Đất có thành phần cơ giới cát pha đến thịt nhẹ, độ dày tầng đất trên 120 cm. Phần lớn loại đất này được sử dụng trồng 1 vụ lúa hoặc 2 vụ lúa, năng suất trung bình thấp.

- Đất phù sa có tầng loang lổ đỏ vàng: Phân bố ở xã Nhân Mực. Đất có thành phần cát pha, độ dày tầng đất trên 120 cm. Do điều kiện tưới khó khăn nên loại đất này chỉ gieo trồng được 1 vụ lúa mùa.

- Đất phù sa được bồi hàng năm: Phân bố ở các xã: Phù Lưu, Tân Thành và Bình Xa (dọc theo sông Lô). Đất có thành phần cơ giới cát pha, độ dày tầng đất trên

120 cm. Đất này thường bị ngập vào mùa mưa lũ; mùa khô không được tưới nên hàng năm chỉ gieo trồng các cây màu ngắn ngày như ngô, lạc, đậu, đỗ... năng suất đạt ở mức trung bình.

- Đất phù sa không được bồi hàng năm: Phân bố trên nền địa hình cao ở xã Thái Sơn và Đức Ninh. Đất có thành phần cơ giới thịt nhẹ, độ dày tầng đất trên 120cm. Phần lớn trên đất này đã được trồng các loại cây ngắn ngày như lúa, hoa màu nhưng năng suất thấp.

- Đất vàng nhạt trên đá cát: Phân bố chủ yếu ở các xã: Thành Long, Bằng Cốc, Bình Xa, Phù Lưu, Minh Khương và Bạch Xa. Đất được hình thành từ đá mẹ sa thạch, có độ dày tầng đất từ dưới 50 cm đến trên 120 cm, có thành phần cơ giới cát pha. Trên loại đất này phần lớn còn rừng, nơi có độ dốc < 250 có thể khai thác trồng cây ăn quả hoặc cây công nghiệp lâu năm.

- Đất vàng đỏ trên đá Granit: Phân bố chủ yếu ở các xã: Yên Lâm, Nhân Mục, Thành Long và Thái Hoà. Đất được hình thành trên đá mẹ Granit, thành phần cơ giới cát pha, độ dày tầng đất có ở cả 3 cấp: Dưới 50 cm, từ 50 - 120 cm và trên 120 cm. Đất có địa hình đồi dốc lớn, chia cắt xen kẽ với các đồi đá cát và phiến sét, khả năng khai thác sử dụng cho sản xuất nông nghiệp bị hạn chế.

- Đất nâu vàng trên phù sa cổ: Phân bố chủ yếu ở các xã: Yên Phú, Thái Sơn, Bình Xa và thị trấn Tân Yên. Đất được hình thành trên đá mẹ phù sa cổ, có thành phần cơ giới thịt trung bình, độ dày tầng đất trên 120 cm. Loại đất này thường được sử dụng trồng các loại cây như chè, cây ăn quả, mía... nhưng do dễ bị mất nước nên đất chặt rắn.

- Đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ: Phân bố chủ yếu ở các xã: Phù Lưu, Tân Thành, Thái Sơn và Yên Thuận. Đất có thành phần cơ giới thịt trung bình, độ dày tầng đất trên 120 cm. Loại đất này thường được sử dụng trồng lúa và các cây trồng ngắn ngày khác, năng suất trung bình khá.

- Đất đỏ vàng trên đá sét và đá biến chất: Phân bố ở tất cả các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Đất được hình thành trên đá mẹ philit, gonai và phiến thạch mica. Thành phần cơ giới đất từ cát pha đến thịt trung bình, độ dày tầng đất có ở cả 3 mức: Dưới 50 cm, từ 50 - 120 cm và trên 120 cm. Loại đất này thích hợp với nhiều loại cây công nghiệp dài ngày (chè) và cây ăn quả, vùng đồi núi có độ dốc trên 250 cần phải được bảo vệ rừng và trồng rừng là chính. Đất này cũng có ý nghĩa sử dụng lớn trong nhiều mục đích sử dụng khác.

Diện tích đất: Theo kết quả thống kê năm 2021, tổng diện tích đất của huyện là 90.054,59 ha. Bao gồm các loại đất sau:

- Đất nông nghiệp: Diện tích 84.873,19 ha, chiếm 94,25% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

- Đất phi nông nghiệp: Diện tích 4.739,31 ha, chiếm 5,26% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

- Đất đô thị: Diện tích 3.277,41 ha, chiếm 3,63% tổng diện tích toàn huyện, là diện tích của Thị trấn Tân Yên.

- Đất khu dân cư nông thôn: Diện tích đất ở nông thôn của toàn huyện 1.057,88 ha, chiếm 1,17% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

Diện tích đất chưa sử dụng của huyện còn 442,08 ha, chiếm 0,49% tổng diện tích tự nhiên của huyện. Quỹ đất này trong thời gian tới tiếp tục được khai hoang để trồng rừng, trồng cây hàng năm và sử dụng vào các mục đích phi nông nghiệp khác.

2.1.2.2. Tài nguyên nước

- Nguồn nước mặt: Nguồn nước mặt của huyện khá lớn với diện tích mặt nước, sông suối chiếm 2,55% diện tích tự nhiên, trong đó chủ yếu là nguồn nước mặt từ sông Lô. Ngoài các sông, suối hiện có trên địa bàn, lượng mưa hàng năm cũng khá cao (1.890 mm) cùng với nhiều ao, hồ chứa nước đã tạo cho huyện nguồn nước mặt khá phong phú.

Tuy nhiên nguồn nước mặt phân bố không đồng đều giữa các tháng trong năm và chất lượng nước cũng thay đổi theo mùa. Vào những tháng đầu mùa mưa, chất lượng nước mặt không ổn định, độ đục lớn và có nhiều chất hữu cơ do quá trình rửa trôi các chất trên bề mặt lưu vực. Về mùa đông trữ lượng nước mặt hạn chế vì vậy khả năng mở rộng diện tích gieo trồng vụ đông như trồng rau, ngô, đậu tương gặp nhiều khó khăn.

- Nguồn nước ngầm: Nguồn nước ngầm dồi dào, có ở khắp lãnh thổ huyện với chất lượng tốt đủ tiêu chuẩn dùng cho sinh hoạt. Mực nước ngầm không sâu và tương đối ổn định, thuận lợi cho khai thác, kể cả khai thác đơn giản trong sinh hoạt của người dân.

2.1.2.3. Tài nguyên rừng

Diện tích đất rừng của huyện Hàm Yên tương đối lớn, theo số liệu thống kê đất đai năm 2021 diện tích đất lâm nghiệp của huyện là 62.291,20 ha, chiếm 69,17% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện. Trong đó bao gồm:

- Đất rừng phòng hộ: Diện tích 8.794,18 ha, chiếm 9,77% tổng diện tích, được phân bổ trên địa bàn các xã.

- Đất rừng sản xuất: Diện tích 47.937,29 ha, chiếm 52,23% tổng diện tích, được phân bổ trên địa bàn các xã.

- Đất rừng đặc dụng: Diện tích 5.559,73 ha, chiếm 6,17% tổng diện tích, là phần diện tích rừng đặc dụng trên địa bàn xã Yên Thuận và xã Phù Lưu.

Rừng là nguồn tài nguyên, là thế mạnh của huyện, diện tích đất lâm nghiệp chiếm diện tích chủ yếu trong cơ cấu sử dụng đất toàn huyện. Trong huyện có khu bảo tồn thiên nhiên rừng Cham Chu nằm ở xã Yên Thuận và xã Phù Lưu, đặc biệt là có khu du lịch sinh thái Cao Đường được ví như Tam Đảo của Tuyên Quang, hàng năm thu hút đông đảo du khách đến thăm quan. Hệ động vật rừng mang tính đặc thù của vùng sinh thái núi đá Đông Bắc, tuy nhiên số lượng đã bị suy giảm. Các loại thú lớn như hổ, gấu không còn thấy xuất hiện, hiện nay, tổ thành loài chủ yếu là các loại thú nhỏ như: Cầy hương, cầy bay, khỉ, hươu và một số ít lợn rừng.

Thảm thực vật và hệ động vật suy giảm mạnh, đòi hỏi phải có sự quan tâm chăm sóc, tu bổ rừng, biện pháp canh tác bền vững, hướng tới phát triển công nghiệp khai thác, chế biến lâm sản và du lịch sinh thái.

2.1.2.4. Tài nguyên khoáng sản

Huyện có nhiều loại khoáng sản, phân bố rải rác trên khắp địa bàn, song hầu hết đến nay các loại khoáng sản chưa được thăm dò về trữ lượng và chưa có kế hoạch khai thác cụ thể, chỉ dừng lại ở dạng điều tra. Tuy vậy, khai thác và chế biến khoáng sản là một trong những khâu quan trọng cho phát triển kinh tế trong những năm tới. Qua điều tra khảo sát thu thập tài liệu, trên địa bàn huyện Hàm Yên có các nguồn tài nguyên khoáng sản sau:

- Đá vôi trắng ở Km54 - Km57 (núi Đá Đen) xã Yên Phú.

- Đá vôi xanh ở Km31 QL2 xã Thái Sơn.

- Đá vôi trắng núi Bạch Mã ở xã Yên Phú.

- Quặng sắt: Đã tìm thấy ở nhiều điểm trong huyện như tại làng Mường (xã Phù Lưu) có hàm lượng Fe đến 43,2%; xã Bằng Cốc, xã Hùng Đức có hàm lượng Fe 42%. Ngoài ra còn ở rải rác tại các xã Yên Phú, xã Yên Lâm và ở phía Bắc huyện giáp với tỉnh Hà Giang.

- Cao lanh: Có ở các xã Thái Sơn, xã Thành Long đã được điều tra, nhưng chưa được đánh giá cụ thể về chất lượng và trữ lượng.

- Cát sỏi xây dựng, đá cuội lòng sông Lô: Có nhiều điểm, phân bố dọc sông Lô tại các xã Yên Lâm, Thái Sơn, Bình Xa, Thái Hòa, Đức Ninh, Tân Thành và thị trấn Tân Yên..

2.1.2.5. Tài nguyên nhân văn

Trên địa bàn huyện Hàm Yên hiện có 13 dân tộc cùng chung sống, trong đó phần lớn là dân tộc Kinh (chiếm tới 45,02%) dân số toàn huyện, dân tộc Tày chiếm 22,56%, dân tộc Dao chiếm 22,90%, dân tộc Cao Lan chiếm 5,7%, dân tộc Hoa chiếm 1,08%, dân tộc H'Mông chiếm 1,94%, còn lại là các dân tộc khác 0,80%. Mỗi dân tộc đều có phong tục, tập quán sinh hoạt và kinh nghiệm sản xuất riêng đã tạo nên nền văn hoá đa dạng về bản sắc.

Trải qua hàng nghìn năm chinh phục thiên nhiên, với đức tính cần cù và lòng dũng cảm, đã hun đúc nên sự sáng tạo trong lao động của người dân huyện Hàm Yên. Với tình yêu quê hương tha thiết và đôi bàn tay khéo léo, tâm hồn nhạy cảm, các dân tộc huyện Hàm Yên đã sáng tạo, gìn giữ và làm giàu kho tàng văn hóa của mình với nhiều lễ hội, trò chơi dân gian như: Hội chọi trâu, Hội Cầu Đình (xã Bạch Xa), lễ hội đón xuân của người H'Mông ở thôn Cao Đường xã Yên Thuận, Hội thi ném còn, cà kheo, đánh đu...

Ngày nay những nét đẹp về truyền thống văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc vẫn luôn được người dân trong huyện gìn giữ và phát huy. Đồng thời, thông qua các lễ hội, hoạt động văn hóa, văn nghệ và từ chính hoạt động trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày đã góp phần định hướng cho thế hệ trẻ tiếp thu các giá trị hiện đại, phù hợp với truyền thống, rèn luyện đạo đức, lối sống và làm giàu thêm bản sắc văn hóa dân tộc. Qua đó, nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế, phát triển du lịch gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa. Từ đây, vừa thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân vừa tạo kênh quảng bá, giới thiệu văn hóa truyền thống địa phương một cách hiệu quả.

* Tài nguyên du lịch

Nổi bật trong bức tranh du lịch Hàm Yên là những địa danh, những nét văn hóa truyền thống các dân tộc. Huyện có nguồn tài nguyên rừng và hệ thống sông hồ rất phong phú, đa dạng cùng với các dãy núi đá vôi và hệ thống hang động tạo nên các điểm du lịch sinh thái, du lịch văn hóa lịch sử như: Động Tiên (xã Yên Phú) đã được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận và xếp hạng là danh thắng Quốc gia; điểm du lịch tâm linh Đền Thác Cái (xã Yên Phú), Đền Bắc Mực thờ tướng Trần Hưng Đạo, đình Thác Cắm (thị trấn Tân Yên); điểm du lịch sinh thái: Hồ Khôn (xã Thái Sơn), núi Cham Chu (xã Minh Hương), thác Nắc Con (xã Yên Lâm), thác Lăn (xã

Yên Phú). Di tích Cách mạng phủ Toàn Thắng (xã Thành Long) được công nhận là di tích lịch sử cấp tỉnh.

Do có nhiều dân tộc sinh sống với những phong tục tập quán khác nhau tạo cho Hàm Yên một không gian văn hoá đa dạng, đây là điều kiện tạo nên các sản phẩm du lịch hấp dẫn đó là: Hội thi Ném Cờn, hội chợ Thụt ở xã Phù Lưu, Lễ hội Lồng Tồng, Lễ hội Động Tiên (ngày 9 tháng Giêng), Lễ hội đình Thác Cắm (ngày 10 tháng Giêng), Lễ hội Đền Thác Cái (ngày 15 tháng 7 âm lịch), Lễ hội đền Bắc Mực, các trò chơi dân gian được tổ chức hàng năm, có các sản phẩm thủ công truyền thống như: Mành cọ, dệt thổ cẩm, đồ gỗ; các món ăn ẩm thực rất phong phú của đồng bào các dân tộc thiểu số: Cơm lam, thịt trâu khô, mắm cá ruộng, xôi ngũ sắc..., hiện vẫn còn ở xã Đức Ninh, Hùng Đức, Thái Sơn, Phù Lưu đã làm nên nét độc đáo cho Hàm Yên. Sản phẩm đặc sản nông nghiệp của địa phương như gạo nếp cái, vạt bầu Minh Hương, thương hiệu Cam Sành Hàm Yên, chè Tân Thành, Thái Hoà, rượu thóc xã Phù Lưu đáp ứng được thị hiếu của khách du lịch, mang lại sức hấp dẫn đối với du khách ghé thăm.

Huyện Hàm Yên được coi là điểm hội tụ các yếu tố, điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch cộng đồng, gắn với văn hóa dân tộc. Khai thác được một số tiềm năng về du lịch của địa phương sẽ thu hút được lực lượng lao động nông thôn, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động và tăng nguồn thu ngân sách cho địa phương. Đồng thời gây dựng được hình ảnh về du lịch của địa phương đối với du khách thập phương. Trong thời gian tới cần quan tâm, phát triển tiềm năng du lịch của huyện Hàm Yên cả về chiều sâu và chiều rộng để trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của huyện.

2.1.3. Hiện trạng môi trường

2.1.3.1. Thực trạng môi trường không khí và tiếng ồn

- Hiện trạng môi trường không khí khu vực thành thị, khu dân cư tập trung và dịch vụ:

Chất lượng môi trường không khí ở hầu hết các điểm quan trắc đều có xu hướng tăng, nhất là ở khu vực gần đường giao thông, nút giao thông trong đô thị, khu dân cư. Tuy nhiên hàm lượng các chất tại các điểm đo đa số đạt QCCP; hàm lượng bụi tại các điểm quan trắc đến kỳ quan trắc tháng 12/2021 cho thấy công tác giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở các điểm nóng đô thị đang được cải thiện theo chiều hướng tích cực hướng tới mục tiêu đô thị văn minh, sạch đẹp. Các chất như Cl₂ thường không phát hiện thấy hoặc chỉ thấy ở dạng vết.

- Hiện trạng môi trường không khí khu vực các khu công nghiệp, nhà máy và khai thác khoáng sản:

Chất lượng môi trường không khí ở hầu hết các điểm đo nằm trong giới hạn quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường không khí. Các kết quả cho thấy công tác giảm thiểu và đầu tư công nghệ xử lý môi trường của khu vực này có hiệu quả. Các chất như Cl_2 thường không phát hiện thấy hoặc chỉ thấy ở dạng vết.

- Hiện trạng môi trường tiếng ồn khu vực thành thị, khu dân cư tập trung:

Vào ban ngày tiếng ồn trung bình ở các điểm đo tháng 12/2021 dao động 43-79 dBA. Trong đó tiếng ồn tại chợ Hàm Yên; Khu vực ngã tư bưu điện Tân Yên huyện Hàm Yên (QT7A) và Cổng bệnh viện Hàm Yên (QT7B) vượt lần lượt là 1,02 lần; 1,04 và 1,02 lần. Như vậy có thể thấy xu hướng ô nhiễm tiếng ồn đang tăng dần tại các khu vực thành thị và khu dân cư tập trung. Tiếng ồn phát sinh chủ yếu bởi các phương tiện tham gia giao thông nơi các điểm nút như ngã 3, ngã tư và khu vực họp chợ. Thời điểm tiếng ồn cao nhất thường là vào các thời gian tan tầm, lượng người tham gia giao thông lớn.

- Hiện trạng môi trường tiếng ồn khu vực các khu công nghiệp, nhà máy và khu khai thác khoáng sản:

Tiếng ồn trung bình ở các điểm đo tháng 12/2021 dao động 61- 74 dBA. Trong đó tiếng ồn tại khu vực mỏ đá km31, xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên (QT32) vượt 1,02 lần so với QCVN 26:2010/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Khu vực mỏ đá Km31, xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên (QT32) vượt 1,02 lần so với QCVN 26:2010/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

(Nguồn: Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Tuyên Quang – Trung tâm Quan trắc Tài Nguyên và Môi trường)

2.1.3.2. Thực trạng và diễn biến chất lượng môi trường nước

a. Nguồn nước mặt

Nguồn cung cấp nước mặt chủ yếu của huyện Hàm Yên là sông Lô và một số sông suối trên địa bàn huyện.

Qua kết quả quan trắc, phân tích các chỉ tiêu nước mặt sông Lô tháng 12/2021 tại Yên Lâm, Tân Yên, huyện Hàm Yên nhận thấy chất lượng nước sông Lô như sau:

Từ tháng 12/2008 đến tháng 12/2021, nước sông Lô tại Tân Yên đều đạt Quy chuẩn chất lượng nước mặt loại B1. Tuy nhiên giá trị một số chỉ tiêu trong nước sông Lô tại đây có sự biến đổi như sau:

- Nước sông Lô khá trong, không mùi, không vị. Nhiệt độ trung bình khoảng 17,46°C.

- Nước sông Lô có độ pH dao động trung bình khoảng 6,2.

- Hàm lượng oxy hoà tan trong nước sông Lô trung bình khoảng 4,605 mg/l; phù hợp cho sự phát triển của động vật thủy sinh.

- Nhu cầu oxy sinh học BOD5:

Hàm lượng BOD5 trong nước sông Lô trung bình là 12,3 mg/l. Nhìn chung đạt Quy chuẩn nước mặt loại B1.

- Nhu cầu oxy hoá học COD: Hàm lượng COD trong nước sông Lô trung bình là 23,8 mg/l; Nhìn chung đạt Quy chuẩn nước mặt loại B1.

- Hàm lượng chất rắn lơ lửng trung bình 26,2 mg/l, đều đạt Quy chuẩn nước mặt loại B1.

- Hàm lượng tổng các hợp chất chứa phospho trong nước sông Lô nhìn chung khá thấp, đạt giá trị trung bình 0,392 mg/l.

- Lượng Coliform trung bình là 3633 MPN/100ml đều đạt Quy chuẩn nước mặt loại B1.

- Hàm lượng sắt trong nước sông Lô dao động trung bình 0,29 mg/l, đều đạt Quy chuẩn nước mặt loại B1.

Trong nước sông Lô có mặt hầu hết các nguyên tố kim loại nặng nhưng hàm lượng của chúng khá thấp và đều đạt Quy chuẩn nước mặt loại B1.

Qua kết quả đợt quan trắc tháng 12/2021 nước hồ Khôn nhận thấy chất lượng nước như sau:

- Nước các hồ có độ pH dao động trung bình khoảng 6,38.

- Hàm lượng oxy hoà tan trong nước các hồ trung bình khoảng 4,61 mg/l; đều đạt Quy chuẩn nước mặt loại B1.

- Nhu cầu oxy sinh học BOD5: Hàm lượng BOD5 trong nước hồ trung bình khoảng 11,33 mg/l, hầu hết đạt Quy chuẩn nước mặt loại B1.

- Nhu cầu oxy hoá học COD:

Hàm lượng COD trong nước các hồ trung bình khoảng 24,11 mg/l, hầu hết đạt Quy chuẩn nước mặt loại B1.

- Hàm lượng chất rắn lơ lửng trong các hồ khá thấp, hầu như đạt QCCP.

- Hàm lượng tổng các hợp chất chứa nitơ, phospho trong nước các hồ nhìn chung khá thấp.

- Lượng Coliform dao động trung bình là 3.916 MPN/100ml, đều đạt Quy chuẩn nước mặt loại B1.

- Hàm lượng sắt trong nước các hồ dao động trung bình 0,233 mg/l, đều đạt QCCP. Hàm lượng Fe ở hồ dài tương niệm tháng 12/2021 thấp hơn so với các năm trước và nằm trong Quy chuẩn cho phép.

Trong nước các hồ có mặt một số các nguyên tố kim loại nặng nhưng hàm lượng của chúng khá thấp và đều đạt Quy chuẩn nước mặt loại B1.

Đánh giá chung: Tại các vị trí quan trắc chất lượng môi trường nước mặt, hàm lượng của các chất độc hại trong hầu hết các mẫu nước đều nhỏ hơn Quy chuẩn cho phép.

b. Nguồn nước ngầm

- Nước có độ pH biến đổi từ 6,14 - 6,48, trung bình 6,34.

- Hàm lượng BOD5 tại một số điểm quan trắc trong tầng chứa nước lỗ hổng không phát hiện thấy. Phát hiện thấy tại Thúc Hạ - Hàm Yên (NDD.01:QT7A) có giá trị bằng 1 và nằm trong ngưỡng quy chuẩn cho phép.

- Hàm lượng COD tại các điểm quan trắc trong tầng chứa nước lỗ hổng không phát hiện thấy.

- Hàm lượng Nitrit có giá trị trung bình 0,035 mg/l. Đạt QCCP.

- Hàm lượng Nitrat biến đổi từ 0,22 – 0,53 mg/l, trung bình 0,385 mg/l. Đạt QCCP.

- Hàm lượng Coliform tại các điểm quan trắc tầng chứa nước lỗ hổng mùa khô tháng 12/2021 không phát hiện thấy.

- Hàm lượng Fe biến đổi từ 0,057 – 0,13 mg/l, trung bình 0,08 mg/l. Đạt QCCP.

(Nguồn: Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Tuyên Quang – Trung tâm Quan trắc Tài Nguyên và Môi trường)

2.1.3.3. Thực trạng môi trường đất

Kết quả phân tích một số mẫu đất đặc trưng trên địa bàn huyện Hàm Yên năm 2021 cho thấy:

- Đất trồng rừng ở Cham Chu, xã Minh Hương - Hàm Yên (QT5) đều đạt Quy chuẩn cho phép.

- Đất trồng cam tại xã Yên Lâm - Hàm Yên (QT6).
- Đất bãi bồi ven sông Lô tại thị trấn Tân Yên - Hàm Yên (QT7A): Các chỉ tiêu phân tích đều đạt Quy chuẩn cho phép.
- Đất tại thôn Làng Chùa xã Thái Hòa - Hàm Yên (QT31). Các chỉ tiêu phân tích đều đạt Quy chuẩn cho phép. Riêng hàm lượng Cd tháng 12/2021 không phát hiện thấy, tháng 12/2018 có hàm lượng giảm so với tháng 12/2017, tháng 4/2017, tháng 4/2016, 12/2015, 4/2015, 12/2014 và 4/2014, nằm trong ngưỡng QCCP.
- Các chỉ tiêu phân tích mẫu đất trồng cam tại Yên Lâm - Hàm Yên (QT6) đều đạt Quy chuẩn cho phép. Hàm lượng Pb tháng 12/2021 tăng so với tháng 12/2021 và có xu hướng tăng dần lên so với các năm trước, tuy nhiên vẫn nằm trong ngưỡng quy chuẩn cho phép.

2.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

Năm 2022, tình hình trong nước cũng như trên địa bàn tỉnh vẫn chịu nhiều ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 áp lực lạm phát tăng cao; giá xăng dầu, nguyên vật liệu biến động mạnh, ảnh hưởng đến nhiều ngành, lĩnh vực; nhiều vấn đề tồn đọng kéo dài cần được giải quyết; trong khi đó, thiên tai, bão lũ diễn biến phức tạp, gây nhiều thiệt hại cho sản xuất kinh doanh và đời sống của nhân dân.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, sát sao của Huyện ủy, sự giám sát chặt chẽ của Hội đồng nhân dân huyện, sự điều hành tập trung, linh hoạt, hiệu quả của Ủy ban nhân dân huyện; sự nỗ lực, đổi mới, sáng tạo, quyết tâm, đoàn kết thống nhất cao của các cấp, ngành, địa phương, đơn vị, cộng đồng doanh nghiệp các thành phần kinh tế và nhân dân, đã tạo nên sức mạnh to lớn và đạt những kết quả khả quan trong việc thực hiện phát triển kinh tế - xã hội thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch covid-19.

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022. Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành các kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời, chỉ đạo thực hiện quyết liệt 93 nhiệm vụ trọng tâm năm 2022 và ban hành 14 kế hoạch thực hiện các Nghị quyết, Chương trình, Đề án, Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII và Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI.

Qua đánh giá kết quả thực hiện phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 có 16/16 chỉ tiêu ước đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch, kết quả thực hiện các chỉ tiêu như sau:

(1) Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 40,8 triệu đồng, đạt 100%KH, tăng 13,9% so với năm 2021.

(2) Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản (Giá so sánh năm 2010) ước đạt 2.595 tỷ đồng, đạt 100%KH, tăng 17% so với năm 2021.

(3) Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn ước đạt 1.494 tỷ đồng, đạt 100%KH, tăng 10,5% so với năm 2021; tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ xã hội ước đạt 2.300 tỷ đồng, đạt 100% KH, tăng 9,4% so với năm 2021.

(4) Bê tông hoá đường giao thông nông thôn ước đạt 43 km. (trong đó đường nội đồng 10 km; đường trục thôn 33 km), đạt 100% kế hoạch; kiên cố hóa kênh mương nội đồng 15 km, đạt 100% KH giao; hoàn thành đạt chuẩn nông thôn mới thêm 03 xã (Minh Khương, Yên Phú, Bạch Xa) nâng số xã đạt chuẩn nông thôn mới lên 11/17 xã, đạt 100% kế hoạch giao, tăng 37,5% so với năm 2021.

(5) Tổng sản lượng lương thực (lúa, ngô) ước đạt 53.256 tấn, trong đó: Thóc 38.612 tấn, ngô 14.644 tấn, đạt 100,7% KH, đạt 99,7% so với năm 2021.

(6) Trồng rừng 2.571,3 ha, đạt 103,7% KH, tăng 1,5% so với năm 2021; chăm sóc 2.178 ha chè, đạt 101,3%KH; chăm sóc 6.315 ha cam, đạt 90,2%KH, bằng 90,7% so với năm 2021; trồng và chăm sóc 240,3 ha mía, đạt 81,5%KH, bằng 98,8% so với năm 2021.

(7) Chăn nuôi: Tổng đàn trâu 13.011 con, đạt 93,4%KH, bằng 96,9% so với năm 2021; đàn bò 4.300 con, đạt 100%KH, tăng 6,8% so với năm 2021; đàn lợn 70.680 con, đạt 100%KH và tăng 4,6% so với năm 2021; đàn gia cầm 1.092.000 con, đạt 100% kế hoạch và tăng 6% so với năm 2021; diện tích nuôi thả cá 561 ha, sản lượng 1.529 tấn, đạt 100%KH giao bằng 98,4% so với năm 2021.

(8) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 126 tỷ đồng, đạt 101,6% kế hoạch, tăng 15,5% so với năm 2021.

(9) Chất lượng giáo dục: Duy trì 100% số xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học từ mức 2 trở lên, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2; tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đi nhà trẻ đạt 38,3%, đạt 109,1% KH, tăng 11,7% so với năm 2021; tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đi học mẫu giáo đạt 100%; trẻ 5 tuổi vào học mẫu giáo đạt 100%KH; trẻ 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 100%KH; tỷ lệ huy động học sinh hoàn thành tiểu học lớp 5 vào học THCS đạt 100% KH.

(10) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) 22%, đạt 99,1%KH; 18/18 xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã, đạt 100%KH,

tăng 5,9% so với cùng năm 2021; tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đủ các loại vắc xin đạt 78%, đạt 78,8%KH; tỷ lệ xã, thị trấn có bác sỹ đạt 94,4%; đạt 106,2%KH.

(11) Số lao động được tạo việc làm 3.519/3.080 người, đạt 113,7% kế hoạch, đạt 106,2% so với năm 2021; tỷ lệ lao động qua đào tạo 61,6%, đạt 100%KH; trong đó đào tạo nghề đạt 41,4%, đạt 100%KH.

(12) Ước mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giảm 6,44%, đạt 138,5%KH.

(13) Có 92% gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa, đạt 100%KH; 87% thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa, đạt 100%KH; 92% số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa, đạt 100%KH; thu hút trên 113.000 lượt khách du lịch, doanh thu ước đạt 95 tỷ đồng, đạt 103,2%KH, tăng 36,3% so với năm 2021.

(14) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 58,1%, đạt 100%KH; có 99% hộ dân ở thành thị được sử dụng nước sạch, đạt 100%KH, 98,0% hộ dân ở nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, đạt 100%KH; 88% chất thải rắn thông thường, (đạt 100%KH; 100% chất thải nguy hại, chất thải y tế được xử lý, đạt 100%KH; tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia đạt 99,6%, đạt 100%KH.

(15) Tỷ lệ đô thị hóa đạt 11%, đạt 100%KH, tăng 0,7% so với năm 2021.

(16) Giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội; kịp thời giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; đảm bảo an toàn trong các ngày lễ lớn.

(Nguồn: Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 11 tháng, ước thực hiện tháng 12 và năm 2022; Phương hướng nhiệm vụ năm 2023)

2.2.1. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực

2.2.1.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp

- Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, kế hoạch, chính sách về phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp; chỉ đạo tổ chức thực hiện sản xuất nông lâm nghiệp đúng khung thời vụ và chủ động chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng; tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, giá trị trên diện tích đất canh tác được nâng lên. Triển khai thực hiện 16 mô hình khuyến nông trên địa bàn huyện. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp thủy sản ước đạt 2.595 tỷ đồng, đạt 100%KH, đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn. Tổng sản lượng lương thực (lúa, ngô) đến ngày 30/11/2022 đạt 48.661 tấn, đạt 92%KH, ước tháng 12/2022 đạt 4.559 tấn; ước thực hiện cả năm 2022 đạt 100,7% KH.

+ Cây chè đến ngày 30/11/2022, ước thực hiện cả năm diện tích đạt 2.178 ha, đạt 101,3% so với kế hoạch, diện tích chè sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP 29,0 ha; 2022 dự kiến cấp thêm 33,5 ha chè VietGAP. Triển khai thực hiện xây dựng nhãn hiệu và nâng hạng sản phẩm chè trên địa bàn huyện.

+ Cây cam cả năm diện tích đạt 6.315 ha, đạt 90,2% kế hoạch, so với năm 2021 bằng 90,7%; trong đó diện tích trồng lại 80,0 ha; diện tích cho sản phẩm 5.696,7 ha đạt 89,6% kế hoạch. Sản lượng ước đạt trên 74.057 tấn, đạt 68,5% KH và bằng 88,1% so với năm 2021. Diện tích cam sản xuất tiêu chuẩn VietGAP toàn huyện 1.292,5 ha, diện tích chuyển đổi sản xuất cam hữu cơ 24,4 ha.

+ Cây ăn quả khác: Cây bưởi 360 ha (Diện tích sản xuất tiêu chuẩn VietGAP 5,5ha, dự kiến chứng nhận trong năm 2022: 12,9 ha; diện tích hữu cơ 9,9 ha). Cây chanh 940 ha, thanh long 103,6 ha, diện tích cho sản phẩm 75,8ha, sản lượng ước khoảng 1.895 tấn, cây nhãn 30 ha; cây ăn quả khác 400,2 ha.

- Công tác chăn nuôi, thú y: Duy trì phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá, chăn nuôi tập trung; triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách của tỉnh để hỗ trợ chăn nuôi, tái đàn, ưu tiên mở rộng quy mô chăn nuôi có hợp đồng liên kết, công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm được thực hiện theo kế hoạch; tăng cường các giải pháp nhằm giám sát, phát hiện và xử lý kịp thời các dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, không để lây lan rộng. Triển khai thực hiện tốt công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm và các biện pháp phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm.

- Công tác bảo vệ phòng, chống cháy rừng và trồng rừng tiếp tục được quan tâm chỉ đạo; kết quả thực hiện trồng rừng sản xuất hỗ trợ năm 2022 theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh: 600 ha, trong đó: Keo lai mô 500 ha, keo tai tượng hạt ngoại 100 ha. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 58,1%. Thực hiện quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC với diện tích 4.507,56 ha rừng. Phát triển diện tích rừng trồng gỗ lớn lũy kế 14.069 ha, đạt 94,8% KH.

Công tác quản lý và bảo vệ rừng: Tăng cường công tác tuyên truyền về bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng, tổ chức diễn tập PCCC cấp xã năm 2022 tại xã Bằng Cốc. Từ đầu năm đến nay trên địa bàn không xảy ra cháy rừng; toàn huyện đã kiểm tra, phát hiện và lập hồ sơ xử lý 12 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp, vi phạm quy định về quản lý hồ sơ lâm sản (giảm 14 vụ so với cùng kỳ năm 2021).

Bàn giao đất ngoài thực địa tại xã Yên Lâm, Yên Phú và trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 95/110 giấy các hộ gia đình, cá nhân đối với diện tích rừng

327, 661 đã quy hoạch lại là rừng sản xuất theo Quyết định 270/QĐ-UBND của UBND tỉnh đảm bảo đúng quy định.

- Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản: Thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành triển khai, thực hiện công tác quản lý vật tư nông nghiệp và thực phẩm nông, lâm thủy sản trên địa bàn huyện. Trong năm đã cấp mới, cấp lại được 11 Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho các hộ gia đình và HTX.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, giá trị trên đơn vị diện tích đất canh tác được nâng lên. Phương thức sản xuất từng bước được đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả; bước đầu đã hình thành liên kết trong sản xuất hàng hoá, gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ; việc đăng ký nhãn hiệu và quảng bá thương hiệu sản phẩm hàng hóa được đẩy mạnh, đáp ứng yêu cầu thị trường. Thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP): Đến nay toàn huyện có 09 sản phẩm đạt sản phẩm OCOP; trong năm 2022 đánh giá phân hạng, nâng hạng 13 sản phẩm (01 sản phẩm nâng hạng đạt 4 sao, 12 sản phẩm đánh giá phân hạng đạt từ 3 sao trở lên).

- Hợp tác xã: Toàn huyện có 73 hợp tác xã trong đó (Hợp tác xã nông nghiệp: 66 HTX; Hợp tác xã phi nông nghiệp: 7 HTX). Năm 2022, thành lập mới 11 HTX theo Luật HTX năm 2012, thực hiện giải thể 08 HTX. Huyện có 39 hợp tác xã có liên kết theo chuỗi giá trị; sản phẩm liên kết sản xuất và tiêu thụ gồm: cam, chè, trâu bò, gia cầm, cá, cây làm dược liệu, mật ong... Đã có chuyên biên tương đối rõ nét về phương thức hoạt động, đầu tư, liên kết, liên doanh, sản xuất gắn với chuỗi giá trị của hợp tác xã với các doanh nghiệp, người dân từ khâu sản xuất, sơ chế, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa; sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.

(Nguồn: Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 11 tháng, ước thực hiện tháng 12 và năm 2022; Phương hướng nhiệm vụ năm 2023)

2.2.1.2. Khu vực kinh tế công nghiệp

Triển khai các kế hoạch phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ và du lịch giai đoạn 2021-2025 và năm 2022. Các doanh nghiệp trên địa bàn đã khắc phục những

khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid -19, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh; Giá trị sản xuất công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp đến ngày 30/11/2022 đạt 1.371,4 tỷ đồng, đạt 91,8% kế hoạch, ước tháng 12 đạt 122,6 tỷ đồng; ước thực hiện cả năm đạt 1.494 tỷ đồng, đạt 100%KH huyện, tăng 36,3%KH tỉnh giao, tăng 10,5% so với năm 2021; tỷ lệ hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia đạt 99,6%.

Dự án đường cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1): Triển khai thực hiện Nghị quyết số 63- NQ/HU ngày 12/8/2022; thành lập tổ giúp việc, thông qua 19 khu dân cư để tạo quỹ đất tái định cư cho các hộ nhân dân liên quan đến công trình để bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Ký cam kết thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án đường cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1) cùng các xã, thị trấn, các cơ quan liên quan, tham gia phát động phong trào thực hiện giải phóng mặt bằng Dự án đường cao tốc Tuyên Quang-Hà Giang (giai đoạn 1) đoạn đi qua huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến ngày 30/11/2022 đạt 117,9 tỷ đồng, đạt 95,1% kế hoạch, ước tháng 12 đạt 8,3 tỷ đồng; ước thực hiện năm 2022 đạt 126 tỷ đồng, đạt 101,6% kế hoạch, tăng 15,5% so với năm 2021. Thực hiện điều hành chi ngân sách theo đúng phân cấp quản lý, đảm bảo các nhiệm vụ chi thường xuyên, chế độ chính sách và các nhiệm vụ đột xuất phát sinh, góp phần thực hiện hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm. Thực hiện công khai dân chủ, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách.

Triển khai chính sách cho vay ưu đãi thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ trên địa bàn theo đúng quy định. Kết quả đến nay đã thực hiện cho vay 17,6 tỷ đồng/367 (hộ gia đình, cơ sở, học sinh sinh viên và người lao động).

(Nguồn: Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 11 tháng, ước thực hiện tháng 12 và năm 2022; Phương hướng nhiệm vụ năm 2023)

2.2.1.3. Khu vực kinh tế dịch vụ

** Về thương mại, dịch vụ:*

Tổng mức bán lẻ hàng hóa đến ngày 30/11/2022 đạt 2.107 tỷ đồng, đạt 91,6% kế hoạch, ước tháng 12 đạt 193 tỷ đồng; ước cả năm 2022 đạt 2.300 tỷ đồng, đạt 100%KH huyện, tăng 6,2% KH tỉnh giao, tăng 9,5% so với năm 2021.

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 13/10/2021 của Ủy ban nhân dân huyện thực hiện Đề án thu hút đầu tư trên địa bàn huyện Hàm

Yên giai đoạn 2021-2025. Năm 2022 huyện tập trung thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng 16 công trình dự án trên địa bàn huyện.

Tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển đa dạng, kinh doanh có hiệu quả, khuyến khích phát triển các doanh nghiệp tư nhân, kinh tế trang trại, kinh tế hộ gia đình kinh doanh, chăn nuôi, trồng trọt những cây, con có giá trị kinh tế cao. Đẩy mạnh đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn huyện.

2.2.2. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất

2.2.2.1. Dân số

* Dân số: Tổng dân số trên địa bàn toàn huyện (tính đến ngày 31/01/2021) là 123.777 người, mật độ dân số đạt 137 người/km², trong đó:

- Dân số trung bình thành thị: 10.682 người.
- Dân số trung bình nông thôn: 113.095 người.

Huyện Hàm Yên có mật độ dân số ở mức thấp so với mức trung bình chung của tỉnh Tuyên Quang. Tốc độ tăng dân số tự nhiên 8,4%, tỷ suất sinh thô là 14,6%, tỷ suất chết thô là 6,20%. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên ở mức thấp so với tỷ lệ phát triển dân số chung. Điều đó đặt ra nhiệm vụ cho toàn huyện là ổn định tỷ lệ tăng trưởng dân số cơ học của huyện để đảm bảo cho sự phát triển.

Chất lượng dân số ngày càng được cải thiện, đây là kết quả của công tác giáo dục và chăm sóc sức khỏe, số học sinh đến trường ngày càng tăng, chất lượng giáo dục ngày càng phát triển, số học sinh đỗ tốt nghiệp đạt tỷ lệ 99,8%, 18/18 xã, thị trấn có Trạm y tế, trong đó có 16/18 trạm y tế có bác sĩ.

* Dân tộc: Trên địa bàn huyện có 13 dân tộc sinh sống, dân tộc Tày, dân tộc Dao, dân tộc Kinh, dân tộc Hoa, dân tộc Mông, dân tộc Mường, dân tộc La Chí, dân tộc Nùng, Dân tộc Cao Lan... Đồng bào dân tộc Tày và Dao là những dân tộc chủ yếu, sống lâu đời của huyện. Mỗi dân tộc đều lựa chọn địa bàn cư trú khác nhau phù hợp với các phong tục tập quán và các lễ hội riêng tạo nên nét bản sắc rất đa dạng phong phú.

2.2.2.2. Lao động, việc làm và thu nhập

Công tác lao động, việc làm và thực hiện chính sách an sinh xã hội được duy trì thực hiện đầy đủ, kịp thời; thực hiện bảo đảm an sinh, an ninh, an toàn trật tự xã hội và an toàn phòng, chống dịch theo quy định; Triển khai thực hiện các

chính sách của Chính phủ hỗ trợ người dân, các đối tượng yếu thế, người có hoàn cảnh khó khăn bị tác động bởi dịch COVID-19. Thực hiện Quyết định số 08/QĐ-TTg, Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 16/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động. Đến ngày 30/11/2022 tạo việc làm cho 2.971 người, đạt 96% KH, ước tháng 12/2022 tạo việc làm 548 người; cả năm tạo việc làm 3.519/3.080 người, đạt 113,7% kế hoạch, tăng 6,2% so với năm 2021; Xuất khẩu lao động nước ngoài đến 30/11/2022 và cả năm được 58/50 lao động, đạt 105,5% kế hoạch, tăng 145% so với năm 2021. Triển khai thực hiện dự án đa dạng hóa sinh kế mô hình giảm nghèo với kinh phí 77 triệu đồng. Huyện tổ chức tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho trên 4.000 lao động. Phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tổ chức phiên giao dịch việc làm huyện Hàm Yên năm 2022.

Phối hợp với các ngành có liên quan, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị tài trợ rà soát, lập danh sách, tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho 4.380 hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với số kinh phí 1.856,1 triệu đồng (*tăng 2.740 xuất so với năm 2021*). Hỗ trợ 1.348 hộ gia đình có nguy cơ thiếu đói trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022 cho 4.705 khẩu với 70.575 Kg gạo; Hỗ trợ 1.304 hộ gia đình có nguy cơ thiếu đói trong dịp giáp hạt đầu năm 2022 cho 4.695 khẩu với 70.425 kg gạo.

Tổ chức thăm hỏi, tặng quà và cấp kinh phí quà của Chủ tịch nước, của Tỉnh cho người có công và thân nhân người có công nhân dịp Kỷ niệm 75 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2022) tặng 2.851 xuất với tổng kinh phí 1.046,6 triệu đồng.

Kết quả triển khai hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo và cận nghèo năm 2022: Tổng số nhà hỗ trợ đợt I năm 2022 là 682 nhà với tổng kinh phí hỗ trợ 37.530 triệu đồng, đến ngày 30/11/2022 đã xây dựng xong 647 nhà/682 nhà, đạt 94,9%; đang thực hiện xây dựng 35 nhà.

Chính sách tín dụng: Cho 913 hộ nghèo vay vốn với số tiền 53.899 triệu đồng; 483 hộ cận nghèo vay với số tiền 28.440 triệu đồng; 161 hộ mới thoát nghèo vay với số tiền là 8.967 triệu đồng. Thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho 6.875 hộ nghèo với tổng kinh phí 3.397,845 triệu đồng.

Triển khai thực hiện tốt Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025.

Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và năm 2022; huyện ban hành quyết định và các kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện.

Tăng cường các hoạt động truyền thông công tác bảo vệ trẻ em, nhất là các biện pháp bảo vệ trẻ em trong thời gian nghỉ học phòng, chống dịch COVID-19. Thực hiện tốt công tác phòng, chống ma túy, mại dâm và mua bán phụ nữ, trẻ em trên địa bàn huyện. Công tác vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới được duy trì, triển khai “Lễ phát động Tháng hành động quốc gia vì bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới” năm 2022.

2.2.3. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn

2.2.3.1. Thực trạng phát triển đô thị

Huyện Hàm Yên hiện có một đô thị là thị trấn Tân Yên (đạt tiêu chuẩn đô thị loại V), cách thành phố Tuyên Quang 42 km về phía Bắc, diện tích của thị trấn là 3.277,41 ha, chiếm 3,63% tổng diện tích tự nhiên của huyện, đây là trung tâm chính trị, kinh tế - văn hoá - xã hội của huyện. Dân số của thị trấn năm 2021 có 12.547 nhân khẩu với 3.236 hộ.

Thị trấn Tân Yên là nơi tập trung các cơ quan hành chính, các công trình phúc lợi công cộng, các cơ sở thương mại - dịch vụ gắn liền với các khu dân cư. Trong những năm gần đây hệ thống cơ sở hạ tầng có nhiều thay đổi, các công trình xây dựng cơ bản như trụ sở làm việc của các cơ quan, các công trình phúc lợi xã hội, hệ thống giao thông, cấp thoát nước mạng lưới thông tin, bưu điện phát thanh truyền hình, các dịch vụ ngân hàng thương mại, du lịch...Nhà ở đang được cải tạo, nâng cấp, kiến trúc đô thị ngày một khang trang. Tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn huyện ước năm 2022 đạt 11%, đạt 100%KH, tăng 0,7% so với năm 2021; phối hợp Sở Xây dựng thực hiện các công tác phục vụ quy hoạch 02 đô thị mới tại xã Thái Sơn, Phù Lưu. Tiếp tục rà soát, xây dựng, hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại IV tại thị trấn Tân Yên.

2.2.3.2. Thực trạng phát triển khu dân cư nông thôn

Huyện có 17 xã thuộc khu vực nông thôn, tổng cộng có 262 thôn. Với phong tục, tập quán có từ lâu đời, các điểm dân cư nông thôn thường được hình thành và phát triển dọc theo các tuyến giao thông chính, gần nguồn nước, nơi có địa hình bằng phẳng, thuận tiện cho sản xuất và sinh hoạt của người dân. Hệ thống cơ hạ tầng như trụ sở UBND xã, trường học, sân thể thao, bưu điện văn hoá... tập trung chủ yếu ở trung tâm các xã, đối với các thôn xóm xa trung tâm xã chỉ có các điểm trường học. Do điều kiện địa hình phức tạp và kinh tế còn nhiều khó khăn nên khả năng đầu tư về cơ sở vật chất trong khu dân cư nông thôn của huyện trong những năm qua còn có những hạn chế nhất định.

Thực trạng hệ thống cơ sở hạ tầng trong khu dân cư nông thôn đang ngày càng được cải thiện đáp ứng tốt hơn nhu cầu đời sống vật chất tinh thần của người dân.

2.2.4. Phân tích thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

Huyện tập trung nguồn lực hoàn thiện cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đến nay 18/18 xã, thị trấn đã có điện lưới quốc gia và có đường ô tô đến trung tâm; cơ sở vật chất các trạm y tế, trường học, trụ sở các xã, thị trấn được quan tâm đầu tư xây dựng theo lộ trình đạt chuẩn quốc gia.

2.2.4.1. Giao thông vận tải

*** Giao thông đường thủy**

Sông Lô là tuyến giao thông thủy duy nhất, chảy qua địa bàn huyện với chiều dài khoảng 62 km. Do đặc điểm địa hình miền núi nên sông có nhiều đoạn cong, có đá ngầm vì vậy vận tải đường thủy gặp nhiều khó khăn và không thuận lợi bằng vận tải đường bộ. Trong đó:

+ Đoạn từ xã Đức Ninh đến cầu Bợ xã Thái Sơn cho phép tàu thuyền có trọng tải khoảng 20 tấn trở xuống đi lại được trong mùa nước.

+ Đoạn từ cầu Bợ xã Thái Sơn đến bên Đền xã Bạch Xa lòng sông dốc, nhiều thác ghềnh, chỉ có các phương tiện vận tải dưới 05 tấn.

*** Giao thông đường bộ**

Trong những năm qua hệ thống đường bộ của huyện đã được Nhà nước đầu tư và huy động các nguồn lực của nhân dân nâng cấp, sửa chữa, xây dựng mới, hệ thống đường bộ trên địa bàn huyện gồm:

- Quốc lộ 2: Từ Km115+00, xã Đội Bình, huyện Yên Sơn đến Km205+00, xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên, chiều dài 90 Km. Đây là tuyến đường có vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của cả tỉnh Tuyên Quang nói chung và huyện Hàm Yên nói riêng. Đường đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi 2 làn xe, có khả năng lưu thông tốt.

- Quốc lộ 3B: Đây là tuyến đường nối từ Km166, QL.2 xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên đến xã Yên Lập, huyện Chiêm Hóa dài 55,65 Km. Đường đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi 2 làn xe, có khả năng lưu thông tốt.

- Đường tỉnh 189: Tổng chiều dài là 57,0 km. Tuyến đường nối từ Km0+00 (giao với Km272+00, QL.3B xã Bình Xa, huyện Hàm Yên đến Km57+00, thôn Lục

Khang, xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên. Mặt đường láng nhựa, đường đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi.

- Đường đô thị: Hệ thống đường đô thị toàn huyện dài 22,35 km tại thị trấn được nhựa hoá. Riêng đoạn Kho Bạc - ngã ba Dốc Đền do dùng làm đường tránh để thi công Quốc lộ 2 hiện nay đã xuống cấp trầm trọng. Nhìn chung, hệ thống đường đô thị chưa đáp ứng với yêu cầu tốc độ phát triển kinh tế ở đô thị của huyện.

- Bến xe, điểm đỗ, trạm dừng nghỉ: Bến xe có 01 điểm tại thị trấn Tân Yên. Chưa có các bến đỗ, trạm dừng nghỉ trên địa bàn toàn huyện.

- Thực hiện triển khai đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống đường giao thông trên địa bàn huyện, cụ thể: Về đường trục xã thi công xây dựng 12,9km; Đường huyện tổ chức thi công xây dựng 9,08km, thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư 4,0km, đề xuất chủ trương đầu tư 13,0km; tổ chức thi công xây dựng 03 công trình đường qua trung tâm các xã theo hướng đô thị. Thực hiện tốt công tác quản lý và duy tu bảo dưỡng đường giao thông để phục vụ tốt cho các doanh nghiệp và nhân dân trong giao thương và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Triển khai thực hiện tốt bê tông hóa đường giao thông nông thôn theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND đến ngày 30/11/2022 đạt 42,28 km/43 km, đạt 98,3%KH; ước tháng 12/2022 thực hiện 0,72km; ước năm 2022 thực hiện 43/43,0km (đạt 100% KH giao). Bê tông hóa đường ngõ xóm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh đến 30/11/2022 thực hiện 9,645km/11,21km, đạt 86%KH, ước tháng 12 thực hiện 1,565km, ước năm 2022 thực hiện 11,21km/11,21km, đạt 100%KH.

Đầu tư xây dựng các tuyến đường chính qua trung tâm xã quy mô theo hướng đô thị với 05/17 xã với tổng số chiều dài là 5,563km. Đạt tỷ lệ 100% nhựa hóa, bê tông hóa đường từ trung tâm huyện đến trung tâm các xã; một số tuyến đường đã xuống cấp đã đề xuất đưa vào Kế hoạch đầu tư công của tỉnh giai đoạn 2021-2025 và Ủy ban nhân dân huyện đã trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư.

Giao thông tỉnh Tuyên Quang nói chung và Hàm Yên nói riêng chủ yếu bằng đường bộ cấp thấp, không có đường sắt và đường hàng không, mặc dù có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch, công nghiệp nhưng do chưa có đường cao tốc nên chưa kích thích được tăng trưởng kinh tế - xã hội, phát triển du lịch, công nghiệp và nhu cầu đi lại của nhân dân. Hiện tại, để kết nối Thủ đô Hà Nội cũng như các tỉnh khác đến với tỉnh Hà Giang chủ yếu đi theo đường Quốc Lộ 2 qua địa phận tỉnh Tuyên Quang (trong đó có huyện Hàm Yên). Tuy nhiên, qua hơn 20 năm đưa vào sử dụng và khai thác, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh miền núi phía Bắc,

hiện tại một số đoạn trên tuyến đã quá tải và trong thời gian tới đoạn tuyến sẽ không còn đáp ứng được đầy đủ nhu cầu vận tải.

Để khắc phục những hạn chế hiện nay và tạo ra bước phát triển đột phá về kinh tế, tỉnh Tuyên Quang đã tự chuyển mình để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông lâm nghiệp – công nghiệp – dịch vụ sang cơ cấu kinh tế công nghiệp – dịch vụ - nông lâm nghiệp. Bên cạnh đó, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng các bộ ngành Trung ương, các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang được ưu tiên bố trí vốn để đầu tư, phát triển, trong đó có dự án “xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang – Phú Thọ kết hợp với cao tốc Nội Bài – Lào Cai” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1768/QĐ-TTg ngày 06/12/2019. Tuyến đường Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang cũng đã nằm trong quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/09/2021 và trong Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 16/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh miền núi phía Bắc nói chung và hai tỉnh Tuyên Quang, Hà Giang nói riêng, góp phần thực hiện thành công các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng tại địa phương, đẩy nhanh thời gian vận chuyển hàng hóa tới cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy – Hà Giang kết nối trực tiếp với cửa khẩu Thiên Bảo – Trung Quốc, tăng cường đảm bảo an ninh quốc phòng biên giới Việt – Trung, phát huy hiệu quả đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Tuyên Quang – Phú Thọ.

2.2.4.2. Hệ thống thủy lợi

Thủy lợi, phòng, chống lụt bão, thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu: Đầu tư nâng cấp các công trình thủy lợi; kiên cố hóa kênh mương theo Nghị quyết số 09/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh đến ngày 30/11/2022, thực hiện 12,5km/15km, đạt 83,3km, ước tháng 12 thực hiện 2,5km; ước cả năm thực hiện 15 km/15km, đạt 100% kế hoạch. Ban hành Kế hoạch và tổ chức thực hiện nghiêm công tác phòng chống thiên tai năm 2022, thường xuyên cập nhật thông tin cảnh báo phòng chống thiên tai; thực hiện di dời 06/06 hộ ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm.

Song bên cạnh đó vẫn còn một số công trình thủy lợi bị xuống cấp nghiêm trọng không đáp ứng nhu cầu phục vụ cho sản xuất cần được nâng cấp, tu sửa. Số lượng công trình nhiều nhưng các công trình không tập trung nên khó khăn trong việc quản lý, điều tiết nước của các ban quản lý công trình.

(Nguồn: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 11 tháng, ước thực hiện tháng 12 và năm 2022; Phương hướng, nhiệm vụ năm 2023)

2.2.4.3. Năng Lượng:

Huyện Hàm Yên là một huyện miền núi với địa hình phức tạp, nhiều đồi núi, sông, ngòi, khe, suối, lưới điện trải rộng khắp trên toàn huyện, nhiều lưới điện được xây dựng và vận hành từ lâu. Tuy nhiên lưới điện hạ thế nông thôn đã xuống cấp, năm nào hệ thống lưới, trạm trên các địa bàn huyện Hàm Yên cũng phải chịu ảnh hưởng của thiên tai, bão lụt. Do vậy huyện đã đầu tư một số công trình điện và sửa chữa lưới điện nông thôn; quản lý, vận hành mạng lưới điện bảo đảm an toàn, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân.

2.2.4.4. Bưu chính, viễn thông và phát thanh truyền hình

Công nghệ thông tin và bưu chính viễn thông: Các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn huyện đã thực hiện tốt việc khai thác và phát triển các dịch vụ thông tin liên lạc, đáp ứng nhu cầu thông tin đến với quần chúng nhân dân trên địa bàn toàn huyện. Công tác bưu chính viễn thông, luôn thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ chuyên môn của ngành, các điểm Bưu điện văn hóa xã thường xuyên mở cửa phục vụ đọc giả đến mượn và đọc sách báo, góp phần vào việc cập nhật thông tin, nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu văn hóa ở cơ sở. - Hoạt động thông tin, truyền thông, báo chí, phát thanh được thực hiện tốt, đảm bảo chất lượng và phản ánh được toàn diện tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện, đáp ứng nhu cầu thông tin của nhân dân; tăng cường tuyên truyền và thực hiện tốt công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 và công tác phòng chống dịch bệnh Covid -19; tuyên truyền, triển khai cuộc thi trực tuyến "tìm hiểu Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng".

2.2.4.5. Giáo dục - đào tạo

Ngành Giáo dục và Đào tạo tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, duy trì ổn định quy mô trường lớp và chất lượng các cấp học; toàn huyện hiện có 66 trường/1.149 nhóm, lớp/34.098 học sinh. Chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết số 73-NQ/TU, tỷ lệ huy động trẻ đạt 32%, tăng 6% so với Kế hoạch; tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đi mẫu giáo đạt 99,9%, tỷ lệ huy động học sinh 6 tuổi vào lớp 1 đạt tỷ lệ 100%, tỷ lệ huy động học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 đạt 100%.

Chuẩn bị tốt các điều kiện thực hiện chương trình đổi mới sách giáo khoa phổ thông; chuẩn bị tốt các điều kiện tổng kết năm học 2020-2021 và triển khai năm học mới 2021-2022; thực hiện xây dựng Đề án chuyển đổi trường THCS Yên Lâm thành trường PTDTBT THCS Yên Lâm; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo chuyển đổi trường PTDTNT THCS huyện Hàm Yên thành trường PTDTNT liên cấp THCS-THPT huyện Hàm Yên; tổ chức Hội nghị Tổng kết năm học 2020-2021; triển khai phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2021-2022; Tuyên dương học sinh, giáo viên có học sinh đạt giải các kỳ thi cấp tỉnh, cấp quốc gia năm học 2020-2021;

Hoàn thành công tác tuyển sinh các bậc học năm học 2021-2022. Tổ chức xét tuyển học sinh đi học các trường nội trú Trung ương. Thực hiện kiểm tra chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng năm học mới: Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, công tác tuyển sinh năm học 2021-2022; tổ chức tốt thi tuyển sinh vào lớp 10-THPT năm học 2021-2022 và kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021; tiếp tục triển khai cho các trường thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid -19. Tổng số trường đạt chuẩn quốc gia hiện nay trên địa bàn huyện 29/66 trường, đạt tỷ lệ 43,9%.

(Nguồn: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 11 tháng, wóc thực hiện tháng 12 và năm 2022; Phương hướng, nhiệm vụ năm 2023)

Bảng 1: Danh sách các trường đánh giá diện tích đất đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện Hàm Yên

STT	Tên trường	Chuẩn quốc gia	STT	Tên trường	Chuẩn quốc gia
1	MN Yên Thuận		18	MN Hùng Đức	x
2	MN Bạch Xa		19	TH Yên Thuận	
3	MN Minh Khương		20	TH Bạch Xa	
4	MN Minh Dân		21	TH Minh Khương	
5	MN Phù Lưu	x	22	TH Minh Dân	x
6	MN Tân Thành	x	23	TH Phong Lưu	x
7	MN Bình Xa	x	24	TH Phù Loan	x
8	MN Minh Hương		25	TH Tân Loan	

STT	Tên trường	Chuẩn quốc gia	STT	Tên trường	Chuẩn quốc gia
9	MN Yên Lâm		26	TH Bình Xa	x
10	MN Yên Phú	x	27	TH Minh Quang	
11	MN Tân Yên	x	28	TH Minh Tiến	
12	MN Nhân Mục	x	29	TH Yên Lâm I	
13	MN Bằng Cốc		30	TH Yên Hương	
14	MN Thành Long		31	TH Minh Phú	x
15	MN Thái Sơn		32	TH Bắc Mục	x
16	MN Thái Hoà	x	33	TH Tân Yên	x
17	MN Đức Ninh	x	34	TH Thành Long	
35	TH Thái Sơn	x	51	THCS Tân Yên	x
36	TH Đình Thái	x	52	THCS Thành Long	
37	TH Đức Ninh	x	53	THCS Thái Sơn	x
38	TH Hùng Vân	x	54	THCS Thái Hoà	x
39	TH Hùng Thắng		55	THCS Đức Ninh	x
40	PTDTBT THCS Yên Thuận		56	PTDTBT THCS Hùng Đức	x
41	PTDTBT THCS Minh Khương		57	TH&THCS Yên Lâm	
42	THCS Bạch Xa		58	TH&THCS Việt	
43	THCS Minh Dân	x	59	TH&THCS Bằng	
44	THCS Phù Lưu	x	60	TH&THCS Thái	
45	THCS Tân Loan		61	TH&THCS Nhân	x
46	THCS Bình Xa	x	62	TH&THCS Trung	
47	THCS Minh Quang	x	63	PTDTNT THCS	
48	THCS Minh Tiến		64	THPT Hàm Yên	
49	THCS Yên Lâm		65	THPT Thái Hòa	

STT	Tên trường	Chuẩn quốc gia	STT	Tên trường	Chuẩn quốc gia
50	THCS Yên Hương	x	66	THPT Phù Lưu	x

(Nguồn: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hàm Yên)

2.2.4.6. Y tế

Triển khai và tổ chức thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân trên địa bàn huyện, tỷ lệ bao phủ (dân số) tham gia bảo hiểm y tế đạt 93%, giảm 7,0% so với KH; tiếp tục nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, số lượt người khám chữa bệnh đến 30/11/2021 đạt 166.212 lượt khám chữa bệnh, đạt 81,1%KH, ước cả năm đạt 205.000 lượt khám chữa bệnh, đạt 100%KH. Tỷ lệ xã, thị trấn có bác sỹ đạt 88,9%, có 5,2 số bác sỹ/10.000 dân; nâng cao chất lượng dân số, kế hoạch hóa gia đình, tổ chức khám định kỳ sức khỏe cho người cao tuổi, tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; triển khai hỗ trợ phụ nữ nghèo là người dân tộc thiểu số sinh con đúng chính sách dân số (2 triệu đồng/01 đối tượng) theo Nghị định 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ.

Công tác phòng chống dịch bệnh, kết quả tiêm vắc xin phòng Covid-19 theo chỉ đạo và kế hoạch của UBND tỉnh. Công tác cách ly được thực hiện nghiêm túc đúng quy định, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên toàn huyện đều thực hiện nghiêm việc phân luồng, phát hiện sớm và cách ly các trường hợp tiếp xúc và từ vùng dịch trở về theo đúng quy định. Duy trì hoạt động 02 cơ sở cách ly tập trung xã Thái Sơn và Trung tâm GDNN-GDTX xã Tân Thành. Duy trì chốt kiểm soát liên ngành của tỉnh tại km 71 xã Yên Lâm và 02 chốt của huyện tại xã Yên Thuận và xã Phù Lưu. Tính đến 05/12/2021 đã tiêm được: 94.631 liều Vắc xin cho 67.788/71.331 người = 95,03%, trong đó: Tiêm đủ 2 liều vắc xin là: 26.843 người; đã tiêm 1 liều vắc xin là: 40.945 người; đã tiêm cho đối tượng từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi là học sinh các trường THPT trên địa bàn huyện cho 2.994/3.257 đối tượng.

Thực hiện báo cáo đánh giá cấp độ dịch Covid-19 trên địa bàn huyện: Cấp độ dịch tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện 18/18 xã, thị trấn (cấp độ I); cấp độ trên địa bàn huyện (cấp độ I).

Tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên các cơ sở kinh doanh, chế biến thực phẩm trên địa bàn huyện kết quả: Tổng số lượt kiểm tra: 1.005 lượt/cơ sở; Tổng số cơ sở vi phạm về an toàn thực phẩm: 12 cơ sở; Tổng số cơ sở phải xử lý nhắc nhở:

9 cơ sở; Tổng số cơ sở phải xử lý hành chính: 3 cơ sở; trên địa bàn huyện không có vụ ngộ độc thực phẩm, không có trường hợp tử vong do ngộ độc thực phẩm.

Triển khai các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe thông qua việc khuyến khích mở các cơ sở khám chữa bệnh tư nhân. Duy trì và nâng cao chất lượng Bệnh viện Đa khoa huyện (nay là Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên) theo tiêu chuẩn Bệnh viện hạng Ba; đẩy mạnh các giải pháp thực hiện nhằm đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã, phấn đấu đến cuối năm 2021 có 17/18 xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế (theo tiêu chí mới), trong đó 16 xã duy trì kết quả, 01 xã đạt mới trong năm.

(Nguồn: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 11 tháng, ước thực hiện tháng 12 và năm 2022; Phương hướng, nhiệm vụ năm 2023)

2.2.4.7. Văn hóa - thể thao

Về sự nghiệp văn hóa: Chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” tại cơ sở, phấn đấu đến cuối năm 2021 tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa 91,2%; 82,7% thôn, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa; 92% tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; hoạt động thư viện tiếp tục duy trì, tổng số bạn đọc và mượn 18.000 lượt, cấp 250 thẻ cho các cháu thiếu nhi, duy trì 29.690 bản sách, thư viện đã và bổ sung thêm 500 bản sách mới, số sách báo luân chuyển 32.000 lượt.

Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có 14 di tích đã được kiểm kê (trong đó có 02 di tích cấp Quốc gia); 06 di tích được xếp hạng cấp tỉnh. Có 7 Câu lạc bộ Hát then - đàn tính, 01 Câu lạc bộ hát Páo dung, 02 Câu lạc bộ hát Sinh ca.

Về thể dục - thể thao: Đẩy mạnh phát triển phong trào thể dục, thể thao và chú trọng bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ vận động viên thể thao thành tích cao, đội ngũ vận động viên có năng khiếu, những môn thể thao có thế mạnh của huyện; tỷ lệ dân số tập thể dục thường xuyên đạt 30%, có 15 môn thể thao được phổ cập, 510 đội thể thao cơ sở, 6.105 vận động viên cơ sở, 63 câu lạc bộ thể thao cơ sở; Tổ chức giải Việt dã tiền Phong năm 2021 và thành lập đoàn vận động viên tham gia giải Việt dã tiền Phong tỉnh Tuyên Quang năm 2021. Tổ chức giải Bóng chuyền hơi huyện và tham gia giải bóng chuyền hơi tỉnh năm 2021; tham gia giải bóng bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2021. Tham gia Giải cầu lông tỉnh Tuyên Quang năm 2021. Tổ chức các giải theo kế hoạch.

(Nguồn: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 11 tháng, ước thực hiện tháng 12 và năm 2022; Phương hướng, nhiệm vụ năm 2023)

2.2.4.8. Quốc phòng – an ninh

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, chủ động phối hợp với các lực lượng chức năng nắm chắc tình hình an ninh chính trị trên địa bàn, không để xảy ra tình huống xấu và các vụ việc phức tạp về an ninh trật tự; tổ chức diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp xã, thị trấn năm 2021 tại xã Yên Phú, Hùng Đức, Minh Khương, kết quả 100% các cuộc diễn tập đều đạt giới; ban hành Chỉ thị về việc tổ chức diễn tập ứng phó bão lụt và tìm kiếm cứu nạn xã Bình Xa năm 2021; hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân năm 2021, với tổng số 141 thanh niên; thực hiện xây dựng các văn kiện và các điều kiện thực hiện hoàn thành xuất sắc công tác diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện năm 2021, đạt loại giỏi với 9,28 điểm. Đảm bảo an toàn tuyệt đối Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và bầu cử đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; tích cực kết hợp các biện pháp tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và tham gia bầu cử. Triển khai đợt cao điểm tấn công trấn áp các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo an ninh, trật tự xã hội; Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tỷ lệ điều tra khám phá án chung đạt 96,6%; trong đó tỉ lệ điều tra khám phá án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng đạt 100%. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực ANTT luôn được chú trọng đổi mới, đơn giản hóa để tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho nhân dân. Công tác điều tra phòng chống tội phạm, tổng số tin báo, tố giác tội phạm đã xử lý, giải quyết 131/144 tin báo, tố giác tội phạm, đạt 91%, đạt chỉ tiêu; tỷ lệ điều tra, khám phá án chung 94/97 vụ, đạt 96,9%; án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng 9/9 vụ, đạt 100%; xử phạt vi phạm hành chính trên các lĩnh vực 73 vụ/311 đối tượng/381,84 triệu đồng; thực hiện kiểm tra 306 lượt đối với các cơ sở kinh doanh có điều kiện về ANTT, phát hiện và xử phạt 10 vụ/10 cơ sở với số tiền 4,3 triệu đồng; hướng dẫn 13 cơ sở xây dựng phương án PCCC, trong năm xảy ra 09 vụ cháy, thiệt hại khoảng 330 triệu đồng. Tai nạn giao thông xảy ra 18 vụ, làm chết 6 người, bị thương 19 người (so với năm 2020 giảm 05 vụ, không tăng người chết, giảm 5 người bị thương, thiệt hại ước tính khoảng 190 triệu đồng; tổ chức tuần tra phát hiện, xử lý 2.563 lỗi vi phạm, trong đó có 1.736 lỗi là nguyên nhân chính gây tai nạn giao thông, đạt tỷ lệ 67,7%.

Giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh có liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội bền vững của địa phương. Thực hiện tốt công tác phòng, chống tội phạm, phòng chống ma túy và các

tệ nạn xã hội, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về an ninh, trật tự. Làm tốt công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật, nhất là vùng đồng bào dân tộc ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Chỉ số cải cách của Công an huyện năm 2021 đạt 87/100 điểm, xếp loại tốt, đạt chỉ tiêu.

(Nguồn: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 11 tháng, ước thực hiện tháng 12 và năm 2022; Phương hướng, nhiệm vụ năm 2023)

2.2.5. Đánh giá chung

2.2.5.1. Lợi thế

Nền kinh tế đã và đang chuyển dịch đúng hướng, tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ và giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp. Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá. Huyện đang tập trung phát triển 4 cây trồng chủ lực gồm: Cam, Mía, Chè, và cây nguyên liệu gỗ, tích cực xây dựng thương hiệu, ứng dụng công nghệ cao, liên kết trong sản xuất để có sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm, giá trị kinh tế cao.

Nguồn lao động dồi dào, tỷ lệ lao động trẻ cao. Cùng với tăng trưởng kinh tế khá, nguồn lao động dồi dào sẽ là nguồn lực lớn cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong giai đoạn tới.

Năm 2021, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống của nhân dân trong huyện. Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, sự giám sát chặt chẽ của Hội đồng nhân dân huyện, sự phối hợp thường xuyên của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện, huyện đã chuẩn bị tốt nhất để tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; trình, phê chuẩn và kiện toàn các chức danh quan trọng của huyện; triển khai thực hiện kịp thời Nghị quyết Đại hội đảng bộ các cấp. Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên đã ban hành Chương trình công tác năm 2021, bám sát các văn bản, giải pháp chỉ đạo, điều hành của Trung ương, của tỉnh về chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế - xã hội, phòng chống dịch bệnh, giải ngân vốn đầu tư công, trong đó tập trung chỉ đạo cụ thể hóa văn bản thực hiện các Nghị quyết, Chương trình của Tỉnh ủy, Huyện ủy; các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đảm bảo tiến độ, hiệu quả; quyết liệt chỉ đạo, điều hành công tác phòng, chống dịch bệnh, ứng phó, giảm thiểu tác động của đại dịch Covid-19, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội; kinh tế của huyện tiếp tục duy trì phát triển. Hệ thống kết cấu hạ tầng tiếp tục được chú trọng đầu tư; các hoạt động văn hóa, thông tin tuyên truyền được quan tâm; lĩnh vực giáo dục, y tế, lao động, việc làm, tiếp tục có

chuyển biến tích cực; công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội được quan tâm; quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

2.2.5.2. Tồn tại, hạn chế

Hàm Yên là một huyện miền núi nằm sâu trong nội địa, việc cung cấp thông tin, công nghệ tiên tiến, thu hút vốn đầu tư gặp nhiều khó khăn. Thị trường tiêu thụ sản phẩm khó ổn định, sức mua của người dân thấp. Việc giao lưu trao đổi hàng hóa với bên ngoài phải bằng đường bộ hoặc đường sông với chi phí vận tải lớn. Việc hợp tác liên doanh, kêu gọi vốn nước ngoài có những khó khăn nhất định.

Bên cạnh những kết quả đạt được, còn những tồn tại, hạn chế, khó khăn: 02 chỉ tiêu dự báo không đạt (diện tích cây mía đạt 91,8% KH, tỷ lệ đô thị hóa, giảm 2,61%KH); 03 chỉ tiêu thành phần dự báo không đạt (thu hút khách du lịch đạt 76,8%KH; Tỷ lệ bao phủ (dân số) tham gia bảo hiểm y tế, giảm 7,0% so với KH, tỷ lệ hộ dân ở thành thị được sử dụng nước sạch giảm 2,0%); hoạt động sản xuất kinh doanh, du lịch, dịch vụ gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19; một số sản phẩm công nghiệp (Sản xuất giày da,...) chưa đạt kế hoạch; dịch bệnh viêm da nổi cục trên đàn gia súc, dịch tả lợn Châu Phi xảy ra ở một số nơi, gây thiệt hại cho người chăn nuôi và ảnh hưởng đến việc phát triển đàn; đời sống của một bộ phận nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn; hành vi vi phạm pháp luật về Luật Lâm nghiệp vẫn còn xảy ra nhỏ lẻ; Một số vụ việc có điều kiện thi hành còn chưa được thi hành dứt điểm; giải quyết đơn thư còn chậm về thời gian, chưa dứt điểm.

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế: Do tình hình dịch Covid-19 bùng phát trong cộng đồng diễn biến phức tạp, với quy mô ngày càng lớn là nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng tới phát triển kinh tế, sản xuất, lưu thông hàng hóa bị gián đoạn; giao lưu văn hóa, xã hội, đời sống của nhân dân bị hạn chế. Giá cả một số nguyên, vật liệu tăng cao, đầu ra một số nông sản giá bán thấp. Do các xã đã đạt chuẩn Nông thôn mới theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ nên đối tượng là người dân tộc thiểu số tại các xã này không được ngân sách hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế;

Công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành một số việc chưa sâu sát, quyết liệt; chưa thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ; công tác tuyên truyền ở thôn bản còn nhiều hạn chế. Năng lực, trình độ, trách nhiệm của một số cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng được yêu cầu.

2.3. Phân tích đánh giá bổ sung về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất

Hiện nay diễn biến khí hậu trên toàn cầu đang có sự biến động và theo chiều hướng phức tạp. Hàm Yên là một huyện miền núi, do đó việc ảnh hưởng của biến đổi khí hậu là không tránh khỏi, tác động xấu đến việc sử dụng đất của nhân dân trên toàn huyện. Trong vòng 5 năm trở lại đây, thiên tai diễn biến phức tạp và gây thiệt hại ngày càng lớn. Theo thống kê của Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Hàm Yên, ảnh hưởng của thiên tai gây thiệt hại chủ yếu cho sản xuất nông nghiệp, đường giao thông và hư hỏng nhà cửa của nhân dân.

Qua những vấn đề nêu trên cho thấy, biến đổi khí hậu đã tác động mạnh mẽ đến việc sử dụng đất, đặc biệt là đất nông nghiệp; đất giao thông và đất ở. Để đối phó với thiên tai, biến đổi khí hậu cần có một chiến lược lâu dài. Tuy nhiên trước mắt chúng ta cần đưa ra được phương hướng sử dụng đất hợp lý, chuyển đổi diện tích nông nghiệp thường bị ảnh hưởng bởi thiên tai sang các mục đích sử dụng khác hợp lý, hiệu quả hơn. Bên cạnh đó cần bố trí quỹ đất dự phòng và chủ động phòng chống thiên tai, bão lũ, hạn chế những tác động của biến đổi khí hậu xảy ra trong quá trình sử dụng đất.

Sau khi nghiên cứu, so sánh, đánh giá một số tác nhân thời tiết và tần suất, cường độ những thiên tai cực đoan xảy ra do nguyên nhân khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu tại tỉnh Tuyên Quang nói chung và huyện Hàm Yên nói riêng.

Thứ nhất, nhận thấy rằng, việc gia tăng các yếu tố cực đoan của thời tiết về tần suất, cấp độ do ảnh hưởng của BĐKH tại địa bàn huyện Hàm Yên là có cơ sở.

Thứ hai, các nguyên nhân tác động do yếu tố thiên nhiên là phần nhiều, đây là quy luật. Nhưng tác nhân do con người làm tác động chính đến sự gia tăng nêu trên (cộng hưởng và gia tăng - được đánh giá trên cơ sở khoa học) làm cho động lực phát triển KT-XH bị suy giảm như quy hoạch không đồng bộ thiếu gắn kết, chưa dự báo được trên cơ sở tầm nhìn vĩ mô những tác hại tiềm tàng của thiên tai, dịch họa trong lao động sản xuất tưởng chừng vô hại như quy hoạch đất đai, quy hoạch thủy điện, quy hoạch giao thông làm gia tăng lượng khí nhà kính và các yếu tố thời tiết cực đoan về mức độ, cấp độ và tần suất của thiên tai.

2.3.1. Đánh giá biến đổi khí hậu trên địa bàn của huyện

*** Về kinh tế**

a) Năng lượng

- Góp phần phát triển kinh tế thông qua việc phát triển các ngành công nghiệp mới, tạo môi trường đầu tư, xây dựng các cơ sở lắp đặt, bảo dưỡng, giảm chi phí, tăng sức cạnh tranh và mở ra nhiều cơ hội mới trong kinh doanh;

- Giảm thiểu nhập khẩu năng lượng, giảm sự phụ thuộc vào bên ngoài và đóng góp cho sự phát triển kinh tế ổn định, bền vững.

b) Nông nghiệp

- Người nông dân sẽ được cập nhật và nâng cấp các quy trình canh tác thông qua việc ứng dụng các công nghệ và biện pháp canh tác tiên tiến hơn, từ đó sẽ sản xuất bền vững hơn;

- Tác động trực tiếp và tích cực đến các hoạt động sản xuất của ngành nông nghiệp;

- Tăng giá trị và tính cạnh tranh trong xuất khẩu hàng hoá.

c) Lâm nghiệp

- Rừng sẽ giúp bảo vệ các công trình sản xuất, từ đó gián tiếp ổn định cuộc sống của người dân và ổn định sản xuất;

- Trồng và bảo vệ rừng làm gia tăng các giá trị dịch vụ môi trường rừng. Thông qua việc thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các cá nhân, cộng đồng bảo vệ rừng sẽ góp phần tăng thu nhập cho người dân sống gần rừng;

d) Chất thải

Các sản phẩm chính của phân hữu cơ được sản xuất qua các dự án là loại phân bón chất lượng tốt, giúp cải tạo đất, nâng cao năng suất cây trồng; tăng thu nhập cho nông dân và các doanh nghiệp tham gia dự án; góp phần phát triển kinh tế địa phương;

*** Về xã hội**

a) Năng lượng

- Cải tạo điều kiện lao động và nâng cao đời sống nhờ cung cấp năng lượng ổn định hơn;

- Nâng cao sức khỏe cộng đồng.

b) Nông nghiệp

- Nâng cao năng suất, cải thiện sinh kế của người nông dân;

- Bảo vệ sức khỏe của cộng đồng địa phương.

c) Lâm nghiệp

- Tạo việc làm và thu nhập cho người dân;
- Góp phần xóa đói giảm nghèo cho cộng đồng dân cư sống gần rừng;
- Góp phần nâng cao nhận thức của người dân về vai trò và giá trị của rừng.

d) Chất thải

- Tạo việc làm và thu nhập cho người dân

*** Về môi trường:**

- Giảm nhẹ phát thải, tăng cường khả năng hấp thụ KNK;
- Cải thiện môi trường, giảm ô nhiễm môi trường tại chỗ;
- Bảo vệ đất chống xói mòn, duy trì đa dạng sinh học.

2.3.2. Phân tích, đánh giá về nước biển dâng, xâm nhập mặn.

Huyện Hàm Yên không tiếp giáp biển, do đó không phân tích đánh giá được việc nước biển dâng, xâm nhập mặn.

2.3.3. Phân tích, đánh giá về sa mạc hóa, xói mòn và sạt lở đất.

*** Về sa mạc hóa:**

Về cơ bản đất trên địa bàn huyện Hàm Yên chưa có hiện tượng sa mạc hóa.

*** Về xói mòn đất:**

Với tỷ lệ che phủ 69,17% đất rừng trên toàn huyện, việc xói mòn đất có rất ít địa điểm xảy ra.

*** Về sạt lở đất:**

Theo kết quả kiểm kê năm 2019, diện tích đất sạt lở trên địa bàn huyện Hàm Yên được thể hiện như sau:

TT	Tên điểm sạt lở	Năm sạt lở, bồi đắp	Tổng diện tích	Diện tích bị sạt lở, bồi đắp phân theo các loại đất	
				Đất sản xuất nông nghiệp	Đất lâm nghiệp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Diện tích bị sạt lở		1,38	1,28	0,10
<i>1</i>	<i>Diện tích sạt lở vùng bờ sông</i>		0,54	0,54	0,00
	Điểm bờ Sông Lô	2016	0,04	0,04	0,00

TT	Tên điểm sạt lở	Năm sạt lở, bồi đắp	Tổng diện tích	Diện tích bị sạt lở, bồi đắp phân theo các loại đất	
				Đất sản xuất nông nghiệp	Đất lâm nghiệp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Bờ Sông Lô	2019	0,50	0,50	0,00
2	<i>Diện tích bị sạt lở vùng đồi núi</i>		0,84	0,74	0,1
	Thôn 2 Việt Thành	2019	0,35	0,35	0,00
	Thôn 1 Thuộc Hạ	2018	0,15	0,15	0,00
	Thôn Đá bàn	2015	0,01	0,01	0,00
	Thôn 5 Minh Tiến	2017	0,05	0,05	0,00
	Thôn 5 Minh Tiến	2018	0,10	0,10	0,10
	Thôn 8 Minh Tiến	2017	0,04	0,04	0,00
	Thôn 8 Minh Tiến	2018	0,05	0,05	0,00
	Thôn 8 Minh Quang	2019	0,04	0,04	0,00
	Thôn Ao Họ	2018	0,02	0,02	0,00
	Thôn 13 Minh Quang	2017	0,03	0,03	0,00

(Nguồn: Số liệu kiểm kê đất đai huyện Hàm Yên năm 2019)

Qua bảng trên, ta thấy chủ yếu diện tích bị sạt lở chủ yếu là đất sản xuất nông nghiệp, chiếm tỉ lệ 92,27%. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp bị sạt lở chủ yếu ở vùng đồi núi (do chặt phá rừng, chuyển đổi trồng rừng sang trồng các loại cây ăn quả khác, làm mất cân bằng kết cấu của đất) và vùng bờ sông (do mực nước của sông Lô biến động hàng năm, dẫn đến đất ven sông bị sạt lở). Diện tích đất bị sạt lở còn lại thuộc nhóm đất lâm nghiệp, đất trồng rừng, nguyên nhân chủ yếu tại các đồi núi có địa hình dốc, khi mưa lớn kéo dài gây ra hiện tượng bị sạt lở.

2.3.4. Đánh giá chung

Để đảm bảo mục tiêu riêng đề xuất cho huyện nêu trên và thực hiện được các giải pháp giảm nhẹ khí nhà kính trong một vài lĩnh vực chính được đưa ra xem xét, thì vấn đề cần đặt ra là việc xây dựng quy hoạch và lộ trình phải xác định. Trong đó việc xác định rõ nguồn kinh phí, việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và kế hoạch thực hiện phải đi từ khâu:

- Tăng cường vai trò chủ đạo của Nhà nước trong ứng phó với biến đổi khí hậu tại địa phương;

- Nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm mức tiêu hao năng lượng tại địa phương;

- Thay đổi cơ cấu nhiên liệu trong công nghiệp và giao thông vận tải tại địa phương;

- Khai thác hiệu quả và tăng tỷ trọng các nguồn năng lượng tái tạo tại địa phương;

- Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính từ nông nghiệp bền vững tại địa phương;

- Quản lý và phát triển rừng bền vững, tăng cường hấp thụ các bon tại địa phương;

- Quản lý chất thải tại địa phương;

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức tại địa phương;

* Trong bối cảnh tác động của biến đổi khí hậu luôn gia tăng và số lượng, cấp độ thiên tai càng lớn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến phát triển KT-XH của huyện. Cho nên, huyện cần phải đặc biệt chú trọng:

- Bố trí quỹ đất sinh sống và canh tác cho bà con dân tộc thuộc diện chính sách;

- Đối với nông nghiệp của huyện cần tăng diện tích trồng cây ăn quả có tính chất đặc sản dễ thích ứng với biến đổi khí hậu như bưởi, cam trên cơ sở thổ nhưỡng của các xã trong huyện.

- Huyện Hàm Yên chịu tác động của 03 nhà máy thủy điện, tới đây quy hoạch có thêm hạng mục lòng hồ của thủy điện sông Lô 8B. Vì vậy vấn đề hậu thủy điện đối với dòng chảy tối thiểu mùa cạn và quy trình xả lũ liên hồ cần phải đặc biệt xem xét.

III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH

3.1. Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai.

Trong những năm gần đây cùng với các chính sách đổi mới của Đảng, Nhà nước và sự tác động của nền kinh tế thị trường, sản xuất phát triển, đời sống của nhân dân từng bước được nâng lên, kéo theo nhu cầu sử dụng đất tăng lên ở tất cả mọi lĩnh vực. Thực hiện pháp luật đất đai (đặc biệt là Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai 2013), công tác quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn được UBND huyện thực hiện khá tốt, từng bước hạn chế những tiêu cực phát sinh, hoàn thành những nhiệm vụ và kế hoạch của ngành cũng như của huyện đề ra, thực hiện tốt các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai, cụ thể:

3.1.1. Tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai

Ủy ban nhân dân huyện đã đóng góp ý kiến, tham gia xây dựng các văn bản cấp trên, đưa vào triển khai thực hiện theo từng lĩnh vực cụ thể, thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc các ngành chức năng và Ủy ban nhân dân xã, thị trấn đưa các văn bản quy phạm pháp luật này vào thực hiện, tạo điều kiện cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng tài nguyên đất đai, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

3.1.2. Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính

Việc xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính được thực hiện tốt trên cơ sở kết quả hoạch định địa giới hành chính theo Chỉ thị 364/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ (hồ sơ địa giới hành chính, bản đồ hành chính, mốc địa giới). Về cơ bản ranh giới hành chính giữa huyện Hàm Yên và các huyện tiếp giáp Chiêm Hoá, Lâm Bình, Ba Bể đã được xác định bằng mốc giới hoặc các yếu tố địa vật cố định và được chuyển vẽ lên bản đồ.

Công tác lập bản đồ địa chính đang được triển khai thực hiện, hiện trên địa bàn huyện đang sử dụng và quản lý là bản đồ giải thửa 299, có độ chính xác thấp không được chỉnh lý thường xuyên nên gây khó khăn cho công tác quản lý đất đai ở địa phương, đặc biệt là công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3.1.3. Khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất; điều tra, đánh giá tài nguyên đất; điều tra xây dựng giá đất

** Khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất:*

Trên địa bàn huyện Hàm Yên đã hoàn thành công tác đo đạc bản đồ địa chính tại thị trấn Tân Yên (2009), còn 17 xã thì chưa thực hiện triển khai công tác đo đạc bản đồ địa chính, hiện nay đang sử dụng nguồn bản đồ giải thửa thành lập theo Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ. Công tác khảo sát, đo đạc, đánh giá, phân hạng đất; lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ QHSD đất của huyện Hàm Yên được triển khai khá tốt, cơ bản đáp ứng được mục tiêu của ngành.

Công tác lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, về thời gian định kỳ 5 năm trên phạm vi toàn huyện. Thực hiện tổng kiểm kê đất đai năm 2019, huyện Hàm Yên đã lập được bản đồ hiện trạng sử

dụng đất cấp huyện và cho 100% số đơn vị hành chính cấp xã. Bản đồ QHSD đất đến năm 2030, đã được xây dựng theo dự án lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, về bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất 2021-2030, hiện đang được xây dựng theo dự án lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

** Điều tra xây dựng giá đất:*

Giá đất được áp dụng theo Bảng giá đất tại Nghị quyết số 20/1219/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thông qua bảng giá đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về phân loại đường phố, phân khu vực, phân vị trí và Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên. Công tác quản lý tài chính về đất đai đảm bảo đúng quy định pháp luật.

3.1.4. Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Năm 2021 huyện Hàm Yên đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Hàm Yên tại Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 20/05/2021 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện đã công bố quy hoạch và triển khai thực hiện, quản lý sử dụng đất theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện.

Căn cứ quy hoạch sử dụng đất được duyệt, việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm được triển khai theo quy định và thực hiện việc thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất theo kế hoạch sử dụng đất 2021, 2022 đã được phê duyệt.

Bảng 2: Một số tư liệu (tài liệu, số liệu, bản đồ) trên địa bàn phục vụ cho công tác lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất

TT	Các tư liệu (tài liệu, số liệu, bản đồ)	Mục đích khai thác
1	Hồ sơ địa giới hành chính 18 xã, thị trấn thành lập theo Chỉ thị số 364-CT ngày 06/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng	Xác định ranh giới hành chính của các xã, thị trấn đang quản lý sử dụng
2	Bản đồ giải thửa tỷ lệ 1/1000 thành lập theo Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ của 18 xã, thị trấn; Bản đồ địa chính của thị trấn Tân Yên	Xác định hiện trạng sử dụng đất của các loại đất trước khi chuyển sang phương án quy hoạch
3	Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (bản đồ + báo cáo thuyết minh)	Định hướng phát triển kinh tế - xã hội và sử dụng đất của huyện và tỉnh, các danh mục thành phố phân bổ cho huyện

TT	Các tư liệu (tài liệu, số liệu, bản đồ)	Mục đích khai thác
4	Hồ sơ Quy hoạch sử dụng đất huyện Hàm Yên giai đoạn 2021 - 2030 (bản đồ + báo cáo thuyết minh)	Rà soát đánh giá các công trình, dự án đã thực hiện, đang thực hiện và chưa thực hiện. Từ đó đánh giá những kết quả đạt được, chưa đạt được và nguyên nhân của việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước. Xác định danh mục dự án chưa thực hiện có khả thi chuyển sang điều chỉnh quy hoạch
5	Hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất các năm 2020, 2021, 2022 của huyện Hàm Yên (bản đồ + báo cáo thuyết minh)	Rà soát đánh giá các công trình, dự án đã thực hiện, đang thực hiện và chưa thực hiện. Đánh giá công tác thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện
6	Hồ sơ Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hàm Yên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (bản đồ + báo cáo thuyết minh)	Bám sát định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; danh mục dự án nhu cầu sử dụng đất thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030
7	Hồ sơ quy hoạch cấp nước huyện Hàm Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 (bản đồ + báo cáo thuyết minh)	Rà soát các công trình, dự án cấp nước liên quan đến sử dụng đất thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn huyện
8	Hồ sơ Quy hoạch điều chỉnh giao thông vận tải đường sắt, đường bộ huyện Hàm Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 (bản đồ + báo cáo thuyết minh)	Rà soát các công trình, dự án giao thông đường bộ liên quan đến sử dụng đất thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn huyện
9	Hồ sơ kiểm kê đất đai năm 2019 (Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, báo cáo thuyết minh, biểu số liệu)	Đánh giá tình hình biến động sử dụng đất sử dụng nguồn bản đồ hiện trạng để rà soát hiện trạng sử dụng đất, khoanh vẽ các công trình dự án quy hoạch giai đoạn 2021 - 2030. Từ đó, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020, bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
10	Hồ sơ thống kê đất đai các năm 2019, 2020, 2021 của các xã, thị trấn và huyện Hàm Yên	Đánh giá tình hình biến động đất đai
11	Niên giám thống kê huyện Hàm Yên năm 2021	Đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội của huyện

TT	Các tư liệu (tài liệu, số liệu, bản đồ)	Mục đích khai thác
12	Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện phát triển kinh tế - xã hội năm 2021; phương hướng nhiệm vụ của huyện Hàm Yên	Đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội của huyện
13	Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XX tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI	Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2025

Quá trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở cấp huyện, đảm bảo tuân thủ theo đúng nội dung hướng dẫn tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Quy hoạch sử dụng đất đã xác định rõ cơ cấu sử dụng đất sản xuất nông, lâm nghiệp, đất phi nông nghiệp đảm bảo quản lý chặt chẽ quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông lâm nghiệp; đặc biệt là việc xác định và bảo vệ diện tích đất chuyên trồng lúa nước để đảm bảo an ninh lương thực.

3.1.5. Quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất chuyển mục đích sử dụng đất

**** Công tác giao đất, cho thuê đất:***

Trong năm 2021 đã thực hiện giao đất, cho thuê đất đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn huyện. Cơ bản đã thực hiện theo đúng quy định của Luật Đất đai, việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, sau khi có quyết định giao đất, cho thuê đất các dự án được triển khai khá nhanh, đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện; đem lại nguồn thu đáng kể cho ngân sách, đất đai thực sự trở thành nguồn lực to lớn.

Tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hồ sơ giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Việc giao đất ổn định lâu dài cho các đối tượng sử dụng đất nhằm nâng cao quyền lợi và nghĩa vụ của người sử dụng đất, tạo điều kiện cho các đối tượng sử dụng đất yên tâm đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hợp lý và mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất.

**** Công tác thu hồi đất:***

Việc thu hồi, giải phóng mặt bằng phục vụ cho công tác xây dựng cơ sở hạ tầng được thực hiện tốt, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người.

Giải quyết tốt việc bồi thường sẽ góp phần ổn định đời sống nhân dân, thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển trên địa bàn của huyện. Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị phối hợp chặt chẽ trong tất cả các bước như: Họp, tuyên truyền đến người dân về nội dung, mục đích của việc nhà nước thu hồi đất, ban hành quyết định thu hồi đất, thành lập hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng, niêm yết công khai giá trị bồi thường đến từng hộ dân. Qua đó đề xuất các chính sách, tháo gỡ vướng mắc cho người dân, đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, phù hợp với quy định của pháp luật.

3.1.6. Quản lý việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất

Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất trên địa bàn huyện Hàm Yên thời gian qua đã được các cấp, các ngành, người sử dụng đất quan tâm thực hiện và dần đi vào nề nếp. Tất cả các trường hợp được giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất đều phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện, do đó đã hạn chế tình trạng giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trái thẩm quyền, trái quy hoạch, hạn chế những tiêu cực trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai.

3.1.7. Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

** Việc đăng ký quyền sử dụng đất, lập và quản lý hồ sơ địa chính:*

Việc đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính được thực hiện theo quy định của Pháp luật. Trong những năm qua, huyện Hàm Yên đã tập trung chỉ đạo thực hiện nhiều giải pháp nhằm hoàn thành việc đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo đúng quy định.

** Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:*

Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đã sớm được triển khai thực hiện ngay từ những năm 1993. Sau khi Luật Đất đai năm 1993 có hiệu lực, đặc biệt từ khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 10/CT-TTg về cấp GCNQSDĐ nông nghiệp và Chỉ thị số 18/CT-TTg về việc cấp GCNQSDĐ cho 3 loại đất: đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp và đất ở nông thôn, UBND huyện đã chỉ đạo quyết liệt công tác này. Đến năm 2021 huyện đã cơ bản hoàn thành việc cấp GCNQSDĐ cho 3 loại đất nêu trên.

Thực hiện chỉ đạo của UBND huyện, các xã đã tổ chức hướng dẫn các chủ sử dụng đăng ký kê khai hồ sơ để xét cấp GCNQSDĐ. Diện tích đất sản xuất nông

nghiệp giao sử dụng ổn định lâu dài cho hộ gia đình, cá nhân (theo Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993).

3.1.8. Thống kê, kiểm kê đất đai

Thực hiện quy định của Luật Đất đai, công tác thống kê, kiểm kê đất đai được tổ chức triển khai nghiêm túc trên địa bàn huyện. Công tác thống kê được thực hiện hàng năm; công tác kiểm kê được thực hiện theo định kỳ 5 năm. Năm 2019, thực hiện Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019, UBND huyện Hàm Yên đã ban hành Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 30/08/2019 của UBND huyện Hàm Yên về Kế hoạch thực hiện Kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 huyện Hàm Yên. Kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 là tài liệu quan trọng làm cho lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp, góp phần phục vụ cho công tác quản lý, sử dụng đất đai nói riêng và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện nói chung.

3.1.9. Xây dựng hệ thống thông tin đất đai

Hiện nay cả tỉnh nói chung và huyện Hàm Yên nói riêng đang triển khai xây dựng hệ thống thông tin đất đai nhằm đáp ứng yêu cầu về quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn ngày càng tốt hơn. Việc quản lý đất đai hiện nay cũng đã ứng dụng nhiều các công nghệ tin học nhưng mới chỉ đưa vào ứng dụng được cho 1 số lĩnh vực như về số hóa bản đồ; phần mềm kiểm kê, thống kê; phần mềm về cơ sở dữ liệu địa chính...

Trong những năm gần đây, việc ứng dụng các phần mềm tin học đã hỗ trợ đắc lực cho việc quản lý đất đai trong tỉnh, rút ngắn được rất nhiều thời gian xử lý công việc cũng như số lượng cán bộ làm việc đồng thời lại giúp cho việc quản lý đất đai hiệu quả hơn, chặt chẽ hơn.

3.1.10. Quản lý tài chính về đất đai và giá đất

Việc thực hiện các khoản thu liên quan đến đất đai của huyện được giao cho ngành thuế và căn cứ vào các văn bản của Ủy ban nhân dân huyện để tổ chức thực hiện. Hệ thống thuế có liên quan đến đất đai hiện nay được xác định bao gồm: Thuế sử dụng đất, thuế chuyển quyền sử dụng đất, ngoài ra còn có phí và lệ phí các loại có liên quan đến đất đai.

Nguồn kinh phí này đã đem lại nguồn thu đáng kể cho ngân sách huyện. Đồng thời qua việc thực hiện công tác tài chính về đất đai, còn góp phần nâng cao trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sử dụng đất, tạo nguồn kinh phí cho các địa phương, ngành, huyện chủ động tái đầu tư cho nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai, đảm

bảo sử dụng đất đầy đủ, có hiệu quả. Hàng năm nguồn thu từ đất đã được điều tiết lại để xây dựng, củng cố, cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng của huyện, phục vụ tốt hơn công tác quản lý Nhà nước về đất đai.

3.1.11. Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất

Căn cứ vào quy định của pháp luật nói chung và Luật Đất đai 2013 nói riêng, trong những năm qua các cấp, các ngành trong địa bàn huyện đã và đang quản lý, giám sát việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất ngày một tốt hơn. Các cấp Đảng ủy, chính quyền thường xuyên quan tâm, chỉ đạo, thông qua việc ban hành các văn bản nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước để triển khai thực hiện ở địa phương, đảm bảo mọi quyền lợi hợp pháp của người dân, đồng thời cũng động viên và huy động được nhân dân tham gia đóng góp nghĩa vụ với nhà nước bằng việc thực hiện tốt các chính sách thuế.

Việc quy định trình tự, thủ tục thực hiện các quyền của người sử dụng đất thành 2 phần (phần dân sự theo thủ tục công chứng hợp đồng và phần hành chính theo thủ tục đăng ký tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện) là phù hợp, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người sử dụng đất và người thứ ba liên quan. Việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất được thực hiện theo đúng quy định. Tuy nhiên, còn một số trường hợp chủ sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng sử dụng không đúng mục đích, ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sử dụng đất.

3.1.12. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai

Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai cũng được huyện quan tâm và chỉ đạo thường xuyên, dưới nhiều hình thức như thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch hoặc kiểm tra đột xuất, phối hợp kiểm tra, xử lý các vi phạm trong công tác quản lý và sử dụng đất, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật đất đai cho người sử dụng đất, giảm số vụ, tính chất và mức độ vi phạm các quy định của pháp luật đất đai. Tuy nhiên do nhiều nguyên nhân và tính phức tạp của đất đai nên tình trạng sử dụng đất không đúng mục đích, việc lấn chiếm đất đai trên địa bàn huyện vẫn còn xảy ra; việc thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng thực hiện còn nhiều khó khăn.

3.1.13. Phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai

Ngay sau khi Luật Đất đai năm 2013 được ban hành Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức nhiều cuộc họp, hội thảo triển khai thi hành Luật Đất đai và các Nghị định, Thông tư có liên quan cho các ngành, cấp huyện, cấp xã trong tỉnh.

Hàng năm, công tác quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai của huyện Hàm Yên được thực hiện khá tốt. Ủy ban nhân dân huyện đã tổ chức các cuộc hội nghị, các cuộc họp phổ biến, tập huấn, giáo dục pháp luật về đất đai, qua hệ thống truyền thanh các xã, thị trấn đến người dân.

3.1.14. Giải quyết tranh chấp về đất đai, giải quyết khiếu nại, tố cáo các vi phạm trong việc quản lý sử dụng đất đai

Công tác tiếp dân: Ủy ban nhân dân huyện phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện tiếp công dân vào ngày thứ 5 hàng tuần theo quy định. Công tác tiếp dân cho thấy những bức xúc trong nhân dân phát sinh ngày càng nhiều, nhất là sự bức xúc đối với cách giải quyết của chính quyền địa phương. Mặt khác do trình độ hiểu biết về pháp luật khiếu nại, tố cáo của nhân dân còn hạn chế. Qua công tác tiếp dân, cán bộ đã lắng nghe và đề xuất biện pháp giải quyết các nguyện vọng chính đáng của nhân dân, giải thích các thắc mắc và hướng dẫn họ đến đúng cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

Nhìn chung, công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai của công dân đã đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng qui trình, chính xác, khoa học theo qui định của pháp luật, tránh được tình trạng đùn đẩy, chuyển đơn lòng vòng, hạn chế việc tái khiếu, tái tố. Qua công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo cho thấy, số lượng đơn của năm sau luôn cao hơn năm trước và nội dung khiếu nại ngày càng phức tạp và tập trung chủ yếu vào lĩnh vực đất đai như: đòi lại đất cũ, tranh chấp đất đai trong nội bộ nhân dân, tranh chấp đất đai giữa công dân và tổ chức, khiếu nại công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, chính sách tái định cư, khiếu nại các quyết định hành chính do Ủy ban nhân dân các huyện ban hành. Đối với những đơn không thuộc thẩm quyền thì Phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn và chuyển trả theo đúng quy định của pháp luật về khiếu nại tố cáo.

3.1.15. Quản lý hoạt động dịch vụ về đất đai

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo thành lập Văn phòng đăng ký đất đai và các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai ở các huyện trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, thực hiện cơ chế “một cửa” ở các cấp; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, công khai các thủ tục về nhà đất, ứng dụng công

nghệ thông tin vào quản lý đăng ký, thế chấp, bảo lãnh quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện công khai minh bạch trình tự, thủ tục, đúng quy định thời hạn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất...

Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Hàm Yên được thành lập, là đơn vị sự nghiệp công lập, có chức năng tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất mà chưa có dự án đầu tư; chuẩn bị mặt bằng và các điều kiện phục vụ việc đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định; tạo lập quỹ đất, tái định cư phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư phát triển trên địa bàn huyện.

3.1.16. Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân

*** Những kết quả đạt được**

Từ khi triển khai thực hiện Luật Đất đai năm 2013 đến nay công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Hàm Yên đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, làm cho hoạt động quản lý, sử dụng đất ngày càng đi vào kỷ cương và đúng pháp luật. Công tác quản lý, sử dụng đất từng bước đi vào ổn định, phân định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ theo luật định. Cùng với các chính sách về đất đai Nhà nước ngày càng hoàn thiện, các văn bản do UBND tỉnh, UBND huyện ban hành đã tạo ra một hệ thống pháp lý tương đối đầy đủ, giải quyết khá tốt các quan hệ liên quan đến đất đai, bước đầu đã điều chỉnh được quan hệ đất đai mới hình thành trong quá trình đô thị hoá.

Thực hiện tốt công tác lập quy hoạch sử dụng đất ngày càng chặt chẽ đã góp phần sắp xếp, bố trí quỹ đất hợp lý đối với từng loại đất, mục đích sử dụng, đảm bảo sử dụng đất hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu phát triển của huyện. Ủy ban nhân dân huyện đã sớm xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đảm bảo được yêu cầu và đạt kết quả tốt, bước đầu khai thác được các nguồn lực từ đất cho đầu tư phát triển để phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị, phù hợp với quan điểm phát triển chung của toàn huyện đó là phát triển nông nghiệp hàng hoá đặc sản gắn với xây dựng nông thôn mới và phát triển du lịch, dịch vụ.

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến lĩnh vực đất đai được ủy ban nhân dân huyện quan tâm giải quyết và chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, đơn vị thực hiện nghiêm túc theo quy định. Do vậy, các tranh chấp, khiếu kiện về đất đai kéo dài, phức tạp, đông người phát sinh do công tác quản lý nhà nước về đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ít xảy ra. Công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được thực hiện công khai, minh bạch,

đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người có đất bị thu hồi. Chính sách tài chính về đất đai, giá đất được hoàn thiện, các khoản thu từ đất được quy định cụ thể đã tạo được nguồn thu đáng kể cho ngân sách địa phương.

*** Tồn tại và nguyên nhân**

a) Tồn tại, hạn chế

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với lĩnh vực đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được quan tâm nhưng thiếu thường xuyên. Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để cụ thể hoá các văn bản của Trung ương và của tỉnh còn hạn chế, thiếu kịp thời.

- Tại các xã, công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính chưa được thực hiện. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận còn vướng mắc nên chưa được cấp giấy; công tác cập nhật, chỉnh lý biến động đất đai chưa kịp thời,...chưa phục vụ tốt cho việc quản lý chặt chẽ đất đai theo pháp luật, phát huy tiềm năng đất đai, thúc đẩy kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

- Quản lý đất đai trên thực tế còn thiếu thống nhất, chặt chẽ; chưa đảm bảo tính lô gic giữa số liệu thuộc tính, số liệu không gian và trên thực địa.

- Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, đất công nghiệp, đất thương mại - dịch vụ, đất du lịch nhìn chung còn hạn chế, nhất là hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp chưa cao.

- Việc giải quyết các tranh chấp về đất đai còn chưa triệt để, vẫn còn tình trạng khiếu kiện kéo dài, đặc biệt là tranh chấp giữa hộ gia đình với nhau.

- Quan niệm và nhận thức về sở hữu đất đai của người dân chưa rõ ràng, gây khó khăn trong việc thu hồi đất, quản lý mặt bằng, giải quyết khiếu nại, tranh chấp đất đai.

- Việc sử dụng đất ở một số nơi còn lãng phí, để hoang hóa, lấn chiếm đất công, sử dụng đất không đúng mục đích, chuyển nhượng đất trái pháp luật, vi phạm quy hoạch...

- Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp còn chậm, ảnh hưởng đến khả năng huy động vốn đầu tư vào lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc và phát triển rừng cũng như nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai đối với các hoạt động sản xuất liên quan đến sử dụng đất lâm nghiệp.

- Công tác lập và hoàn chỉnh quy hoạch sử dụng đất vẫn còn chậm, kinh phí đầu tư còn hạn chế. Quản lý đất đai trên thực tế còn thiếu thống nhất, chặt chẽ; chưa đảm bảo tính logic giữa số liệu thuộc tính, số liệu không gian và trên thực địa. Vì vậy, hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, đất thương mại - dịch vụ, đất du lịch nhìn chung còn hạn chế, nhất là hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp chưa cao.

- Công tác dự báo nhu cầu và xác định danh mục các công trình, dự án đưa vào quy hoạch sử dụng đất luôn có sự thay đổi theo nhu cầu thị trường nên quy hoạch sử dụng đất phải điều chỉnh liên tục làm kéo dài thời gian lập và hoàn chỉnh hồ sơ. Việc sử dụng đất ở một số nơi còn lãng phí, để hoang hóa, lấn chiếm đất công, sử dụng đất không đúng mục đích, chuyển nhượng đất trái pháp luật, vi phạm quy hoạch...

- Công tác quản lý tài chính về đất đai vẫn còn thiếu chặt chẽ và thống nhất, sự kết hợp của các cấp, các ngành trong việc quản lý và điều chỉnh đối với người sử dụng đất trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ tài chính vẫn còn hạn chế.

b) Nguyên nhân

- Nhu cầu quỹ đất cho phát triển các ngành, lĩnh vực, cho các dự án đầu tư chưa được tính toán khoa học, chưa sát với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội dẫn tới tình hình vừa thiếu, vừa thừa quỹ đất và thường phải điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

- Thiếu đồng bộ trong cơ sở dữ liệu quản lý đất đai.

- Vai trò lãnh đạo và quản lý nhà nước của chính quyền ở một số xã đối với đất đai còn hạn chế. Một số cán bộ, công chức ở cơ sở chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc về chính sách pháp luật về đất đai. Công tác phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật về đất đai chưa mạnh, nhận thức về pháp luật và chấp hành pháp luật về đất đai của một bộ phận cán bộ, nhân dân chưa cao.

- Công tác dự báo nhu cầu và xác định danh mục dự án đầu tư đưa vào quy hoạch, nhất là các dự án sử dụng vào mục đích thương mại – dịch vụ, du lịch thường chưa thể chính xác và luôn có sự thay đổi theo nhu cầu thị trường nên quy hoạch sử dụng đất phải điều chỉnh liên tục. Trong thực tế, sau khi quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt lại có nhiều dự án phát sinh thêm có tính khả thi nhưng lại không có trong quy hoạch nên cũng không thể giao đất để triển khai mặc dù phù hợp với quy hoạch.

- Thẩm quyền ký cấp giấy chứng nhận lần đầu do Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện. Tuy nhiên, chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai không thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân huyện, do vậy việc chỉ đạo thực hiện gặp khó khăn, hiệu quả chưa cao.

- Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các chủ trương, pháp luật về đất đai có thời điểm chưa mạnh; việc xử lý các vi phạm trong sử dụng đất vẫn chưa kịp thời, do vậy tác dụng trong việc răn đe, giáo dục còn hạn chế.

- Qua đó cho thấy, huyện cần tiến hành rà soát, đánh giá cụ thể từng việc đã làm được, những hạn chế cần phải khắc phục sớm trong công tác quản lý và sử dụng đất đai. Gắn rà soát quy hoạch với xác định nhu cầu sử dụng đất phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

*** Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai**

Công tác quản lý nhà nước về đất đai cần phải thực hiện đồng bộ thống nhất và cần có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan đơn vị, tổ chức cá nhân trên địa bàn huyện. Để thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về đất đai cần thực hiện một số giải pháp:

- Nhanh chóng hoàn thiện công tác đo đạc lập bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đối tượng sử dụng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đồng bộ hoàn chỉnh, chính xác trên địa bàn huyện;

- Các cấp, các ngành cần tập trung xây dựng, nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài;

- Cập nhật thường xuyên, kịp thời những biến động về đất đai trên hồ sơ địa chính và hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý;

- Các cấp, các ngành thực hiện tốt công tác hòa giải, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại về đất đai ngay từ cơ sở, tránh tình trạng tranh chấp, khiếu kiện kéo dài gây bức xúc trong nhân dân;

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực đất đai; các hoạt động về đất đai và hoàn chỉnh cơ chế, chính sách về đất đai trong thời kỳ mới đảm bảo phù hợp với thực tiễn, thúc đẩy kinh tế- xã hội phát triển, an ninh chính trị được ổn định và giữ vững.

3.2. Phân tích, đánh giá bổ sung hiện trạng và biến động sử dụng đất

3.2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất

Tổng diện tích đất tự nhiên của toàn huyện Hàm Yên theo kết quả thống kê đến hết năm 31/12/2021 là: 90.054,59 ha.

+ Nhóm đất nông nghiệp: Diện tích là 84.873,19 ha, chiếm 94,25% tổng diện tích tự nhiên;

+ Nhóm đất phi nông nghiệp: Diện tích là 4.739,31 ha, chiếm 5,26% tổng diện tích tự nhiên;

+ Nhóm đất chưa sử dụng: Diện tích là 448,08 ha, chiếm 0,49% tổng diện tích tự nhiên.

Bảng 3: Hiện trạng sử dụng đất huyện Hàm Yên năm 2021

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích	Cơ cấu
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		90.054,59	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	84.873,19	94,25
1,1	Đất trồng lúa	LUA	3.835,25	4,26
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	3.144,07	3,49
1.1.2	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	691,18	0,77
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.223,80	3,58
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	14.751,41	16,38
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	8.794,18	9,77
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	5.559,73	6,17
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	47.937,29	53,23
	<i>Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>5.493,04</i>	<i>6,10</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	752,19	0,84
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	19,36	0,02
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.739,31	5,26
2.1	Đất quốc phòng	CQP	5,98	0,01
2.2	Đất an ninh	CAN	2,00	0,00

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích	Cơ cấu
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	14,85	0,02
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	16,24	0,02
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	37,20	0,04
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	248,37	0,28
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	31,60	0,04
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.702,88	1,89
2.9.1	Đất giao thông	DGT	986,45	1,10
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	293,68	0,33
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	28,76	0,03
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,46	0,01
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - Đào tạo	DGD	70,87	0,08
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT	26,96	0,03
2.9.7	Đất công trình năng lượng	DNL	122,07	0,14
2.9.8	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,59	0,00
2.9.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		
2.9.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	3,92	0,00
2.9.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,26	0,00
2.9.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	1,93	0,00
2.9.13	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	146,51	0,16

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích	Cơ cấu
2.9.14	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH		
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH		
2.9.16	Đất chợ	DCH	11,43	0,01
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,38	0,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.057,88	1,17
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	53,78	0,06
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,98	0,02
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,26	0,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	1,65	0,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.547,26	1,72
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC		
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		
3	Đất chưa sử dụng	CSD	442,08	0,49

(Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hàm Yên)

3.2.1.1. Đất nông nghiệp

Diện tích nhóm đất nông nghiệp tính đến ngày 31/12/2021 là 84.873,19 ha, chiếm 94,25% tổng diện tích đất tự nhiên trong đó:

- Đất trồng lúa: tổng diện tích đất trồng lúa tính đến ngày 31/12/2021 là 3.835,25 ha chiếm 4,26% tổng diện tích đất tự nhiên. Tập trung nhiều ở các xã Hùng Đức, Phù Lưu, Đức Ninh, Thái Sơn.

+ Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước (LUC) có diện tích là 3.144,07 ha chiếm 3,49% tổng diện tích đất tự nhiên, đất trồng lúa nước còn lại (LUK) là 691,18 ha chiếm 0,77% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất trồng cây hàng năm khác (HNK): Diện tích đất trồng cây hàng năm khác tính đến ngày 31/12/2021 là 3.223,80 ha chiếm 3,58% tổng diện tích đất tự nhiên. Diện tích chủ yếu ở các xã Tân Thành, Bạch Xa, Bình Xa, Hùng Đức.

- Đất trồng cây lâu năm (CLN): Diện tích đất trồng cây lâu năm tính đến ngày 31/12/2021 là 14.751,41 ha chiếm 16,38% tổng diện tích đất tự nhiên. Phân bố ở các xã Phù Lưu, Yên Phú, Yên Thuận, Tân Thành.

- Đất rừng sản xuất (RSX): Diện tích đất rừng sản xuất năm 2021 là 47.937,29 ha chiếm 53,23% tổng diện tích đất tự nhiên. Tập trung nhiều ở các xã Yên Lâm, xã Yên Phú, xã Hùng Đức. Trong đó đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên (RSN) là 5.493,04 ha chiếm 6,10 % tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất trồng rừng phòng hộ (RPH): Năm 2021 là 8.794,18 ha chiếm 9,77% tổng diện tích đất tự nhiên. Diện tích nhiều ở xã Yên Lâm, xã Yên Phú, xã Minh Hương.

- Đất rừng đặc dụng (RDD): Năm 2021 là 5.559,73 ha chiếm 6,17% tổng diện tích đất tự nhiên, phân bố ở hai xã Phù Lưu và xã Yên Thuận.

- Diện tích đất nuôi trồng thủy sản (NTS): Năm 2021 là 752,19 ha, chiếm 0,84% tổng diện tích đất tự nhiên, tập trung ở TT Tân Yên, xã Thái Sơn.

- Diện tích đất nông nghiệp khác (NHK): Năm 2021 là 19,36 ha, chiếm 0,02% tổng diện tích đất tự nhiên, phân bố ở hai xã Nhân Mục và xã Bằng Cốc.

3.2.1.2. Đất phi nông nghiệp.

Tính đến ngày 31/12/2021 tổng diện tích nhóm đất phi nông nghiệp là 4.739,31 ha, chiếm 5,26% tổng diện tích đất tự nhiên cụ thể:

- Đất quốc phòng (CQP): Năm 2021 có diện tích là 5,98 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích đất tự nhiên. Chủ yếu là nơi đóng quân; làm căn cứ quân sự; công trình phòng thủ quốc gia, trận địa và công trình đặc biệt về quốc phòng; trường bắn, thao trường tập luyện.

- Đất an ninh (CAN): Năm 2021 diện tích là 2,00 ha, chủ yếu được bố trí đất cho các trụ sở công an, trại giam,... phân bố tại các xã và thị trấn trên địa bàn huyện.

- Đất cụm công nghiệp (SKN): Năm 2021 diện tích là 14,85 ha, chiếm 0,02% tổng diện tích đất tự nhiên là cụm công nghiệp Tân Thành thuộc xã Tân Thành.

- Đất thương mại, dịch vụ (TMD): Năm 2021 diện tích là 16,24 ha, chiếm 0,02% tổng diện tích đất tự nhiên, tập trung nhiều ở TT Tân Yên. Trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội của toàn huyện, sắp tới sẽ phân bổ nhiều ở hai xã Phù Lưu và Thái Sơn để hai xã này phấn đấu đạt đô thị loại V trong tương lai.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC): Năm 2021 diện tích là 37,20 ha, chiếm 0,04% tổng diện tích đất tự nhiên, diện tích lớn ở xã Yên Phú, TT Tân Yên và xã Bình Xa.

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (SKS): Năm 2021 diện tích là 248,37 ha, chiếm 0,28% tổng diện tích đất tự nhiên, diện tích đất này phân bổ nhiều ở các xã Hùng Đức, xã Tân Thành và xã Thành Long.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (SKX): Năm 2021 diện tích 31,60 ha, chiếm 0,04% tổng diện tích đất tự nhiên, phân bổ ở các xã Thái Sơn, xã Thành Long và xã Yên Phú.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (DHT): Năm 2021 diện tích là 1.702,88 ha, chiếm 1,89% tổng diện tích đất tự nhiên. Gồm chủ yếu các loại đất lớn như đất giao thông là Quốc lộ 2, Quốc lộ 3B đi qua (tuyến Quốc lộ có vị trí chiến lược quan trọng của tỉnh Tuyên Quang nói riêng và vùng Trung du miền núi phía Bắc nói chung). Ngoài ra, huyện còn có tuyến ĐT189 chạy qua, bắt đầu từ đường nối từ Km272, QL.3B xã Bình Xa đến thôn Lục Khang, xã Yên Thuận huyện Hàm Yên,... Đất năng lượng để khai thác mặt nước phục vụ cho các công trình thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn huyện.

+ Đất giao thông (DGT): Năm 2021 diện tích là 986,45 ha, chiếm 1,10% tổng diện tích đất tự nhiên, loại đất này được phân bổ nhiều ở các xã Yên Phú, xã Tân Thành và thị trấn Tân Yên.

+ Đất thủy lợi (DTL): Năm 2021 diện tích là 293,68 ha, chiếm 0,33% tổng diện tích đất tự nhiên, loại đất này tập trung nhiều ở thị trấn Tân Yên và các xã Thái Sơn, Tân Thành, Thái Hòa.

+ Đất xây dựng cơ sở văn hoá (DVH): Năm 2021 diện tích là 28,76 ha, chiếm 0,03% tổng diện tích đất tự nhiên, loại đất này tập trung nhiều ở thị trấn Tân Yên và các xã Đức Ninh, Thái Hòa.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế (DYT): Năm 2021 diện tích là 7,46 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích đất tự nhiên, loại đất này tập trung nhiều ở thị trấn Tân Yên.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục - Đào tạo (DGD): Năm 2021 diện tích là 70,87 ha, chiếm 0,08% tổng diện tích đất tự nhiên, loại đất này tập trung nhiều ở thị trấn Tân Yên và các xã Phù Lưu, Thái Hòa.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao (DTT): Năm 2021 diện tích là 26,96 ha, chiếm 0,03% tổng diện tích đất tự nhiên, loại đất này tập trung nhiều ở xã Thái Hòa, Đức Ninh, Bình Xa.

+ Đất công trình năng lượng (DNL): Năm 2021 diện tích là 122,07 ha, chiếm 0,14% tổng diện tích đất tự nhiên, loại đất này tập trung chủ yếu ở xã Yên Thuận.

+ Đất công trình bưu chính viễn thông (DBV): Năm 2021 diện tích là 0,59 ha, loại đất này tập trung tại thị trấn Tân Yên, xã Yên Phú.

- Đất có di tích lịch sử - văn hoá (DDT): Năm 2021 diện tích là 3,92 ha tổng diện tích đất tự nhiên, loại đất này chỉ có ở xã Yên Phú và xã Thành Long.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải (DRA): Năm 2021 diện tích là 2,26 ha tổng diện tích đất tự nhiên, loại đất này được phân bổ ở xã Bình Xa, Yên Phú.

+ Đất cơ sở tôn giáo (TON): Năm 2021 diện tích là 1,93 ha tổng diện tích đất tự nhiên, loại đất này tập trung nhiều ở xã Bạch Xa với diện tích 0,98 ha.

+ Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (NTD): Năm 2021 diện tích là 146,51 ha chiếm 0,16% tổng diện tích đất tự nhiên, diện tích đất này chủ yếu phân bổ ở các xã như: Đức Ninh, Thái Sơn, Tân Thành.

+ Đất chợ (DCH): Năm 2021 diện tích là 11,43 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích đất tự nhiên, loại đất này tập trung nhiều ở thị trấn Tân Yên và các xã Bằng Cốc, Thái Sơn.

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng (DKV): Năm 2021 diện tích là 0,38 ha, loại đất này chỉ phân bổ tại thị trấn Tân Yên.

- Đất ở tại nông thôn (ONT): Năm 2021 là 1.057,88 ha, chiếm 1,17% tổng diện tích đất tự nhiên, tập trung nhiều tại các xã Thái Hòa, Phù Lưu, Thái Sơn.

- Đất ở đô thị (ODT): Năm 2021 là 53,78 ha chiếm 0,06% tổng diện tích đất tự nhiên, loại đất này chỉ được phân bổ tại thị trấn Tân Yên.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan (TSC): Năm 2021 diện tích là 18,98 ha chiếm 0,02% tổng diện tích đất tự nhiên, diện tích đất này tập trung nhiều ở thị trấn Tân Yên và các xã Bằng Cốc, Thái Hòa.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp (DTS): Năm 2021 diện tích là 0,26 ha tổng diện tích đất tự nhiên. Loại đất này được phân bổ chủ yếu để xây dựng các công trình, trụ sở làm việc của tổ chức sự nghiệp tại xã Đức Ninh, Minh Khương, Yên Thuận.

- Đất tín ngưỡng (TIN): Năm 2021 diện tích là 1,65 ha tổng diện tích đất tự nhiên, diện tích đất này được phân bổ chủ yếu ở thị trấn Tân Yên và xã Bạch Xa, Bình Xa, Thái Hòa, Yên Phú.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON): Năm 2021 diện tích là 1.547,26 ha chiếm 1,72% tổng diện tích đất tự nhiên, loại đất này tập trung chủ yếu là ở các xã Yên Phú, Yên Lâm, Tân Thành.

3.2.1.3. Đất chưa sử dụng

Diện tích nhóm đất chưa sử dụng tính đến năm 2021 là 442,08 ha chiếm 0,49% tổng diện tích đất tự nhiên toàn huyện. Trong thời gian tới cần phân bổ và sử dụng loại đất này một cách hiệu quả.

3.2.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong kỳ quy hoạch trước (2021-2030)

3.2.2.1. Biến động diện tích đất tự nhiên

Theo số liệu thống kê đến hết năm 2021, huyện có tổng diện tích đất tự nhiên 90.054,59 ha, so với kỳ quy hoạch trước không có sự biến động.

Kiểm kê đất đai năm 2019 so với các năm 2009 và 2014 không có sự biến động về tổng diện tích đất tự nhiên do thống kê đất đai hàng năm đã có sự tổng hợp diện tích tự nhiên theo bản đồ hiện trạng, rà soát chỉnh sửa các sai sót trước đây, vì vậy kết quả đã chính xác hơn.

3.2.2.2. Biến động sử dụng các loại đất

Tính đến 31/12/2021 huyện Hàm Yên có tổng diện tích đất tự nhiên là 90.054,59 ha. Diện tích đất có sự biến động tăng giảm theo từng loại đất do sự chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất, quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá – hiện đại hoá, sự thay đổi của điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội.

Bảng 4: Biến động các loại đất trên địa bàn huyện Hàm Yên so với kỳ trước

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích quy hoạch được duyệt (ha)	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	So sánh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
			90.054,59	90.054,59	0,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	83.404,50	84.873,19	1.468,69
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.671,43	3.835,25	163,82
	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	3.024,87	3.144,07	119,20
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.014,92	3.223,80	208,88
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	15.246,22	14.751,41	-494,82
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	8.788,25	8.794,18	5,93
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	5.559,06	5.559,73	0,67
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	46.324,04	47.937,29	1.613,25
	<i>Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>		5.493,04	5.493,04
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	731,22	752,19	20,97
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	69,36	19,36	-50,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.251,46	4.739,31	-1.512,15
2.1	Đất quốc phòng	CQP	57,78	5,98	-51,80
2.2	Đất an ninh	CAN	3,97	2,00	-1,97
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK			
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	80,00	14,85	-65,15
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	105,07	16,24	-88,83
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	206,85	37,20	-169,65
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	473,63	248,37	-225,26
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	154,61	31,60	-123,01

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích quy hoạch được duyệt (ha)	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	So sánh
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.254,42	1.702,88	-551,55
2.9.1	Đất giao thông	DGT	1.298,46	986,45	-312,01
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	312,68	293,68	-19,00
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	31,50	28,76	-2,74
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	8,48	7,46	-1,02
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - Đào tạo	DGD	88,45	70,87	-17,58
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT	44,79	26,96	-17,83
2.9.7	Đất công trình năng lượng	DNL	221,72	122,07	-99,65
2.9.8	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,66	0,59	-0,07
2.9.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG			
2.9.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	12,63	3,92	-8,71
2.9.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	19,00	2,26	-16,74
2.9.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	7,29	1,93	-5,36
2.9.13	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	190,63	146,51	-44,12
2.9.14	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH			
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	1,00	0,00	-1,00
2.9.16	Đất chợ	DCH	17,13	11,43	-5,70
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH			
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	8,08	0,38	-7,70
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.211,81	1.057,88	-153,94
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	119,37	53,78	-65,59

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích quy hoạch được duyệt (ha)	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	So sánh
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	24,61	18,98	-5,63
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,26	0,26	0,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	1,64	1,65	0,01
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.549,36	1.547,26	-2,10
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC			
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK			
3	Đất chưa sử dụng	CSD	398,64	442,08	43,44

(Nguồn: Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Tuyên Quang; Số liệu thống kê đất đai năm 2021)

IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013, huyện đã tiến hành lập quy hoạch sử dụng đất huyện Hàm Yên giai đoạn 2021-2030. Qua một số năm thực hiện, do điều kiện kinh tế - xã hội của huyện có nhiều thay đổi và biến động, quy hoạch của các ngành có sự điều chỉnh. Vì vậy, bản quy hoạch sử dụng đất của huyện cũng được điều chỉnh qua các năm cho phù hợp với mục tiêu, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Công tác thu hồi đất, giao đất và chuyển mục đích sử dụng đất đã được triển khai cơ bản theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt. Kết quả thực hiện đến năm 2020 đã đạt được những thành tựu nhất định, giúp cho việc quản lý sử dụng đất đi vào nề nếp và góp phần phục vụ tốt cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian qua.

- Căn cứ Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 20/05/2021 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến 2030 của huyện Hàm Yên;
- Căn cứ thống kê đất đai 2021 số liệu thực hiện đến hết 31/12/2021.

Đánh giá kết quả thực hiện Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Hàm Yên là việc so sánh kết quả hiện trạng sử dụng đất năm 2021 với Phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được Ủy ban nhân dân tỉnh xét duyệt.

Bảng 5: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích quy hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2021		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+) giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
			90.054,59	90.054,59		
1	Đất nông nghiệp	NNP	83.404,50	84.873,19	1.468,69	101,76
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.671,43	3.835,25	163,82	104,46
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	3.024,87	3.144,07	119,20	103,94
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.014,92	3.223,80	208,88	106,93
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	15.246,22	14.751,41	-494,82	96,75
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	8.788,25	8.794,18	5,93	100,07
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	5.559,06	5.559,73	0,67	100,01
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	46.324,04	47.937,29	1.613,25	103,48
	<i>Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>		<i>5.493,04</i>		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	731,22	752,19	20,97	102,87
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	69,36	19,36	-50,00	27,91
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.251,46	4.739,31	-1.512,15	75,81
2.1	Đất quốc phòng	CQP	57,78	5,98	-51,80	10,35
2.2	Đất an ninh	CAN	3,97	2,00	-1,97	50,35
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	80,00	14,85	-65,15	18,56
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	105,07	16,24	-88,83	15,46
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	206,85	37,20	-169,65	17,98

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích quy hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2021		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+) giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	473,63	248,37	-225,26	52,44
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	154,61	31,60	-123,01	20,44
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.254,42	1.702,88	-551,55	75,53
2.9.1	Đất giao thông	DGT	1.298,46	986,45	-312,01	75,97
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	312,68	293,68	-19,00	93,92
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	31,50	28,76	-2,74	91,30
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	8,48	7,46	-1,02	87,94
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - Đào tạo	DGD	88,45	70,87	-17,58	80,12
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT	44,79	26,96	-17,83	60,19
2.9.7	Đất công trình năng lượng	DNL	221,72	122,07	-99,65	55,06
2.9.8	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,66	0,59	-0,07	89,24
2.9.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG				
2.9.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	12,63	3,92	-8,71	31,04
2.9.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	19,00	2,26	-16,74	11,89
2.9.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	7,29	1,93	-5,36	26,46
2.9.13	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	190,63	146,51	-44,12	76,85
2.9.14	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH				
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	1,00		1,00	
2.9.16	Đất chợ	DCH	17,13	11,43	-5,70	66,71

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích quy hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2021		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+) giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH				
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	8,08	0,38	-7,70	4,69
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.211,81	1.057,88	-153,94	87,30
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	119,37	53,78	-65,59	45,05
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	24,61	18,98	-5,63	77,14
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,26	0,26		100,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	1,64	1,65	0,01	100,55
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.549,36	1.547,26	-2,10	99,86
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC				
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				
3	Đất chưa sử dụng	CSD	398,64	442,08	43,44	90,17

(Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 20/05/2021 của UBND tỉnh Tuyên; Số liệu thống kê đất đai năm 2021).

* Kết quả thực hiện:

4.1.1. Đất nông nghiệp

Kết quả thực hiện đến năm 2021 được 84.873,19 ha tăng 1.468,69 ha so với Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang (83.404,50 ha) đạt 101,76 %.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cụ thể trong nhóm đất nông nghiệp như sau:

- *Đất trồng lúa*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 3.835,25 ha tăng 163,82 ha so với quy hoạch được duyệt (3.671,43 ha) đạt 104,46 %.

- *Đất trồng cây hàng năm khác*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 3.223,80 ha tăng 208,88 ha so với quy hoạch được duyệt (3.014,92 ha) đạt 106,93 %.

- *Đất trồng cây lâu năm*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 14.751,41 ha giảm 494,82 ha so với quy hoạch được duyệt (15.246,22 ha) đạt 96,75 %.

- *Đất rừng phòng hộ*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 8.794,18 ha tăng 5,93 ha so với quy hoạch được duyệt (8.788,25 ha) đạt 100,07 %.

- *Đất rừng đặc dụng*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 5.559,73 ha tăng 0,67 ha so với quy hoạch được duyệt (5.559,06 ha) đạt 100,01 %.

- *Đất rừng sản xuất*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 47.937,29 ha tăng 1.613,25 ha so với quy hoạch được duyệt (46.324,04 ha) đạt 103,48 %.

- *Đất nuôi trồng thủy sản*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 752,19 ha tăng 20,97 ha so với quy hoạch được duyệt (731,22 ha) đạt 102,87 %.

- *Đất nông nghiệp khác*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 19,36 ha giảm 50,00 ha so với quy hoạch được duyệt (69,36 ha) đạt 27,91 %.

4.1.2. Đất phi nông nghiệp

Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 4.739,31 ha giảm 1.512,15 ha so với quy hoạch được duyệt (6.251,46 ha) đạt 75,81 %.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu cụ thể trong nhóm đất phi nông nghiệp như sau:

- *Đất quốc phòng*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 5,98 ha giảm 51,80 ha so với quy hoạch được duyệt (57,78 ha) đạt 10,35 %.

- *Đất an ninh*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 2,00 ha giảm 1,97 ha so với quy hoạch được duyệt (3,97 ha) đạt 50,35 %.

- *Đất cụm công nghiệp*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 14,85 ha giảm 65,15 ha so với quy hoạch được duyệt (80,00 ha) đạt 18,56 %.

- *Đất thương mại dịch vụ*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 16,24 ha giảm 88,83 ha so với quy hoạch được duyệt (105,07 ha) đạt 15,46 %.

- *Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 37,20 ha giảm 169,65 ha so với quy hoạch được duyệt (206,85 ha) đạt 17,98 %.

- *Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 248,37 ha giảm 225,26 ha so với quy hoạch được duyệt (473,63 ha) đạt 52,44 %.

- *Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 31,60 ha giảm 123,01 ha so với quy hoạch được duyệt (154,61 ha) đạt 20,44 %.

- *Đất phát triển hạ tầng*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 1.702,88 ha giảm 551,55 ha so với quy hoạch được duyệt (2.254,42 ha) đạt 75,53 %. Trong đó:

+ *Đất giao thông*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 986,45 ha giảm 312,01 ha so với quy hoạch được duyệt (1.298,46 ha) đạt 75,97 %.

+ *Đất thủy lợi*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 293,68 ha giảm 19,00 ha so với quy hoạch được duyệt (312,68 ha) đạt 93,92 %.

+ *Đất xây dựng cơ sở văn hoá*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 28,76 ha giảm 2,74 ha so với quy hoạch được duyệt (31,50 ha) đạt 91,30 %.

+ *Đất xây dựng cơ sở y tế*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 7,46 ha giảm 1,02 ha so với quy hoạch được duyệt (8,48 ha) đạt 87,94 %.

+ *Đất xây dựng cơ sở giáo dục - Đào tạo*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 70,87 ha giảm 17,58 ha so với quy hoạch được duyệt (88,45 ha) đạt 80,12 %.

+ *Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 26,96 ha giảm 17,83 ha so với quy hoạch được duyệt (44,79 ha) đạt 60,19 %.

+ *Đất công trình năng lượng*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 122,07 ha giảm 99,65 ha so với quy hoạch được duyệt (221,72 ha) đạt 55,06 %.

+ *Đất công trình bưu chính, viễn thông*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 0,59 ha giảm 0,07 ha so với quy hoạch được duyệt (0,66 ha) đạt 89,24 %.

+ *Đất có di tích lịch sử - văn hóa*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 3,92 ha giảm 8,71 ha so với quy hoạch được duyệt (12,63 ha) đạt 31,04 %.

+ *Đất bãi thải, xử lý chất thải*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 2,26 ha giảm 16,74 ha so với quy hoạch được duyệt (19,00 ha) đạt 11,89 %.

+ *Đất cơ sở tôn giáo*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 1,93 ha giảm 5,36 ha so với quy hoạch được duyệt (7,29 ha) đạt 26,46 %.

+ *Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 146,51 ha giảm 44,12 ha so với quy hoạch được duyệt (190,63 ha) đạt 76,85 %.

+ *Đất chợ*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 11,43 ha giảm 5,70 ha so với quy hoạch được duyệt (17,13 ha) đạt 66,71 %.

- *Đất khu vui chơi, giải trí công cộng*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 0,38 ha giảm 7,70 ha so với quy hoạch được duyệt (8,08 ha) đạt 4,69 %.

- *Đất ở tại nông thôn*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 1.057,88 ha giảm 153,94 ha so với quy hoạch được duyệt (1.211,81 ha) đạt 87,30 %.

- *Đất ở tại đô thị*: Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 53,78 ha giảm 18,98 ha so với quy hoạch được duyệt (119,37 ha) đạt 45,05 %.

- **Đất trụ sở cơ quan:** Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 23,33 ha giảm 5,63 ha so với quy hoạch được duyệt (24,61 ha) đạt 77,14 %.

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 0,26 ha giảm 0 ha so với quy hoạch được duyệt (0,26 ha) đạt 100 %.

- **Đất tín ngưỡng:** Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 1,65 ha tăng 0,01 ha so với quy hoạch được duyệt (1,64 ha), đạt 100,55 %.

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 1.547,26 ha giảm 2,10 ha so với quy hoạch được duyệt (1.549,36 ha), đạt 99,86 %.

4.1.3. Kết quả thực hiện chỉ tiêu khai thác đất chưa sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng của huyện bao gồm cả diện tích đất bằng chưa sử dụng, đất đồi núi chưa sử dụng và đất núi đá không có rừng cây. Kết quả thực hiện đến năm 2021 là 442,08 ha cao hơn 43,44 ha so với quy hoạch được duyệt (398,64 ha). Như vậy, kết quả thực hiện việc khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng đạt 90,17 % so với quy hoạch được duyệt.

Trong giai đoạn tiếp theo huyện cần có những chính sách hợp lý để khuyến khích nhân dân khai hoang đưa diện tích đất bằng chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích sản xuất nông nghiệp, đưa đất đồi núi chưa sử dụng vào trồng rừng và khai phá đất núi đá không có rừng cây để sản xuất vật liệu xây dựng.

* Nhận xét:

- Có 08/45 chỉ tiêu đạt $\geq 100\%$ (chiếm 17,78 %), gồm: Nhóm đất nông nghiệp có 06 chỉ tiêu (đất trồng lúa; đất trồng cây hàng năm khác; đất rừng phòng hộ; đất rừng đặc dụng; đất rừng sản xuất; đất nuôi trồng thủy sản); Nhóm đất phi nông nghiệp có 02 chỉ tiêu (đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp; đất cơ sở tín ngưỡng).

- Có 12/45 chỉ tiêu đạt trên 70 - 100% (chiếm 26,67 %), gồm: Nhóm đất nông nghiệp có 01 chỉ tiêu (đất trồng cây lâu năm); Nhóm đất phi nông nghiệp có 10 chỉ tiêu (đất giao thông; đất thủy lợi; đất xây dựng cơ sở văn hóa; đất xây dựng cơ sở y tế; đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo; đất công trình bưu chính, viễn thông; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng; đất ở tại nông thôn; đất ất xây dựng trụ sở cơ quan) và đất chưa sử dụng.

- Có 05/45 chỉ tiêu đạt 50 - 70% (chiếm 11,11%) thuộc nhóm đất phi nông nghiệp (đất an ninh; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản; đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao; đất công trình năng lượng; đất chợ).

- Có 11/45 chỉ tiêu đạt dưới 50% (chiếm 24,44%) trong đó: Nhóm đất nông nghiệp có 01 chỉ tiêu (đất nông nghiệp khác); nhóm đất phi nông nghiệp có 10 chỉ tiêu (đất quốc phòng; đất cụm công nghiệp; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm; đất có di tích lịch sử - văn hóa; đất bãi thải, xử lý chất thải; đất cơ sở tôn giáo; đất khu vui chơi, giải trí công cộng; đất ở tại đô thị;).

- Có 9/45 chỉ tiêu chưa xác định trong kỳ quy hoạch (chiếm 20,0%) trong đó: Nhóm đất phi nông nghiệp 9 chỉ tiêu (đất khu công nghiệp; đất xây dựng kho dự trữ quốc gia; đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ; đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội; đất danh lam thắng cảnh; đất sinh hoạt cộng đồng; đất cơ sở ngoại giao; đất có mặt nước chuyên dùng; Đất phi nông nghiệp khác).

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đạt mức trung bình, có 20/45 chỉ tiêu đạt trên 70%, đạt 44,44% các chỉ tiêu quy hoạch đất được Ủy ban nhân dân tỉnh xét duyệt đến năm 2030.

- Đất nông nghiệp thực hiện đạt 101,76% so với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030. Trong đó đất trồng lúa đạt 104,46% cao hơn 163,82 ha, nguyên nhân chủ yếu do các công trình dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, khu đô thị chưa được đưa vào thực hiện nên việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp chưa thực hiện theo quy hoạch. Diện tích đất trồng cây hàng năm đạt 106,93% cao hơn 208,88 ha. Diện tích đất trồng rừng sản xuất đạt 103,48% cao hơn 1.613,25 ha. Như vậy kết quả sử dụng đất nông nghiệp và đặc biệt là đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm, đất trồng rừng sản xuất đạt năng suất chất lượng cao so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt vừa có ý nghĩa tích cực trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện theo hướng sản xuất nông lâm nghiệp nhưng cũng phản ánh một phần những hạn chế do chưa đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng và khu đô thị như quy hoạch đã đề ra.

- Đất phi nông nghiệp thực hiện ở mức trung bình đạt 75,81%, thấp hơn 1.512,15 ha so với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất được duyệt đến năm 2030 nguyên nhân là do có nhiều công trình, dự án chưa thực hiện như khu đô thị, các mỏ khai thác, các công trình hạ tầng, các cụm công nghiệp. Các chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp còn thấp đã hạn chế tốc độ chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng Thương mại, Du lịch - Nông, lâm nghiệp, thủy sản – Công nghiệp của huyện.

4.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

4.2.1. Kết quả đạt được:

- Sau khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện đã công bố công khai toàn bộ tài liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt tại trụ sở, đồng thời tiếp tục thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đối với các khu đất đã được thu hồi đất, giao đất trên địa bàn huyện, đồng thời tiến hành công tác rà soát và đề xuất các chỉ tiêu sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Công tác quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ngày càng chặt chẽ, góp phần tích cực cho việc sử dụng đất hợp lý và có hiệu quả. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã trở thành một trong những căn cứ pháp lý quan trọng để Nhà nước thực hiện quyền định đoạt của mình về đất đai (thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, điều tiết thị trường đất đai...).

- Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được quan tâm chú trọng. Trong những năm vừa qua huyện đã đầu tư kinh phí lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 – 2030, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện theo quy định của Luật Đất đai; đã thực hiện và lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 20/05/2021 của UBND tỉnh Tuyên Quang.

- Đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất đai cho các mục đích, đối tượng sử dụng; làm cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn huyện Hàm Yên.

- Qua việc quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, cơ cấu sử dụng đất được chuyển đổi phù hợp với quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; đất dành cho phát triển công nghiệp, dịch vụ, xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang và phát triển đô thị được mở rộng, cơ bản đáp ứng nhu cầu của giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn huyện.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện Hàm Yên đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đã tạo cơ sở pháp lý cho huyện trong việc thực hiện công tác quản

lý nhà nước về đất đai theo quy hoạch, đặc biệt là công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

- Việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 trên địa bàn huyện Hàm Yên đã đạt được những thành quả nhất định, quá trình sử dụng đất cơ bản dựa trên quan điểm khai thác sử dụng triệt để quỹ đất, đảm bảo sử dụng hợp lý và hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị, phù hợp với quan điểm phát triển chung của huyện và của tỉnh.

4.2.2. Tồn tại

Xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong sự đổi mới nền kinh tế của huyện nói riêng và toàn khu vực nói chung nên trong quá trình thực hiện quy hoạch sử dụng đất cũng có những phát sinh, dẫn đến một số chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện vượt so với chỉ tiêu được duyệt. Đồng thời cũng do nhiều nguyên nhân khác nhau đã làm cho một số chỉ tiêu có kết quả thực hiện đạt được còn giảm so với chỉ tiêu theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt. Ngoài ra việc biến động các chỉ tiêu sử dụng đất trong quá trình thực hiện so với các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch được duyệt còn do một số yếu tố khác như:

- Tình hình kinh tế của huyện còn gặp nhiều khó khăn, thiếu nguồn vốn đầu tư hoặc nguồn vốn còn bị động gây ảnh hưởng không nhỏ tới việc thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch đã đề ra. Một số hạng mục công trình đã có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhưng chủ đầu tư chưa lập xong dự án và hồ sơ đất đai nên phải lùi tiến độ thực hiện.

- Một số dự án quy hoạch khu đô thị, cụm công nghiệp,... không được nhà đầu tư thực hiện đến cùng như đã cam kết do hạn chế về hiệu quả đầu tư, tính hấp dẫn cũng như khó khăn tài chính. Vì vậy mặc dù dự án đã lập quy hoạch chi tiết nhưng vẫn chưa thực hiện hoặc thực hiện không hoàn toàn cũng là nguyên nhân làm cho kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất đối với các loại đất trên đạt tỷ lệ thấp.

- Chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội như văn hóa, thể thao, giáo dục, y tế,... đã không được thực hiện hoặc thực hiện với tiến độ chậm. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến một số chỉ tiêu sử dụng đất đạt được ở mức thấp so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Trong quy hoạch sử dụng đất đã cố gắng phân bổ sử dụng đất cho từng ngành, từng lĩnh vực. Song trên thực tế triển khai, một số nhà đầu tư lại không muốn đầu tư vào những vị trí đã quy hoạch mà muốn chuyển vào địa điểm khác. Để tranh

thủ nguồn vốn và khuyến khích đầu tư nên nhiều trường hợp đã được chấp thuận. Điều này đã gây không ít xáo trộn trong quy hoạch, đồng thời làm phát sinh công trình nằm ngoài quy hoạch được duyệt.

- Nhận thức của các cấp, các ngành về xây dựng quy hoạch sử dụng đất còn chưa đầy đủ, chưa coi trọng nên một số nội dung trong quy hoạch còn biểu hiện tính hình thức, chưa sát với tình hình thực tế dẫn đến những hạng mục công trình phát sinh phải điều chỉnh, bổ sung nhiều lần làm phá vỡ quy hoạch đã được phê duyệt.

- Công tác chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch chưa sát sao, còn có những nơi, những ngành chỉ tiêu thực hiện không cao, một số nơi sử dụng đất nhưng không theo quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt.

- Việc tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt ở các cấp chưa nghiêm và thường xuyên. Tình trạng sử dụng đất sai với quy hoạch, kế hoạch chưa được phát hiện và xử lý kịp thời.

- Kết quả thực hiện chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp đạt rất thấp so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đất phi nông nghiệp thực hiện chưa đạt so với kế hoạch đề ra.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được xây dựng trên cơ sở tổng hợp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch của các ngành, lĩnh vực, quá trình rà soát lập quy hoạch sử dụng đất các sở, ngành, địa phương còn đưa vào quá nhiều công trình dự án nhưng chậm triển khai thực hiện dẫn đến kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất không đạt chỉ tiêu; cơ sở hạ tầng còn yếu, chưa thu hút được nhà đầu tư nên khó khăn trong việc kêu gọi đầu tư, thực hiện xã hội hóa để huy động các tổ chức kinh tế, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện dự án; quy hoạch các khu trung tâm xã theo chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới nhưng chậm triển khai thực hiện do thiếu vốn.

4.2.3. Nguyên nhân của tồn tại

- Chính sách đất đai và cơ chế đầu tư có sự thay đổi. Giá đất biến động cao ảnh hưởng phần nào đến tiến độ thực thi các dự án (đặc biệt ảnh hưởng đến công tác đền bù, hỗ trợ để thu hồi đất xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật).

- Chưa quán triệt đầy đủ vai trò của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong quản lý đất đai dẫn tới chưa có sự chỉ đạo đúng mức việc lập, phê duyệt và triển khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Thiếu các giải pháp có tính khả thi để thực hiện quy hoạch sử dụng đất, trong đó có hai khâu quan trọng là không cân đối đủ nguồn vốn cho xây dựng hạ tầng và

sự bất cập trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất dẫn đến các công trình, dự án thường kéo dài tiến độ thực hiện. Tình trạng dự án sau khi giải phóng mặt bằng còn bỏ hoang hóa trong khi người dân thiếu đất sản xuất.

- Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sau khi được phê duyệt ở các cấp chưa được thường xuyên và chặt chẽ. Những bất cập trong quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch chưa được phát hiện và xử lý kịp thời.

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân và các cấp còn chủ quan, không có dự án tiền khả thi nên nhiều dự án đã phê duyệt nhưng không có khả năng thực hiện.

4.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới.

Từ những kết quả đạt được và những tồn tại trong quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho việc điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 của huyện như sau:

- Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đặc biệt coi trọng dự báo chính xác về nhu cầu quỹ đất cho phát triển các ngành, lĩnh vực; tính toán khoa học, sát với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cân nhắc về hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường nhằm đảm bảo phát triển bền vững trong sử dụng đất, phát huy cao nhất tiềm năng đất đai. Cần có sự phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành và ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trong việc rà soát, xác định các chỉ tiêu để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của ngành và địa phương nhưng phải sát với tình hình triển khai thực tế của địa phương.

- Tăng cường sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành, các đơn vị trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch cần được coi trọng và tiến hành thường xuyên. Quản lý chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, không để tình trạng tự phát chuyển mục đích sử dụng đất xảy ra làm chòng chéo công tác quản lý, sử dụng đất khó khăn và tác động xấu đến môi trường.

- Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp đảm bảo nguyên tắc quy hoạch, kế hoạch của ngành, lĩnh vực và địa phương có sử dụng đất phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp quy hoạch ngành duyệt trước thì phải có sự rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho việc lập và tổ chức thực hiện đầy đủ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để đảm bảo cho việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện và đưa công tác quản lý, sử dụng đất đai vào nề nếp theo đúng quy định của pháp luật.

Phần II

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

I. ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

1.1.1. Phương hướng phát triển

Với phương châm “Đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, đổi mới, phát triển”, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong huyện nêu cao quyết tâm chính trị, phát huy thành quả đạt được, khắc phục những khó khăn, thực hiện các chủ trương, giải pháp toàn diện trên các lĩnh vực.

Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực, khai thác tiềm năng, lợi thế, đẩy mạnh phát triển kinh tế, tập trung xây dựng huyện nông thôn mới, phát triển nông, lâm nghiệp hàng hóa theo hướng hiệu quả, bền vững; thu hút đầu tư, nâng cao hiệu quả các dự án công nghiệp; phát triển các ngành dịch vụ, tập trung dịch vụ thương mại và du lịch; huy động đa dạng các nguồn lực đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng và đô thị.

Nâng cao chất lượng giáo dục, quan tâm đào tạo nguồn nhân lực, chăm sóc sức khỏe nhân dân, phát triển văn hóa, xây dựng con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững; thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội. Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường. Thực hiện tốt các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Tăng cường công tác xây dựng Đảng gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

1.1.2. Mục tiêu phát triển

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo các cấp, UBND huyện đã ban hành các chương trình, kế hoạch chỉ đạo các cơ quan, đơn vị phối hợp với nhân dân để

tổ chức thực hiện tốt 01 lĩnh vực đột phá, 04 nhiệm vụ trọng tâm mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hàm Yên lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra.

Ngoài ra, cần hoàn thành tốt các nhiệm vụ về đảm bảo quốc phòng, an ninh tại địa phương. Tăng tốc phát triển kinh tế để thu hẹp, tiến tới bằng và vượt mức GDP/người so với cả nước.

Phát huy nội lực để khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh của địa phương kết hợp với các nguồn lực đầu tư của Trung ương, của tỉnh và các nguồn lực khác để phát triển kinh tế - xã hội, hướng tới phát triển bền vững. Đi đầu trong một số lĩnh vực then chốt, tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa đặc sản, các lĩnh vực khai thác khoáng sản, tiềm năng du lịch của địa phương. Tập trung mọi nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

Cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh. Phát triển văn hóa - xã hội; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giải quyết việc làm; nâng cao chất lượng các dịch vụ công; đảm bảo an sinh xã hội. Giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Đẩy mạnh phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa để tạo mức tăng trưởng kinh tế đột phá cao, gắn với sự phát triển chung. Phát triển mạnh và đa dạng khu vực dịch vụ nhất là các lĩnh vực thương mại, du lịch đồng thời tiếp tục phát triển nông nghiệp bền vững.

1.2. Quan điểm sử dụng đất

- Sử dụng đất phải tuân thủ theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền xét duyệt đảm bảo tính thống nhất mối liên hệ của tỉnh trong vùng và giữa các huyện, thành phố trong tỉnh.

- Duy trì và bảo vệ nghiêm ngặt diện tích đất trồng lúa nước cần thiết đảm bảo an ninh lương thực; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, khu bảo tồn thiên nhiên và đất di tích, danh thắng để bảo vệ cảnh quan môi trường, đa dạng sinh học, phát triển bền vững.

- Ưu tiên bố trí đầy đủ quỹ đất cho lĩnh vực quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội (giao thông, thủy lợi, văn hóa, thể thao, giáo dục - đào tạo...) để nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

- Cân đối quỹ đất để đáp ứng nhu cầu xây dựng các đô thị, khu công nghiệp, dịch vụ kinh tế và kết cấu hạ tầng theo hướng văn minh, hiện đại, đáp ứng quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. QHSD đất làm mặt bằng cho sản xuất kinh doanh phi

nông nghiệp, dịch vụ, hệ thống giao thông... theo hướng tăng cường khai thác cả phần không gian bên trên và dưới mặt đất, nâng cao hệ số sử dụng đất.

- Ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng tại các xã vùng sâu, vùng xa, các xã thuộc đặc biệt khó khăn để rút ngắn khoảng cách về phát triển kinh tế với các xã phát triển khá trên địa bàn huyện.

- Dành quỹ đất hợp lý để quy hoạch xây dựng các khu xử lý chất thải đáp ứng cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh trong những năm tới.

- Bảo vệ và có quy hoạch, kế hoạch, chính sách khai thác có hiệu quả diện tích đất chưa sử dụng; ngăn chặn tình trạng đất bị xâm hại, sạt lở, lấn chiếm gây hủy hoại môi trường đất. Áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật trong việc sử dụng, cải tạo, bảo vệ, làm tăng độ phì nhiêu của đất.

- Bố trí sử dụng đất trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực đáp ứng mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh nhằm sử dụng hợp lý, tiết kiệm có hiệu quả nguồn tài nguyên đất.

1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng

Định hướng sử dụng đất đai của huyện Hàm Yên đến năm 2030 và xa hơn phải đảm bảo thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện, của tỉnh, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, trên cơ sở phát huy hiệu quả tiềm năng đất đai và phù hợp với điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội của từng tiểu vùng. Định hướng sử dụng đất đai của huyện phải phù hợp với QHSD đất chung của tỉnh;

- Định hướng sử dụng đất của huyện Hàm Yên là đáp ứng mục tiêu TT Tân Yên đạt tiêu chí đô thị loại IV vào năm 2025. Trung tâm xã Phù lưu và trung tâm xã Thái Sơn đạt chuẩn đô thị loại V vào năm 2025 theo Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ Tướng chính phủ về kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030.

- Định hướng sử dụng đất đảm bảo tiêu chí huyện Hàm Yên đạt chuẩn huyện Nông thôn Mới vào năm 2025; Huyện Hàm Yên là huyện phát triển kinh tế theo hướng “Nông - Lâm - Nghiệp” đặc biệt là Vùng chuyên canh cam sành của tỉnh Tuyên Quang.

- Đảm bảo sử dụng hiệu quả, bền vững quỹ đất đai của huyện, phục vụ cho phát triển kinh tế (đất nông, lâm nghiệp, đất công nghiệp, đất cơ sở sản xuất kinh doanh ...), ổn định chính trị, an ninh quốc phòng (đất an ninh, quốc phòng) và phát triển xã hội (đất phát triển hạ tầng, đất tôn giáo tín ngưỡng ...);

- Đảm bảo đáp ứng được nhu cầu đất của các ngành để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2030, trên quan điểm sử dụng toàn bộ quỹ đất của huyện một cách khoa học, hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững;

- Đảm bảo ưu tiên bố trí đất đai cho việc giải quyết an ninh lương thực trên địa bàn huyện và phát triển nông nghiệp hàng hoá. Đồng thời phải ưu tiên đất cho khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, mở rộng đô thị, xây dựng các khu dịch vụ, dịch vụ thương mại... để phát triển kinh tế nhanh và thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn huyện;

- Đảm bảo sử dụng đất đáp ứng yêu cầu tỷ lệ che phủ thảm thực vật đảm bảo mức cân bằng sinh thái ở một huyện miền núi. Đồng thời chú ý hạn chế tối thiểu tác động xấu đến môi trường trong sử dụng đất, nhất là ở khu vực khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng;

- Đảm bảo bố trí đủ đất cho phát triển dân cư, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng các khu thương mại - dịch vụ ở các xã.

Định hướng phát triển theo các khu vực (khu sản xuất nông nghiệp, Khu lâm nghiệp, khu phát triển công nghiệp, khu đô thị, khu thương mại - dịch vụ, khu dân cư nông thôn) tập trung như sau:

1.3.1. Định hướng sử dụng đất nông nghiệp

- Chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu cây trồng, vật nuôi thích hợp với điều kiện sinh thái từng khu vực, hướng hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, có sản lượng lớn và ổn định tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, hướng vào các sản phẩm có thể mạnh như lương thực, mía đường, chè, cây ăn quả, cây nguyên liệu giấy, gỗ, chăn nuôi.

- Đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, hồ chứa nước nhằm đảm bảo nước tưới cho diện tích ruộng nước hiện có, nâng diện tích ruộng nước có điều kiện tưới từ 1 vụ lên 2 vụ và mở mang diện tích khai hoang ruộng nước mới. Phân đấu đảm bảo cho 100% diện tích ruộng nước 2 vụ đảm bảo đủ nước tưới, giảm dần diện tích đất nương rẫy sang trồng cây công nghiệp.

- Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, lựa chọn giống mới, phù hợp, cho năng suất, chất lượng tốt; đầu tư thâm canh, kết hợp nông nghiệp với lâm nghiệp và công nghiệp chế biến, từng bước hiện đại hoá các khâu quan trọng để thúc đẩy sản xuất phát triển, đáp ứng nhu cầu sản xuất, dân sinh và xuất khẩu.

- Phát triển lâm nghiệp theo hướng tăng cường công tác bảo vệ, cải tạo tu bổ rừng tự nhiên hiện có, nhất là rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; đẩy mạnh việc trồng rừng mới, từng bước khôi phục diện tích rừng nhằm tăng độ che phủ.

- Quá trình khai thác sử dụng đất phải đi đôi với bảo vệ, cải tạo đất, chống ô nhiễm, suy thoái đất, bảo vệ môi trường sinh thái.

Định hướng sử dụng một số loại đất chính như sau:

1.3.1.1. Đất trồng lúa

Trong những năm tới, trên cơ sở chỉ tiêu diện tích đất trồng lúa được phân bổ, lựa chọn những phần diện tích kém hiệu quả để chuyển sang các mục đích khác như xây dựng và phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn, khu cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ du lịch, xây dựng các công trình công cộng,... Phần diện tích còn lại cần khoanh định và giao cho các cấp chính quyền địa phương và người dân để quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt và sử dụng ổn định, lâu dài nhằm đảm bảo an ninh lương thực. Đồng thời đưa các giống lúa có năng suất, chất lượng cao và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để hình thành vùng chuyên canh, thâm canh cây lúa tập trung ở các vùng thấp trên địa bàn như các xã Phù Lưu, Minh Hương, Hùng Đức, Thái Sơn...

1.3.1.2. Đất trồng cây lâu năm

Tập trung phát triển mạnh các cây công nghiệp, cây ăn quả có thế mạnh như: chè, cam, chanh, thanh long, rau quả trái vụ, cây dược liệu, vv... gắn với xây dựng thương hiệu và công nghiệp chế biến. Nghiên cứu phát triển rau trái vụ ở các xã có khí hậu thuận lợi để đẩy nhanh xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân, tăng hệ số sử dụng đất.

Xây dựng vùng chè tập trung gắn với đầu tư các cơ sở chế biến chè, nhất là các cơ sở chế biến chè xuất khẩu tại các xã Bạch Xa, Thành Long. Xây dựng vùng cam tập trung và xây dựng thương hiệu cam Hàm Yên, nhất là cam đạt tiêu chuẩn VietGap, tập trung tại các xã Minh Dân, Yên Lâm, Phù Lưu, ..

1.3.1.3. Đất lâm nghiệp

Trong thời gian lâu dài sẽ đầu phát triển lâm nghiệp nhằm nâng cao độ che phủ của rừng. Để thực hiện mục tiêu này thì tiêu chí phát triển cho từng loại rừng, như sau:

- Rừng sản xuất: Trong thời gian tới cần tăng cường bảo vệ kết hợp thâm canh rừng tự nhiên và rừng trồng trên địa bàn huyện để cung cấp nguyên liệu cho chế biến.

Các xã có diện tích rừng sản xuất lớn được giao lâu dài cho người dân làm vườn rừng, trang trại để cung cấp gỗ củi tại chỗ và các sản phẩm khác phục vụ cho nhu cầu của địa phương. Phát triển rừng sản xuất trên cơ sở chuyển đổi diện tích rừng tự nhiên phòng hộ, rừng trồng phòng hộ, đất khoanh nuôi phục hồi rừng phòng hộ tại những khu vực ít xung yếu thành các loại rừng sản xuất.

- Rừng phòng hộ: Ưu tiên xây dựng hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn. Phát triển hệ thống rừng phòng hộ kết hợp với rừng sản xuất trên các công trình thủy lợi và thủy điện; đẩy mạnh xây dựng hệ thống rừng môi trường - phong cảnh hợp lý tại các khu đô thị, khu du lịch,...

- Rừng đặc dụng: Bảo tồn diện tích đất rừng phòng hộ, trong thời gian tới không chuyển mục đích đất rừng đặc dụng tự nhiên sang mục đích khác.

1.3.1.4. Đất nuôi trồng thủy sản

Do diện tích chuyên nuôi trồng thủy sản của Hàm Yên không nhiều nên dự báo trong tương lai diện tích loại đất này tăng chậm. Tuy nhiên, nếu khai thác tiềm năng diện tích mặt nước tại các hồ chứa của các công trình thủy lợi, thủy điện Hàm Yên để phát triển nuôi cá, đặc biệt là cá chiên, đây là một trong những thế mạnh của huyện.

1.3.1.5. Đất nông nghiệp khác còn lại

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của huyện trong thời gian tới, định hướng sẽ chuyển đổi một phần diện tích đất trồng cây hàng năm có khả năng đảm bảo đủ nước sang đất trồng lúa để nâng cao hiệu quả sản xuất.

Chuyển đổi đất trồng cây hàng năm khác sang đất phi nông nghiệp để phục vụ cho việc phát triển cơ sở vật chất hạ tầng. Đồng thời, phát triển đất nông nghiệp còn lại bằng cách khai thác các quỹ đất chưa sử dụng đưa vào sản xuất, chuyển đổi cơ cấu giữa các loại cây trồng và thâm canh tăng vụ...

Định hướng trong kỳ quy hoạch sẽ xây dựng một số trang trại, khu chăn nuôi tập trung áp dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật để phát triển được thế mạnh nông nghiệp của huyện Hàm Yên.

1.3.2. Định hướng sử dụng đất phi nông nghiệp

1.3.2.1. Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Trong giai đoạn tới, cải tạo nâng cấp hệ thống công trình trụ sở cơ quan phục vụ tại thị trấn Tân Yên và phục vụ toàn huyện. Nâng cấp trụ sở các xã và trụ sở thị trấn Phù Lưu, Thái Sơn là 2 xã hiện hữu nâng cấp lên thị trấn.

1.3.2.2. Đất quốc phòng

Nhằm đáp ứng mục tiêu đảm bảo tốt công tác quốc phòng, xây dựng thế trận khu vực phòng thủ trên toàn huyện, trong đó chú trọng các xã đảm bảo sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ vững chắc chủ quyền của Tổ quốc. Trong những năm tới đất quốc phòng cần bổ sung thêm để xây dựng các công trình phòng thủ, khu căn cứ chiến đấu, thao trường huấn luyện của Ban chỉ huy quân sự huyện, các xã, thị trấn; đồng thời xây dựng các đồn, các trạm kiểm soát trên địa bàn huyện. Bên cạnh đó, phải đảm bảo sử dụng hợp lý tài nguyên đất, trong giai đoạn quy hoạch sẽ hình thành các cụm thao trường huấn luyện, tập trung tại các xã Bình Xa, Thái Sơn, Yên Lâm, Hùng Đức và Minh Khương với hình thức sử dụng mục đích kết hợp.

1.3.2.3. Đất an ninh

Nhằm đáp ứng mục tiêu đảm bảo tốt công tác an ninh và trật tự xã hội, đặc biệt là tại các đô thị, các khu du lịch,... đồng thời kết hợp chặt chẽ giữa an ninh và trật tự xã hội với xây dựng chính quyền cơ sở của huyện vững mạnh, giảm các tệ nạn xã hội,... trong thời gian tới cần tiếp tục xây dựng trụ sở các khối, phòng, ban của công an huyện, trụ sở công an các xã, trạm công an tại các khu du lịch,... trên địa bàn huyện.

1.3.2.4. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Hoàn thành hệ thống thương mại trên địa bàn huyện, đặc biệt chú trọng tới phát triển các trung tâm thương mại, khu đón tiếp khách du lịch, phát triển các chợ đầu mối để thu mua nông sản của nông dân, nâng cao mức sống của người dân trong và khu vực ngoại thị. Do đó, trong thời gian tới cần bố trí quỹ đất để xây dựng nhà máy chế biến nông lâm sản, các hợp tác xã, trung tâm thương mại, dịch vụ, xây dựng một số siêu thị có quy mô lớn trên địa bàn huyện.

1.3.2.5. Đất khu công nghiệp

Trong những năm tới, thành lập mới Khu công nghiệp Thái Sơn - Thành Long. Định hướng thu hút đầu tư các lĩnh vực: chế biến nông sản - thực phẩm, phân bón, chế phẩm phục vụ nông nghiệp; chế biến gỗ, sản xuất đồ gỗ; sản xuất vật liệu xây dựng và các dự án công nghiệp thuộc các lĩnh vực khác. Tăng cường quảng bá, xúc tiến đầu tư để thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế nhanh chóng lấp đầy các khu công nghiệp.

1.3.2.6. Đất cụm công nghiệp

Trong những năm tới, phương hướng phát triển chung của ngành công nghiệp huyện Hàm Yên là: Khuyến khích mọi thành phần kinh tế và phát huy tiềm năng lao

động để đầu tư phát triển cụm công nghiệp; tập trung đầu tư công nghệ, thiết bị hiện đại, đầu tư theo chiều sâu cho việc khai thác nguyên liệu - vật liệu cùng với việc đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp nhằm sản xuất các mặt hàng chủ lực như chế biến chè, chế biến gỗ, sản xuất giày da, khai thác khoáng sản, khai thác đá...; phát triển các ngành sản xuất mới gắn chặt với vùng nguyên liệu.

Tăng cường quảng bá, xúc tiến đầu tư để thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế nhanh chóng lấp đầy các cụm công nghiệp.

1.3.2.7. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm

Với mục tiêu tận dụng tối đa nguồn nguyên liệu sẵn có của huyện để phát triển kinh tế, trong thời gian tới, việc khai thác nguồn nguyên liệu cho phát triển sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện ngày càng tăng, chủ yếu là khai thác đá xây dựng, cát, sỏi và các mỏ đá tập trung tại khu vực các xã Thành Long, xã Đức Ninh; xây dựng khu sản xuất gạch ép không nung tại xã Thái Sơn,..

1.3.2.8. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản

Là một huyện có nhiều tiềm năng về khoáng sản, do đó giai đoạn tới chủ yếu phát triển khu khai thác các mỏ quặng sắt, mỏ Kaolanh, tập trung tại các xã Tân Thành, Thái Sơn, Phù Lưu, Hùng Đức và Thành Long.

1.3.2.9. Đất thương mại, dịch vụ

Xây dựng trung tâm thương mại, chợ đầu mối tại thị trấn Tân Yên, đây là điểm giao thương hoạt động thương mại của huyện; bên cạnh đó xây dựng trung tâm thương mại tại đô thị Phù Lưu, Thái Sơn, nâng cấp cải tạo các chợ xã. Đảm bảo phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực của các thành phần kinh tế tham gia cùng các hoạt động phát triển sản xuất, kinh doanh. Hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng và cơ sở kỹ thuật phục vụ thương mại trên địa bàn huyện, theo hướng kết hợp giữa phát triển thương mại tại khu vực đô thị với phát triển thị trường nông thôn, phát triển các chợ đầu mối để thu mua sản phẩm của người nông dân, tạo thuận lợi cho phát triển trung tâm thương mại tại các đô thị. Hình thành các cụm thương mại - dịch vụ tại khu vực có vị trí trao đổi, giao thương thuận lợi, có thể kết nối với các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung hoặc gắn với các cụm công nghiệp.

1.3.2.10. Đất có di tích lịch sử - văn hóa

Giữ gìn, phát triển và trùng tu, bảo vệ các khu di tích danh thắng. Trong thời gian tới cần đầu tư xây dựng và mở rộng các khu di tích kết hợp với tham quan du lịch sinh thái.

1.3.2.11. Đất bãi thải, xử lý chất thải

Quá trình phát triển tất yếu sẽ kéo theo các vấn đề môi trường như chất thải phát sinh (rác thải, nước thải, khí thải) gây ô nhiễm, suy thoái. Để hạn chế nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, cần thiết phải bố trí xây dựng các khu, trạm xử lý chất thải, nước thải tại nguồn phát sinh (chủ yếu là các khu sản xuất công nghiệp, khai thác khoáng sản), bãi chôn lấp rác thải ở tất cả các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Cụ thể như sau:

- Thoát nước thải đô thị:

Đối với đô thị Tân Yên, đô thị Phù Lưu, đô thị Thái Sơn, xây dựng hệ thống thoát nước riêng, có các trạm xử lý nước thải riêng biệt.

+ Thị trấn Tân Yên: Xây dựng 1 trạm XLNT,

+ Đô thị Phù Lưu: Xây dựng 1 trạm XLNT,

+ Đô thị Thái Sơn: Xây dựng 1 trạm XLNT.

- Thoát nước thải nông thôn:

Trung tâm các xã, cụm dân cư tập trung xây dựng hệ thống thoát nước chung của nước mưa và nước thải. Tận dụng các ao, hồ sẵn có trong khu vực làng xã để làm sạch tự nhiên.

- Nước thải công nghiệp:

Nước thải công nghiệp tập trung thu gom bằng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn, nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thoát ra môi trường.

- Quản lý chất thải rắn (CTR):

+ Đối với CTR sinh hoạt: Khu xử lý CTR Minh Dân quy mô 5,0 ha, phục vụ thị trấn Tân Yên và các xã lân cận phía bắc huyện. Khu xử lý CTR Thái Sơn, quy mô 10,0 ha, phục vụ cụm các xã phía nam huyện Hàm Yên.

1.3.2.12. Đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng

Tôn giáo, tín ngưỡng là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, là sự tôn trọng thực tế khách quan và trách nhiệm đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, hoạt động theo khuôn khổ pháp luật. Trong giai đoạn đến năm 2030, không quy hoạch mở rộng đất tôn giáo (trừ những di tích đã được xếp hạng).

1.3.2.13. Đất nghĩa trang, nghĩa địa

Định hướng sử dụng đất nghĩa trang, nghĩa địa phải đảm bảo tiêu chí huyện Hàm Yên đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2025. Bố trí nghĩa trang, nghĩa địa cách

xa khu dân cư, không ảnh hưởng đến vệ sinh nguồn nước, phù hợp với phong tục tập quán của người dân, phù hợp với cảnh quan và bảo vệ môi trường. Thị trấn Tân Yên, đô thị Phù Lưu, đô thị Thái Sơn quy hoạch các nghĩa trang tập trung, đóng cửa các nghĩa trang nhỏ lẻ. Các xã nông thôn tiếp tục an táng tại các nghĩa địa ở các thôn, từng bước đóng cửa các nghĩa địa nhỏ lẻ và tiến tới mỗi xã có 2 đến 3 nghĩa trang tập trung (trừ các xã có địa hình phức tạp).

1.3.2.14. Đất sông suối, mặt nước chuyên dùng

Hướng sử dụng đất mặt nước chuyên dùng là sẽ kết hợp mục đích làm hồ chứa thủy lợi và thủy điện với nuôi trồng thủy sản ở những địa bàn thuận lợi nhưng phải quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó phải nâng cấp, tu sửa các hệ thống kênh, mương thủy lợi để đảm bảo nguồn nước sinh hoạt và tưới tiêu trên địa bàn toàn huyện.

1.3.2.15. Đất phát triển hạ tầng

+ *Đất giao thông:*

* Quy hoạch hệ thống đường bộ:

- *Giao thông đối ngoại:*

Quốc lộ: Bao gồm các tuyến Quốc lộ 2, Quốc lộ 37B (dự kiến quy hoạch), Quốc lộ 3B, nâng cấp và cải tạo đường tỉnh lộ 189. Đặc biệt là xây dựng tuyến đường Cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang.

- *Giao thông đối nội:*

Đường huyện: Bao gồm 33 tuyến, với tổng chiều dài 272,79 km. Quy hoạch các tuyến đường huyện đạt chuẩn cấp V miền núi. Đoạn qua đô thị, thị trấn tuân thủ theo quy hoạch đô thị, quy hoạch thị trấn.

Đường xã, đường trục chính nội đồng: Quy hoạch các tuyến đường xã, trục chính nội đồng đạt chuẩn giao thông nông thôn loại A. Đến năm 2030, 100% cứng hóa đường giao thông nông thôn.

* *Bến xe khách:* Tuân thủ theo Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 21/5/2010 của UBND tỉnh về phê duyệt quy hoạch xây dựng bến xe, điểm đỗ và trạm nghỉ ô tô khách trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020. Quy hoạch 03 bến xe, bao gồm:

- *Bến xe thị trấn Tân Yên:* Vị trí phía Nam thị trấn thuộc tổ nhân dân Tân Bình, hướng Tuyên Quang - Hà Giang, bến xe đạt tiêu chuẩn bến xe loại IV, diện tích 4 ha. Chuyển đổi bến xe cũ hiện nay thành khu dân cư thương mại dịch vụ.

- Bến xe xã Minh Hương: Bến xe loại VI, diện tích tối thiểu 500m².

- Bến xe xã Yên Thuận: Bến xe loại VI, diện tích tối thiểu 500m².

* Quy hoạch xây dựng cầu Bạch Xa (Km71) phục vụ giao lưu hàng hóa cho các xã Minh Khương, Bạch Xa, Yên Thuận và kết nối tiểu vùng sang xã Yên Lâm.

* Quy hoạch giao thông đường thủy: Với dòng sông Lô chảy xuyên suốt huyện Hàm Yên đã tạo nên tuyến đường thủy có chiều dài khoảng 62 km. Rất thích hợp để quy hoạch một số điểm bến đò qua sông cho người dân. Tuy nhiên do đặc điểm địa hình miền núi nên sông có nhiều đoạn cong, có đá ngầm vì vậy cần phải đảm bảo an toàn cho các phương tiện tàu, thuyền khi đi lại trên sông.

+ Đất thủy lợi

Để đảm bảo phát triển nông nghiệp, bên cạnh việc đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống kênh mương hiện có, cần xây dựng các đập tạo điều kiện phát triển các vùng chuyên canh lúa, rau màu, các vùng chuyển đổi tập trung, thâm canh đa dạng hoá cây trồng, sử dụng giống mới có giá trị cao, củng cố kè chống lũ hàng năm đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ, xây dựng bể nước sạch phục vụ nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của nhân dân.

+ Đất năng lượng

Do lợi thế về đặc điểm tự nhiên, địa hình, bố trí nguồn nước, Hàm Yên có nhiều tiềm năng để phát triển ngành công nghiệp năng lượng. Dự kiến trong những năm tới, huyện sẽ tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình năng lượng như sau:

- Toàn huyện sử dụng điện từ nguồn lưới điện quốc gia thông qua hệ thống lưới truyền tải 110 KV trực tiếp từ trạm 110 KV Hàm Yên.

- Huyện Hàm Yên vẫn tiếp tục khai thác Nhà máy Thủy điện:

+ Thủy điện Sông Lô 7 thuộc Xã Yên Phú, Minh Dân, huyện Hàm Yên với công suất 36.0 MW.

+ Thủy điện Sông Lô 8A thuộc Xã Tân Thành, huyện Hàm Yên (công suất 27.0 MW).

+ Thủy điện Sông Lô 6 tại xã Yên Thuận, thủy điện Sông Lô 8B tại xã Thái Hòa, Đức Ninh.

+ Nhà máy điện sinh khối Mía đường Tuyên Quang (công suất 25 MW) hòa lưới 110 KV quốc gia.

+ *Đất công trình bưu chính, viễn thông*

- Xu hướng phát triển Viễn thông của huyện phải đồng bộ với các hệ thống hạ tầng khác. Hệ thống công nghệ, hạ tầng, mật độ thuê bao... phù hợp với sự phát triển chung của tỉnh Tuyên Quang nói chung và riêng huyện Hàm Yên nói riêng.

Về công nghệ: Công nghệ viễn thông đang phát triển theo tiến bộ mới, cho phép nhà cung cấp dịch vụ nâng cao chất lượng dịch vụ. Mạng điện thoại dịch vụ công cộng và mạng số liệu sẽ phát triển hội tụ về mạng thế hệ sau. Chuyên mạch sẽ được sử dụng rộng rãi đến tận thuê bao.

+ *Đất cơ sở văn hoá*

Xây dựng, củng cố và phát triển hệ thống các cơ sở, công trình văn hoá, thông tin ở cấp xã đến năm 2025 theo đúng tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Dự kiến trong những năm tới mở rộng, xây dựng các công trình văn hoá như: Hệ thống nhà văn hoá xã, nhà văn hóa thôn, bản, nhà sinh hoạt cộng đồng, khu vui chơi giải trí, khu công viên cây xanh, rạp chiếu bóng, trung tâm văn hóa thể thao huyện...

+ *Đất cơ sở y tế*

Nâng cấp, cải tạo Trung tâm y tế huyện, bên cạnh đó cũng cần phải cải tạo, nâng cấp trạm y tế thị trấn, xã. Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế của huyện theo hướng hiện đại hoá, nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế; bảo đảm tính công bằng và hiệu quả trong cung cấp và sử dụng các dịch vụ y tế. Tập trung nâng cấp, xây dựng, đầu tư trang thiết bị cho hệ thống y tế dự phòng.

+ *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*

Phát triển toàn diện Giáo dục và Đào tạo, coi giáo dục là một trong những nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu và phải đi trước một bước, nhằm nâng cao dân trí cho toàn dân, đào tạo lao động có trình độ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Trong giai đoạn tới, quan điểm và định hướng quy hoạch tới năm 2030 đối với đất quy hoạch Giáo dục và Đào tạo tại huyện Hàm Yên, đảm bảo đa dạng hoá các hình thức giáo dục đào tạo, hình thành một mạng lưới giáo dục đào tạo hợp lý; Quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị cho hệ thống trường học các cấp, đáp ứng nhu cầu dạy và học; Đạt chuẩn về diện tích đất theo quy định của trường chuẩn quốc gia; Đủ diện tích đất để xây dựng bổ sung phòng nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em (phòng học) nhằm tiếp tục thực hiện việc dồn ghép các điểm trường mầm non có điều kiện thuận lợi về giao thông và khoảng cách đi lại; Củng cố hoàn thiện mạng lưới trường học hiện có, đáp ứng việc sáp nhập những trường tiểu học, THCS có quy mô chưa đảm bảo quy định tối thiểu về số lớp, quy mô trường mới sau sáp nhập

không quá 45 lớp; Tại trường chính của trường tiểu học có đủ diện tích đất để xây dựng phòng học, phòng học bộ môn, và các phòng chức năng khác khi thực hiện việc đưa toàn bộ học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 từ điểm trường lẻ về điểm trường chính; Đầu tư xây dựng thêm trường mới, đặc biệt là mở rộng điểm trường PTDTNT THCS-THPT của huyện, nhà bán nội trú, nhà ở công vụ,... tạo điều kiện cho việc dạy và học của giáo viên, học sinh. Trong giai đoạn tới, tiếp tục xây dựng 22 trường đạt chuẩn quốc gia, nâng số trường chuẩn quốc gia đến năm 2025 lên 54/66 đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỉ lệ 81,8%, bên cạnh đó duy trì và nâng cao chất lượng của 32 trường đã đạt chuẩn.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao

Xây dựng các công trình thể dục thể thao cấp huyện tại khu trung tâm hành chính huyện Hàm Yên như nhà thi đấu, bể bơi, sân vận động... để phục vụ nhu cầu ngày càng cao của người dân. Xây dựng sân bóng đá kết hợp với các môn thể thao khác cho 100% các xã, thị trấn. Xây dựng thiết chế Trung tâm văn hóa - thể thao xã, thị trấn đạt chuẩn nông thôn mới.

+ Đất chợ

Chợ là đầu mối lưu thông, tiêu thụ hàng hóa và sản phẩm sản xuất của nhân dân trên địa bàn huyện, tuy nhiên, số lượng cũng như tình trạng hoạt động của các chợ hiện chưa có đủ đáp ứng được nhu cầu sản xuất và tiêu dùng. Trong thời gian tới, khi nền kinh tế phát triển, sản xuất tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa dẫn đến nhu cầu giao lưu trao đổi hàng hóa ngày càng tăng, kéo theo sự phát triển của các hoạt động dịch vụ. Do đó, việc quy hoạch xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng hệ thống chợ trên địa bàn các xã, thị trấn là rất cần thiết.

1.3.2.16. Đất phi nông nghiệp còn lại

Trong giai đoạn tới, huyện có chủ trương mở rộng các khu dân cư mới, kết hợp hài hòa với việc phát triển các cụm, điểm tiểu thủ công nghiệp, các hoạt động kinh doanh, dịch vụ... nhằm đảm bảo nhu cầu phát triển dân số và nâng cao đời sống cho người dân.

1.3.2.17. Đất ở tại đô thị

Mục tiêu đến năm 2025 trên địa bàn huyện sẽ hình thành 03 đô thị bao gồm: Thị trấn Tân Yên đạt chuẩn đô thị loại IV và 02 đô thị loại V là trung tâm xã Thái Sơn và trung tâm xã Phù Lưu. Dựa vào mục tiêu phát triển đô thị của huyện Hàm Yên, dự báo quy mô dân số đến năm 2025 của thị trấn Hàm Yên khoảng 12.009 người, xã Phù Lưu khoảng 10.682 người, xã Thái Sơn khoảng 7.769 người. Bình

quân diện tích đất ở trên đầu người đến năm 2025 đối với thị trấn Hàm Yên là 105,23 m² /người, xã Phù Lưu là 100,55 m² /người, xã Thái Sơn là 129,46 m² /người. Do đó, để đáp ứng nhu cầu phát triển trong giai đoạn tới, cần phải bổ sung nguồn đất ở để phù hợp sự phát triển của con người. Tuy nhiên, về quy mô dân số vẫn chưa đảm bảo theo tiêu chí phân loại đô thị được quy định tại Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1.3.2.18. Đất khu vui chơi, giải trí

Cùng với sự phát triển của toàn huyện và đặc biệt là hoàn thành mục tiêu huyện đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2025, ngoài nâng cấp, xây dựng cơ sở hạ tầng phải đi kèm với quy hoạch khuôn viên cảnh quan cây xanh, khu vui chơi để đáp ứng đầy đủ các hạng mục. Dự kiến trong kì quy hoạch sẽ trích một phần đất nông nghiệp để phục vụ vào loại đất này.

1.3.3. Định hướng đất chưa sử dụng

Khai thác hiệu quả quỹ đất chưa sử dụng, tận dụng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sản xuất nông nghiệp, trồng rừng và phát triển hạ tầng... Đến năm 2030, diện tích đất chưa sử dụng chưa được khai thác, chủ yếu là núi đá không có rừng cây và các núi đá vôi, trong giai đoạn tới dự kiến sẽ chuyển sang phục vụ cho nhu cầu sử dụng và khai thác nguồn tài nguyên.

1.3.4. Định hướng phát triển theo lãnh thổ

1.3.4.1. Định hướng phát triển đô thị và đất khu dân cư nông thôn

a) Định hướng phát triển đô thị

Thị trấn Tân Yên: Trung tâm hành chính chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục đào tạo, chuyển giao khoa học công nghệ, thương mại dịch vụ của huyện Hàm Yên. Đến năm 2025, thị trấn Tân Yên dự kiến trở thành đô thị loại IV. Hướng phát triển đô thị mở rộng và khai thác quỹ đất về phía tây xuôi ngòi Mực, phía Nam đến khu tổ dân phố Ba Trăng và phía đông tổ dân phố Đồng Bằng của thị trấn, phía Đông Bắc sang thôn 1, 2, 3 Tân Yên xã Tân Thành, đáp ứng yêu cầu phát triển lâu dài và gia tăng dân số (dự báo quy mô dân số đến năm 2030 khoảng 12.687 người, đến năm 2050 khoảng 15.406 người).

Đô thị Phù Lưu: Là đô thị thương mại dịch vụ, du lịch nông lâm nghiệp phía bắc của huyện. Đô thị Phù Lưu là đô thị mới phát triển, đô thị loại V, hình thành trên cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật của xã Phù Lưu hiện nay. Giai đoạn đến năm 2030, xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ đô thị theo tiêu chuẩn đô thị loại V. Giai đoạn đến năm 2050, tiếp tục nâng cấp, mở rộng và hoàn

thiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ đô thị. Xây dựng các khu chức năng của đô thị phát triển gắn với với trục không gian chính của đô thị. Bố trí các không gian cây xanh cảnh quan gắn với các khu chức năng của đô thị, xây dựng và bảo vệ vùng sinh thái rừng. (Dự báo quy mô dân số đến năm 2030 khoảng 11.286 người đến năm 2050 khoảng 13.705 người).

Đô thị Thái Sơn: Là đô thị thương mại dịch vụ tổng hợp, dịch vụ công nghiệp phía nam của huyện. Đô thị Thái Sơn là đô thị mới phát triển, đô thị loại V, hình thành trên cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật của xã Thái Sơn hiện nay. Giai đoạn đến năm 2030, xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ đô thị theo tiêu chuẩn đô thị loại V. Giai đoạn đến năm 2050, tiếp tục nâng cấp, mở rộng và hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ đô thị. (Dự báo quy mô dân số đến năm 2030 khoảng 8.208 người, đến năm 2050 khoảng 9.967 người).

b) Định hướng đất khu dân cư nông thôn

Đối với các vùng nông thôn, động lực chủ yếu để phát triển các khu dân cư nông thôn là phát triển tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp, xây dựng các trung tâm xã - các điểm dân cư nông thôn để khai thác các tiềm năng sẵn có, tạo động lực mới làm điểm tựa phát triển kinh tế, giáo dục, y tế, văn hóa và các lĩnh vực xã hội cho khu vực nông thôn.

Hướng phát triển dân cư nông thôn theo chương trình phát triển nông thôn mới với mục tiêu chung là xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội từng bước hiện đại với các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch, xã hội ổn định, môi trường sinh thái được bảo vệ an ninh trật tự được giữ vững; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần.

1.3.4.2. Định hướng phát triển tiểu vùng

*Tiểu vùng 1: Tiểu vùng nông lâm nghiệp (phía bắc).

Gồm các xã: Xã Phù Lưu, xã Yên Thuận, xã Bạch Xa, xã Minh Khương, xã Minh Dân, xã Yên Lâm. Quy mô diện tích của vùng khoảng 37.870 ha chiếm 41,7% tổng diện tích tự nhiên của toàn huyện. Quy mô dân số tiểu vùng đến năm 2030 khoảng 35.540 người và đến năm 2050 là 45.060 người.

Định hướng phát triển: Phát triển nông nghiệp, năng suất cao, dịch vụ thương mại nông lâm nghiệp, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, du lịch trải nghiệm nông nghiệp;

Trung tâm tiểu vùng là đô thị Phù Lưu (dự kiến hình thành mới). Định hướng phát triển trung tâm xã Phù Lưu lên đô thị loại V, được quy hoạch xây dựng đầy đủ các công trình chức năng của đô thị.

*Tiểu vùng 2: Tiểu vùng kinh tế động lực (trung tâm).

Gồm các xã, thị trấn: TT.Tân Yên, xã Yên Phú, xã Tân Thành, xã Minh Hương, xã Nhân Mục, xã Bằng Cốc. Quy mô diện tích của vùng khoảng 28.410 ha chiếm 31,5% tổng diện tích tự nhiên của toàn huyện. Quy mô dân số tiểu vùng đến năm 2030 khoảng 55,470 người và đến năm 2050 khoảng 73.030 người.

Định hướng phát triển: Trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục đào tạo, chuyển giao công nghệ, thương mại dịch vụ, công nghiệp.

Thị trấn Tân Yên là trung tâm tiểu vùng và trung tâm huyện. Định hướng phát triển lên đô thị loại IV.

*Tiểu vùng 3: Tiểu vùng dịch vụ tổng hợp, công nghiệp (phía nam).

Gồm các xã: Xã Thái Sơn, xã Bình Xa, xã Thành Long, xã Thái Hòa, xã Đức Ninh, xã Hùng Đức. Quy mô diện tích của vùng khoảng 24.250 ha chiếm 26,9% tổng diện tích tự nhiên của toàn huyện. Quy mô dân số tiểu vùng đến năm 2030 khoảng 49.270 người và đến năm 2050 khoảng 62.110 người.

Định hướng phát triển: Phát triển dịch vụ thương mại tổng hợp, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp. Trung tâm tiểu vùng là đô thị Thái Sơn (dự kiến hình thành). Định hướng phát triển trung tâm xã Thái Sơn lên đô thị loại V, được quy hoạch xây dựng đầy đủ các công trình chức năng của đô thị.

II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội

2.1.1 Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

- Thu nhập bình quân đầu người trên 55 triệu đồng/người/năm.
- Giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản (giá trị so sánh năm 2010) trên 3.100 tỷ đồng.
- Giá trị sản xuất công nghiệp (giá trị so sánh năm 2010) trên 1.830 tỷ đồng.
- 17/17 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.
- Tỷ lệ đô thị hóa 16%.
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn trên 155 tỷ đồng.

- Khách du lịch trên 115.000 lượt người.

- Về môi trường: Tỷ lệ che phủ rừng trên 57%; có 99% hộ dân thành thị được sử dụng nước sạch, 98% số hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% chất thải nguy hại, chất thải y tế, 88% chất thải rắn thông thường được xử lý.

- Duy trì 100% xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học từ mức độ 2 trở lên, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, có 80% số trường học đạt chuẩn Quốc gia.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 72%, trong đó qua đào tạo nghề 50%.

- 92% hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa; 87% thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hoá; 92% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

- 100% xã, thị trấn đạt tiêu chí Quốc gia y tế xã.

- Trong 5 năm giải quyết việc làm cho 15.500 lao động.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm 3%.

2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế

2.1.2.1. Khu vực kinh tế nông, lâm nghiệp, thủy sản

Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung và nâng cao hiệu quả kinh tế. Tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành phù hợp yêu cầu phát triển đô thị theo hướng nông nghiệp sạch, bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái gắn với phát triển du lịch; gắn sản xuất chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Phân đầu giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản thời kỳ 2021 - 2025 tăng 6,32%.

Phát triển mạnh kinh tế tổng hợp theo hướng trang trại, kết hợp trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao như: Cam, bưởi, chanh, thanh long, chè (chè Bạch Xa, chè xanh Làng Bát), rau sạch. Thực hiện có hiệu quả đề án thực phẩm an toàn và hình thành hợp tác xã rau xanh, rau sạch và hợp tác xã rau quả an toàn ở Đức Ninh và Thành Long. Phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả chăn nuôi gia súc, gia cầm, đảm bảo an toàn dịch bệnh. Khuyến khích đầu tư phát triển chăn nuôi theo phương pháp công nghiệp, bán công nghiệp, nuôi tập trung theo mô hình trang trại, hợp tác xã có quy mô hợp lý, điển hình như: Minh Dân (chăn nuôi gà thả vườn), Minh Hương (vịt bầu), Thái Hòa (cá chiên đặc sản), Thái Sơn (thịt trâu, thịt bò sạch).

2.1.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Đẩy nhanh tốc độ phát triển công nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; gắn phát triển công nghiệp với bảo vệ môi trường, cảnh quan đô thị. Tập trung đầu tư đổi mới thiết bị, chuyển giao khoa học - công nghệ; ưu tiên phát triển các ngành công nghệ cao, tiên tiến, công nghệ sạch, các ngành và sản phẩm có lợi thế như chế biến nông lâm thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, điện tử, hóa chất. Phân đầu tốc độ phát triển ngành công nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 đạt 8,27%.

Chú trọng đổi mới công nghệ, đầu tư nâng cấp mở rộng các nhà máy hiện có, thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp chế biến như chế biến lâm sản, may mặc (Thái Sơn), chế biến thực phẩm, công nghiệp chế biến phục vụ xuất khẩu, công nghiệp đồ nội thất, chế biến lương thực,... phù hợp với lợi thế của địa bàn, kết hợp phát triển hài hòa với ngành dịch vụ, đặc biệt là du lịch sinh thái.

Khuyến khích và tạo điều kiện phát triển các cơ sở công nghiệp nhỏ và vừa, khôi phục và phát triển các nghề thủ công truyền thống ở các địa phương, chú trọng sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, mộc cao cấp. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; gắn phát triển TTCN với xây dựng nông thôn mới.

Tăng cường thu hút mọi điều kiện để đầu tư vào các cụm công nghiệp; từng bước quy hoạch, xây dựng, nâng cao cơ sở hạ tầng. Trong thời gian tới khi điều chỉnh địa giới hành chính để mở rộng TT Tân Yên, cụm CN Tân Thành sẽ nằm trong TT Tân Yên, do vậy khả năng giải phóng mặt bằng tại cụm CN Tân Thành sẽ gặp nhiều khó khăn do giá đất đền bù cao. Vì vậy huyện đã định hướng quy hoạch mở mới một cụm công nghiệp về phía Nam huyện, thuộc địa bàn xã Đức Ninh. Trong tương lai sẽ thay thế cụm CN Tân Thành để phát triển công nghiệp của huyện Hàm Yên.

2.1.2.3. Khu vực kinh tế thương mại, dịch vụ, du lịch

Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển và mở rộng mạng lưới thương mại, dịch vụ, xây dựng các siêu thị, trung tâm thương mại, nâng cấp các chợ. Đến năm 2030, hoàn thiện và nâng cấp số chợ đạt tiêu chuẩn loại 1; loại 2 trên toàn huyện.

Tạo bước chuyển biến mạnh cho khu vực dịch vụ, ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ có tiềm năng lớn và sức cạnh tranh cao. Khai thác có hiệu quả lợi thế về điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hoá, lịch sử để đưa du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn của huyện, xây dựng Hàm Yên trở thành trung tâm du lịch sinh thái chất lượng cao của vùng vào năm 2030 kết hợp với các tuyến du lịch khác trên địa bàn tỉnh.

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành dịch vụ giai đoạn 2021-2025 đạt bình quân 1,52%, giai đoạn 2026 - 2030 đạt bình quân 1,5%.

Phát triển du lịch sinh thái như khu du lịch Nam Phong, hồ Khôn là điểm nhấn của huyện, bên cạnh đó kết hợp với các tuyến du lịch tham quan di tích lịch sử, điểm dừng chân của du khách tại Động Tiên, Thác Lăn, khu du lịch thôn Cao Đường, rừng đặc dụng Cham Chu,... Không chỉ có du lịch sinh thái, Hàm Yên còn có khả năng phát triển du lịch tâm linh với nhiều đình và đền nổi tiếng trong và ngoài khu vực, có thể kể đến như đền Thác Cái (Yên Phú), đền Bắc Mực, đình Thác Cắm (TT Tân Yên).

Phát triển mạng lưới bưu chính viễn thông ngày một hiện đại đồng bộ nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Phát triển các hoạt động tài chính, tín dụng gắn với chuyển dịch cơ cấu trên địa bàn.

2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng

2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ phương án phân bổ sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất cấp huyện và cấp xã.

Theo báo cáo kết quả điều tra và kế hoạch thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021 - 2025 của tỉnh Tuyên Quang thì diện tích cấp trên phân bổ cho huyện Hàm Yên cụ thể như sau:

Bảng 06: Chỉ tiêu phân bổ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hàm Yên

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	TỔNG DIỆN TÍCH		90.055	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	83.770	93,02
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.719	4,13
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	3.087	3,43
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK		
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	16.844	18,70
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	8.788	9,76
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	5.560	6,17
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	45.030	50,00

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu cấp tính phân bổ	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	6.265	6,96
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS		
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH		
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.894	6,54
2.1	Đất quốc phòng	CQP	145	0,16
2.2	Đất an ninh	CAN	6	0,01
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	127	0,14
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	66	0,07
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	68	0,08
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	332	0,37
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX		
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.987	2,21
2.9.1	Đất giao thông	DGT	1.260	1,40
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	326	0,36
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	32	0,04
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	8	0,01
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	89	0,10
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	31	0,03
2.9.7	Đất công trình năng lượng	DNL	222	0,25
2.9.8	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1	0,00
2.9.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		
2.9.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	13	0,01
2.9.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	18	0,02
2.9.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	7	0,01
2.9.13	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	157	0,17
2.9.14	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH		

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	1	0,00
2.9.16	Đất chợ	DCH	18	0,02
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.202	1,33
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	93	0,10
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	25	0,03
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0	0,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN		
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON		
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC		
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		
3	Đất chưa sử dụng	CSD	391	0,43
II	KHU CHỨC NĂNG			

2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Trên cơ sở phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, thực trạng phát triển kinh tế, xã hội; hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất, tiềm năng đất đai; phương hướng và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đến năm 2030 của huyện; quy hoạch của các ngành, lĩnh vực; nhu cầu sử dụng đất của các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn. Sau khi cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất do cấp tỉnh phân bổ và do cấp tỉnh xác định, xác định bổ sung; phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện như sau:

- Đất nông nghiệp 83.770,00 ha, chiếm 93,02 % tổng diện tích tự nhiên;
- Đất phi nông nghiệp 5.894,00 ha, chiếm 6,54 % tổng diện tích tự nhiên;
- Đất chưa sử dụng 391 ha, chiếm 0,43 % tổng diện tích tự nhiên.

Bảng 7: Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 – 2030

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2021		Quy hoạch đến năm 2030				
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích cấp tỉnh phân bổ (ha)	Cấp huyện xác định, xác định bổ sung (ha)	Tổng số		
						Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6) + (7)	(9)	10)=(8) - (4)
I	TỔNG DIỆN TÍCH	90.054,59		90.055		90.054,59		
1	Đất nông nghiệp	84.873,19	94,25	83.770		83.770,00	93,02	-1.103,19
1.1	Đất trồng lúa	3.835,25	4,26	3.719		3.718,80	4,13	-116,45
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	3.144,07	3,49	3.087		3.087,45	3,43	-56,62
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	3.223,80	3,58		2.990	2.990,14	3,32	-233,65
1.3	Đất trồng cây lâu năm	14.751,41	16,38	16.844		16.844,00	18,70	2.092,60
1.4	Đất rừng phòng hộ	8.794,18	9,77	8.788		8.788,26	9,76	-5,92
1.5	Đất rừng đặc dụng	5.559,73	6,17	5.560		5.559,66	6,17	-0,07
1.6	Đất rừng sản xuất	47.937,29	53,23	45.029,79		45.029,79	50,00	-2.907,50
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	6.265,04	6,96	6.265		6.265,04	6,96	772,00
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	752,19	0,84		728	728,49	0,81	-23,70
1.8	Đất nông nghiệp khác	19,36	0,02		111	110,86	0,12	91,50
2	Đất phi nông nghiệp	4.739,31	5,26	5.894		5.894,00	6,54	1.154,69
2.1	Đất quốc phòng	5,98	0,01	145		144,88	0,16	138,90
2.2	Đất an ninh	2,00	0,00	6		6,21	0,01	4,21
2.3	Đất khu công nghiệp							
2.4	Đất cụm công nghiệp	14,85	0,02	127		126,91	0,14	112,06
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	16,24	0,02	66		65,75	0,07	49,51
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	37,20	0,04	68		68,35	0,08	31,15
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	248,37	0,28	332		331,78	0,37	83,41
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	31,60	0,04		184	183,62	0,20	152,02
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	1.702,88	1,89	1.987	196	2.182,55	2,42	479,68
2.9.1	Đất giao thông	986,45	1,10	1.260		1.260,00	1,40	273,55
2.9.2	Đất thủy lợi	293,68	0,33	326		326,41	0,36	32,73
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	28,76	0,03	32		31,53	0,04	2,77
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	7,46	0,01	8		8,48	0,01	1,02
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	70,87	0,08	89		88,72	0,10	17,85
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	26,96	0,03	31		30,52	0,03	3,56
2.9.7	Đất công trình năng lượng	122,07	0,14	222		221,50	0,25	99,43
2.9.8	Đất công trình bưu chính, viễn thông	0,59	0,00	1		0,65	0,00	0,06
2.9.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia							

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2021		Quy hoạch đến năm 2030				
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích cấp tỉnh phân bổ (ha)	Cấp huyện xác định, xác định bổ sung (ha)	Tổng số		
						Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6) + (7)	(9)	(10)=(8) - (4)
2.9.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	3,92	0,00	13		13,02	0,01	9,10
2.9.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	2,26	0,00	18		18,07	0,02	15,81
2.9.12	Đất cơ sở tôn giáo	1,93	0,00	7		7,28	0,01	5,35
2.9.13	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	146,51	0,16	157		157,00	0,17	10,49
2.9.14	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ							
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội			1		1,00	0,00	1,00
2.9.16	Đất chợ	11,43	0,01	18		18,39	0,02	6,96
2.10	Đất danh lam thắng cảnh							
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng							
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	0,38	0,00		4	3,58	0,00	3,20
2.13	Đất ở tại nông thôn	1.057,88	1,17	1.202		1.202,05	1,33	144,18
2.14	Đất ở tại đô thị	53,78	0,06	93		93,10	0,10	39,32
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	18,98	0,02	25		25,12	0,03	6,14
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	0,26	0,00	0		0,25	0,00	-0,01
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao							
2.18	Đất tín ngưỡng	1,65	0,00		2	1,65	0,00	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.547,26	1,72		1.458	1.458,19	1,62	-89,07
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng							
2.21	Đất phi nông nghiệp khác							
3	Đất chưa sử dụng	442,09	0,49	391	0	391	0,43	-51,49

2.2.2.1. Đất nông nghiệp

Trên cơ sở tổng hợp và cân đối chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp do cấp tỉnh phân bổ và huyện xác định bổ sung đến năm 2030 là 83.770,00 ha, giảm 1.103,19 ha so với năm 2021 và tăng 365,50 ha so với diện tích đã được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 253/QĐ-UBND ngày 20/05/2021 (sau đây gọi tắt là QĐ 253).

* Đất trồng lúa:

Trên cơ sở tổng hợp và cân đối chỉ tiêu sử dụng đất trồng lúa cấp tỉnh phân bổ và huyện xác định bổ sung đến năm 2030 có 3.718,80 ha, bằng với diện tích cấp tỉnh phân bổ tập trung tại 18 xã, thị trấn, giảm 116,45 ha so với năm 2021 và tăng 47,37 ha so với QĐ 253.

Nguyên nhân giảm là do chủ yếu chuyển sang nhóm đất phi nông nghiệp phục vụ phát triển kinh tế xã hội như đất phát triển hạ tầng (50,99 ha) chủ yếu thu hồi các công trình giao thông, các công trình hạ tầng khác; đất ở nông thôn (49,25 ha); đất ở đô thị (10,50 ha); đất thương mại dịch vụ (6,70 ha); đất trụ sở cơ quan (0,35 ha)....

** Đất trồng cây hàng năm khác*

Đến năm 2030, diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 2.990,14 ha, giảm 233,65 ha so với hiện trạng năm 2021 và giảm 24,78 ha so với QĐ 253. Diện tích tăng chủ yếu do chuyển đổi sáng nhóm phi nông nghiệp phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

** Đất trồng cây lâu năm*

Đến năm 2030, diện tích quy hoạch đất trồng cây lâu năm có 16.844,00 ha, bằng với diện tích cấp tỉnh phân bổ, tăng 2.092,60 ha so với hiện trạng năm 2021 và tăng 1.597,79 ha so với QĐ 253.

Nguyên nhân tăng diện tích chủ yếu là do chuyển từ đất rừng sản xuất sang mục đích đất trồng cây lâu năm. Đặc biệt là do chuyển từ đất rừng sản xuất sang đất trồng cam theo quy hoạch vùng trồng cam huyện Hàm Yên (Gồm các xã TT Tân Yên, Yên Thuận, Bạch Xa, Minh Hương, Yên Lâm, Minh Dân, Phù Lưu, Minh Khương, Yên Phú, Tân Thành, Thái Sơn, Bằng Cốc).

** Đất rừng phòng hộ:*

Đến năm 2030, diện tích quy hoạch đất rừng phòng hộ là 8.788,26 ha bằng với diện tích cấp tỉnh phân bổ, giảm 5,92 ha so với năm 2021 và tăng 0,01 ha so với QĐ 253. Nguyên nhân giảm là do mở thêm một số tuyến đường kết nối các xã trong địa bàn huyện có lấy vào đất rừng phòng hộ (Đường Yên Phú đi Yên Lâm; Đường từ thôn I Minh Phú đi thôn 7 Minh Phú, xã Yên Phú,...).

** Đất rừng đặc dụng:*

Trên cơ sở tổng hợp và cân đối chỉ tiêu sử dụng đất rừng đặc dụng do cấp tỉnh phân bổ và huyện xác định bổ sung đến năm 2030 là 5.559,66 ha, giảm 0,07 ha so với hiện trạng năm 2021, tăng 0,60 ha so với QĐ 253 và bằng với diện tích cấp tỉnh phân bổ.

** Đất rừng sản xuất:*

Đến năm 2030, diện tích đất rừng sản xuất là 45.029,79 ha, được xác định là bằng với diện tích cấp tỉnh phân bổ. So với diện tích năm 2021 đất rừng sản xuất giảm 2.907,50 ha và giảm 1.294,25 ha so với QĐ 253, chủ yếu là chuyển sang đất

phát triển hạ tầng (158,46 ha) chủ yếu thu hồi phục vụ để xây dựng đường giao thông trên địa bàn, công trình giáo dục và các công trình khác; Đất ở nông thôn (22,64 ha); Đất bãi rác (14,76 ha); Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (98,53 ha); Đất sản xuất vật liệu xây dựng (114,54 ha);...

** Đất nuôi trồng thủy sản:*

Đến năm 2030, đất nuôi trồng thủy sản có diện tích là: 728,49 ha, giảm 23,70 ha so với năm 2021 và giảm 2,74 ha so với QĐ 253. Nguyên nhân giảm chủ yếu là do chuyển sang đất phát triển hạ tầng 9,94 ha, đất nuôi trồng thủy sản giảm là do còn chuyển sang một số loại đất khác để phục vụ phát triển kinh tế, hạ tầng đô thị như: Đất ở, đất thương mại dịch vụ, đất trụ sở cơ quan khi các công trình thực hiện thu hồi đất... Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 diện tích nuôi trồng thủy sản có diện tích 728,49 ha là phù hợp với hiện trạng và quy hoạch định hướng phát triển ngành thủy sản.

** Đất nông nghiệp khác*

Trên cơ sở tổng hợp và cân đối chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp khác cấp tỉnh phân bổ và huyện xác định bổ sung đến năm 2030 có 110,86 ha, tăng thêm 91,50 ha so với năm 2021 và tăng 41,50 ha so với QĐ 253. Nguyên nhân tăng diện tích đất nông nghiệp khác là do trên địa bàn có xu hướng phát triển các dự án chăn nuôi tập trung cụ thể: Khu chăn nuôi tập trung xã Tân Thành (18 ha); Khu chăn nuôi tập trung tại thôn Thác Lường (5 ha);...

2.2.2.2. Đất phi nông nghiệp

Huy động mọi nguồn lực của xã hội, bảo đảm lợi ích hợp lý để thu hút các nhà đầu tư, kể cả các nhà đầu tư nước ngoài vào phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội. Tập trung đầu tư hạ tầng đô thị đáp ứng yêu cầu phát triển hiện nay, từng bước phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ và hiện đại theo quy hoạch. Phát triển nông thôn mới gắn với phát triển đô thị. Phát triển các làng nghề, khu làng nghề, cụm tiểu thủ công nghiệp nông thôn, khu dịch vụ nông thôn gắn với bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ở các xã. Thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ nhà ở cho người nghèo, các đối tượng chính sách; bố trí hợp lý dân cư, bảo đảm an toàn ở những khu vực ven sông, ven suối.

Đến năm 2030 đất phi nông nghiệp là 5.894,00 ha, tăng 1.154,69 ha so với hiện trạng năm 2021 và giảm 357,46 ha so với QĐ 253. Trong kỳ điều chỉnh quy

hoạch diện tích nhóm đất phi nông nghiệp đã huyện Hàm Yên xác định, bổ sung bằng diện tích cấp tỉnh phân bổ.

** Đất quốc phòng:*

Nhằm đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng cả tỉnh nói chung và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng tỉnh Tuyên Quang nói chung và huyện Hàm Yên nói riêng; đảm bảo ưu tiên quỹ đất cho mục đích quốc phòng theo quan điểm sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả.

Đến năm 2030, quy hoạch đất quốc phòng có diện tích là 144,88 ha, tăng 138,90 ha so với hiện trạng năm 2021, tăng 87,10 ha so với QĐ 253 và bằng với chỉ tiêu cấp tỉnh đã phân bổ. Trong giai đoạn 2021 - 2030 dự kiến thực hiện 06 công trình do cấp tỉnh, cấp huyện xác định gồm: KQS-TT (Xã Bình Xa - 42,80 ha), KQS-CD (Xã Minh Dân – 30 ha), KQS-CD (Xã Phù Lưu – 35 ha),...

** Đất an ninh:*

Đến năm 2020 quy hoạch đất an ninh có diện tích là 6,21 ha, tăng 4,21 ha so với hiện trạng năm 2021, tăng 2,24 ha so với QĐ 253 và bằng với diện tích chỉ tiêu cấp tỉnh đã phân bổ. Diện tích tăng thêm để quy hoạch một số các công trình như: Xây dựng trụ sở làm việc của công an xã Hùng Đức; Xây dựng trụ sở làm việc của công an xã Nhân Mục; Khu tiếp dân và giải quyết các công việc hành chính của Công an huyện Hàm Yên;...

** Đất cụm công nghiệp:*

Căn cứ Quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030. Nhu cầu đăng ký sử dụng đất của các doanh nghiệp, nhà đầu tư vào các cụm công nghiệp và đề xuất nhu cầu sử dụng đất của các sở, ngành và các địa phương trên địa bàn tỉnh. Đến năm 2030, đất cụm công nghiệp có 126,91 ha, tăng 112,06 ha so với hiện trạng năm 2021, tăng 46,91 ha so với QĐ 253 và bằng với diện tích chỉ tiêu cấp tỉnh đã phân bổ. Diện tích tăng thêm là huyện quy hoạch thêm 03 cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Tân Thành tại xã Tân Thành, Cụm công nghiệp Đức Ninh xã Đức Ninh, Cụm công nghiệp Thái Sơn tại xã Thái Sơn.

** Đất thương mại, dịch vụ:*

Đến năm 2030, diện tích đất thương mại dịch vụ có: 65,75 ha, tăng 49,51 ha so với hiện trạng năm 2021, giảm 39,32 ha so với QĐ 253 và bằng với diện tích cấp tỉnh phân bổ. Nguyên nhân tăng là để phục vụ phát triển các điểm thương mại dịch vụ trên địa bàn huyện như: Quy hoạch khu dịch vụ thương mại, giải trí xã Phù Lưu + kết hợp điểm tổ chức đua ngựa; Xây dựng khu du lịch sinh thái Cao Đường xã

Yên Thuận; Cửa hàng xăng dầu; Khu du lịch sinh thái Hồ Khôn thôn Khởi, xã Thái Sơn; Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới thôn 2 Thái Bình, xã Thái Sơn;...

** Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:*

Đến năm 2030, quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có diện tích là 68,35 ha, tăng 31,15 ha so với hiện trạng năm 2021, giảm 138,50 ha so với QĐ 253 và bằng với diện tích cấp tỉnh đã phân bổ. Diện tích tăng do quy hoạch phát triển một số điểm cơ sở sản xuất phi nông nghiệp như: Xưởng tuyển khoáng sản xã Đức Ninh; Bãi chứa thải xưởng tuyển quặng sắt xã Hùng Đức; Khu cơ sở sản xuất kinh doanh km65 xã Yên Lâm; Cơ sở tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp,...

** Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:*

Đến năm 2030, quy hoạch đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản có 331,78 ha, tăng 83,41 ha so với hiện trạng năm 2021, giảm 141,85 ha so với QĐ 253 và bằng với diện tích chỉ tiêu cấp tỉnh đã phân bổ. Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản được xác định thực hiện cho các công trình như sau: Mỏ quặng sắt Cây Vầu; Mỏ đá hoa trắng tại xã Bạch Xa điểm Tháp Mập; Dự án đầu tư thăm dò, khai thác mỏ quặng sắt thôn Trung Thành 1, xã Thành Long và thôn Hợp Hòa xã Bằng Cốc, huyện Hàm Yên; Dự án khai thác mỏ sắt núi Mạ xã Hùng Đức;...

** Đất sử dụng cho sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:*

Đến năm 2030, quy hoạch đất sử dụng cho sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm có 183,62 ha, tăng 152,02 ha so với hiện trạng năm 2021 và tăng 29,01 ha so với QĐ 253. Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất sử dụng cho sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm được xác định thực hiện cho các công trình như sau: Mỏ đá phiến thôn Trung Thành 4; Mỏ đá phiến thôn Thành Công 1; Mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường xã Thái Sơn; Mở rộng mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường xã Thái Sơn;...

** Đất phát triển hạ tầng:*

Tập trung các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ hiện đại. Đến năm 2030, đất phát triển hạ tầng có 2.182,55 ha, tăng 479,68 ha so với hiện trạng năm 2021, giảm 71,86 ha so với QĐ 253.

Các công trình, dự án do cấp tỉnh phân bổ và cấp huyện xác định trong kỳ điều chỉnh quy hoạch về lĩnh vực phát triển hạ tầng, trong đó:

- *Về giao thông*: có 72 công trình, dự án (Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1) - đoạn qua tỉnh Tuyên Quang; Mở mới tuyến đường từ Phủ Toàn Thắng thôn Trung Thành 3 đi thôn Hợp Hòa xã Bằng Cốc; Dự án nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 189, km0+00 - km57+00 (xã Bình Xa, thôn Lục Khang xã Yên Thuận); Cải tạo, nâng cấp đường Tân Yên - Thái Sơn - Thái Hòa - Đức Ninh; Xây dựng đường trục phát triển đô thị thị trấn Tân Yên; Đường trung tâm nội thị từ QL2 nối với đường dẫn cầu Tân Yên (TDP Bắc Yên) dài 6 km;...)

- *Về thủy lợi*: có 41 công trình, dự án (Quy hoạch nâng cấp các hồ đập và hệ thống kênh mương đi kèm; Công trình trạm cấp nước tập trung xã Minh Dân; Nâng cấp đập Thủy lợi thôn Cao Đường (bao gồm kênh dẫn); Hồ thủy lợi Cảnh Sinh;...)

- *Về văn hóa*: có 26 công trình (Trung tâm văn hóa - thể thao huyện Hàm Yên (địa điểm mới); Nhà bia ghi tên liệt sĩ TT Tân Yên (giáp Đình Thác Cắm); Quy hoạch mở rộng nhà văn hóa thôn tại các xã;...)

- *Về y tế*: có 3 công trình, dự án (Mở rộng trung tâm y tế huyện Hàm Yên; Quy hoạch xây dựng mới trạm y tế xã Bạch Xa; Mở rộng khuôn viên trạm y tế xã Đức Ninh (vườn thuốc nam))

- *Về giáo dục*: có 53 công trình, dự án (Trường mầm non, tiểu học xã Thái Sơn; Mở rộng trường mầm non Minh Hương (điểm thôn 12 Minh Quang); Mở rộng điểm trường Tiểu học Phù Loan; Quy hoạch khuôn viên trường TH-THCS xã Bằng Cốc (điểm Dương Định);...)

- *Về thể thao*: có 29 công trình, dự án (Quy hoạch chi tiết xây dựng sân vận động huyện và khu dịch vụ thương mại thôn 3 Tân Yên, xã Tân Thành, huyện Hàm Yên; Sân thể thao, khuôn viên vui chơi trung tâm xã Phù Lưu; Sân thể thao kết hợp điểm tập thôn Tân Lập;...)

- *Về năng lượng*: có 60 công trình, dự án (Dự án thủy điện sông Lô 7; Quy hoạch trạm biến áp thôn Cao Phạ; Đường dây và trạm biến áp cấp điện cho thôn Khau Làng, Cao Đường xã Yên Thuận;...)

- *Về bưu chính, viễn thông*: có 3 công trình, dự án (Điểm bưu điện xã Nhân Mục; Điểm bưu điện xã Bạch Xa; Điểm bưu điện xã Minh Dân)

- *Về đất có di tích lịch sử - văn hóa*: có 12 công trình, dự án (Điểm di tích Xưởng quân giới J3, xã Thái Sơn; Di tích Ngân hàng Quốc gia Việt Nam; Di tích hội nghị công thương Trung ương;...)

- *Về bãi thải, xử lý chất thải*: có 24 công trình, dự án (Quy hoạch bãi rác, nhà máy xử lý rác thải xã Minh Dân; Quy hoạch bãi rác, nhà máy xử lý rác thải xã Thái

Sơn; Quy hoạch trạm xử lý nước thải TT Tân Yên (3 trạm); Quy hoạch điểm tập kết, trung chuyển rác thải rắn và rác thải sinh hoạt xã Nhân Mục;...)

- Về tôn giáo, tín ngưỡng: có 10 công trình, dự án (Chùa Tân An, thị trấn Tân Yên; Họ Tân Yên thị trấn Tân Yên; Họ giáo Thống Nhất xã Thái Sơn;...)

- Về nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: có 27 công trình, dự án (Mở rộng nghĩa trang nhân dân Đồng Bằng; Xây dựng, mở rộng nghĩa trang tập trung của xã tại thôn 2 Minh Thái, xã Thái Sơn; Quy hoạch nghĩa trang thôn 1 Thái Thủy; Quy hoạch đất nghĩa trang thôn 2, thôn 3 Tân Yên;...)

- Về chợ: có 9 công trình, dự án (Quy hoạch chi tiết xây dựng chợ xã Tân Thành, huyện Hàm Yên; Quy hoạch đất chợ trung tâm xã Yên Lâm; Quy hoạch mở rộng chợ trung tâm thị trấn Tân Yên;...)

* Đất Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Đến năm 2030, diện tích Đất Đất khu vui chơi, giải trí công cộng là 3,58 ha, tăng 3,20 ha so với năm 2021 và giảm 4,50 ha so với QĐ 253.

Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất sử dụng cho đất khu vui chơi, giải trí công cộng được xác định thực hiện cho các công trình như sau: Khu vui chơi, giải trí tổng hợp, công viên cây xanh xã Phù Lưu; Khu vui chơi, giải trí tổng hợp, công viên cây xanh xã Nhân Mục;...

* Đất ở (đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị):

- Đất ở tại nông thôn:

Phát triển khu, điểm dân cư nông thôn theo hướng tập trung gắn với phương thức sản xuất phù hợp, cơ sở hạ tầng tiện ích, đáp ứng đủ tiêu chuẩn hiện hành và nhằm chỉnh trang các khu dân cư nông thôn (như đầu tư xây dựng nhà tái định cư; chuyển đổi các điểm nhỏ lẻ, xen kẽ trong khu dân cư; các khu vực đầu giá).

Đất ở tại nông thôn đến quy hoạch đến năm 2030 có diện tích là 1.202,05 ha, tăng 144,18 ha so với hiện trạng năm 2021, giảm 9,76 ha so với QĐ 253 và bằng với diện tích cấp tỉnh phân bổ. Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất dự kiến sẽ có công trình, dự án do huyện xác định như: Quy hoạch Khu dân cư trung tâm thôn Quảng Tân; Quy hoạch Khu dân cư thôn Tháng 10; Quy hoạch Khu dân cư thôn Cầu Treo, thôn Bá; Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư trung tâm xã Thái Sơn;...

- Đất ở tại đô thị:

Đất ở tại đô thị đến năm 2030 có diện tích là 93,10 ha, tăng 39,32 ha so với hiện trạng năm 2021, giảm 26,27 ha so với QĐ 253 và bằng với diện tích cấp tỉnh

phân bổ. Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất dự kiến sẽ có công trình, dự án do huyện xác định như: Khu đô thị mới huyện Hàm Yên; Quy hoạch chi tiết xây dựng chỉnh trang đô thị tổ dân phố Cầu Mới, thị trấn Tân Yên; Quy hoạch chi tiết xây dựng chỉnh trang đô thị tổ dân phố Tân Yên, thị trấn Tân Yên;...

** Đất xây dựng trụ sở cơ quan:*

Đến năm 2030, quy hoạch đất xây dựng trụ sở cơ quan là 93,10 ha, tăng 6,14 ha so với hiện trạng năm 2021, giảm 0,51 ha so với QĐ 253 và bằng với diện tích cấp tỉnh phân bổ. Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất dự kiến sẽ có công trình, dự án cấp huyện xác định như: Khu trung tâm hành chính mới xã Tân Thành; Quy hoạch mở rộng trụ sở làm việc của UBND xã Yên Lâm; Quy hoạch đất dự trữ xây dựng trụ sở cơ quan xã Thái Sơn;...

** Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:*

Đến năm 2030 là 0,25 ha giữ nguyên so với diện tích hiện trạng năm 2021, giảm 0,01 ha so với QĐ 253 và bằng với diện tích cấp tỉnh phân bổ.

** Đất cơ sở tín ngưỡng:* Đến năm 2020 có diện tích là 1,65 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2021 và tăng 0,01 ha so với QĐ 253.

** Đất sông ngòi, kênh, rạch suối:*

Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch, chỉ tiêu này giảm 89,07 ha so với hiện trạng năm 2021 và giảm 91,17 ha so với QĐ 253 để chuyển sang các mục đích phát triển hạ tầng (giao thông thủy lợi, năng lượng) và đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (cát, sỏi). Đến năm 2030 đất sông ngòi, kênh, rạch suối có diện tích là 1.458,19 ha.

2.2.2.3. Đất chưa sử dụng

Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030, đất chưa sử dụng có diện tích 390,60 ha, giảm 51,49 ha so với hiện trạng năm 2021, giảm 8,04 ha so với QĐ 253 và bằng với diện tích cấp tỉnh đã phân bổ. Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đã khai thác tiềm năng của nhóm đất này để đưa vào sử dụng trong các công trình, dự án sau: KQS-CD (Xã Yên Phú); Khu đón tiếp khách du lịch Thác Cái, Thác Lăn, Động Tiên; Mỏ đá hoa trắng xã Yên Phú (km54-km57); Mở rộng khu phụ trợ mỏ đá hoa Bạch Mã xã Yên Phú; Mỏ đá Đồng Lệnh;...

2.2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

2.2.3.1 Đất nông nghiệp

Đến năm 2030, huyện Hàm Yên có 83.770,00 ha đất nông nghiệp, chiếm 93,02% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện. Nhóm đất nông nghiệp giảm 1.103,19 ha

so với năm 2021, tăng 365,50 ha so với QĐ 253 do chuyển sang mục đích phi nông nghiệp. Cụ thể, chuyển sang các loại đất:

- Đất quốc phòng: 119,00 ha.
- Đất an ninh: 2,34 ha.
- Đất cụm công nghiệp: 109,00 ha.
- Đất thương mại, dịch vụ: 44,50 ha.
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 23,56 ha.
- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 23,56 ha.
- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 115,25 ha.
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gồm: 138,83 ha.
- Đất phát triển hạ tầng: 380,36 ha. Trong đó:
 - + Đất giao thông: 255,76 ha.
 - + Đất thủy lợi: 12,74 ha.
 - + Đất cơ sở văn hóa: 1,43 ha.
 - + Đất cơ sở y tế: 1,35 ha.
 - + Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 18,26 ha.
 - + Đất cơ sở thể dục thể thao: 5,45 ha.
 - + Đất công trình năng lượng: 37,96 ha.
 - + Đất công trình bưu chính, viễn thông: 0,08 ha.
 - + Đất có di tích lịch sử - văn hóa: 4,20 ha.
 - + Đất bãi thải, xử lý chất thải: 15,81 ha.
 - + Đất cơ sở tôn giáo: 4,69 ha.
 - + Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa: 14,22 ha
 - + Đất chợ: 7,42 ha.
- Đất khu vui chơi giải trí công cộng: 2,85 ha.
- Đất ở tại nông thôn: 161,29 ha.
- Đất ở tại đô thị: 36,27 ha.
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 7,95 ha.

Trong kỳ quy hoạch, đất nông nghiệp tăng 38,00 ha do đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản chuyển sang đất nông nghiệp khác và đất rừng sản xuất.

(Chi tiết chu chuyển các loại đất tại biểu 12/CH)

Diện tích đất nông nghiệp được phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã như sau:

Bảng 8. Chỉ tiêu quy hoạch đất nông nghiệp

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	2.979,99	2.879,89	-100,10
2	Xã Bạch Xa	2.196,51	2.116,32	-80,19
3	Xã Bình Xa	2.431,67	2.373,60	-58,07
4	Xã Bằng Cốc	2.743,34	2.717,14	-26,20
5	Xã Đức Ninh	1.898,68	1.850,77	-47,91
6	Xã Hùng Đức	5.986,93	5.919,14	-67,79
7	Xã Minh Dân	2.998,45	2.936,77	-61,68
8	Xã Minh Hương	6.223,01	6.206,89	-16,13
9	Xã Minh Khương	2.673,70	2.652,35	-21,35
10	Xã Nhân Mục	1.301,90	1.294,28	-7,63
11	Xã Phù Lưu	8.574,87	8.492,83	-82,04
12	Xã Tân Thành	4.519,77	4.444,55	-75,23
13	Xã Thái Hòa	3.012,52	2.970,72	-41,80
14	Xã Thái Sơn	3.687,22	3.571,45	-115,77
15	Xã Thành Long	5.027,22	4.843,82	-183,40
16	Xã Yên Lâm	12.661,67	12.626,90	-34,78
17	Xã Yên Phú	8.753,16	8.697,90	-55,26
18	Xã Yên Thuận	7.202,58	7.174,68	-27,91
Toàn huyện		84.873,19	83.770,00	-1.103,19

Cụ thể các loại đất như sau:

* *Đất trồng lúa.*

Đến năm 2030, đất trồng lúa có diện tích 3.718,80 ha, giảm 116,45 ha so với năm 2021, tăng 47,37 ha so với QĐ 253, được phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã như sau:

Bảng 9. Chỉ tiêu quy hoạch đất trồng lúa

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	148,40	127,19	-21,21
2	Xã Bạch Xa	123,84	118,42	-5,42
3	Xã Bình Xa	192,74	188,79	-3,95
4	Xã Bằng Cốc	151,43	145,87	-5,56
5	Xã Đức Ninh	282,24	272,54	-9,70
6	Xã Hùng Đức	322,90	314,17	-8,73
7	Xã Minh Dân	141,76	137,21	-4,55
8	Xã Minh Hương	381,14	376,34	-4,80
9	Xã Minh Khương	89,96	86,03	-3,93
10	Xã Nhân Mục	182,74	181,01	-1,73
11	Xã Phù Lưu	339,01	327,02	-12,00
12	Xã Tân Thành	219,02	209,71	-9,31
13	Xã Thái Hòa	234,84	240,58	5,74
14	Xã Thái Sơn	281,24	267,77	-13,47
15	Xã Thành Long	269,10	260,00	-9,10
16	Xã Yên Lâm	89,53	87,97	-1,56
17	Xã Yên Phú	213,55	209,79	-3,76
18	Xã Yên Thuận	171,82	168,41	-3,41
Toàn huyện		3.835,25	3.718,80	-116,45

Nguyên nhân đất trồng lúa giảm là do chủ yếu chuyển sang nhóm đất phi nông nghiệp phục vụ phát triển kinh tế xã hội như: Đất cụm công nghiệp (6,05 ha); Đất thương mại, dịch vụ (6,70 ha); đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (1,25 ha); đất giao thông (37,51 ha); các công trình hạ tầng khác; đất ở nông thôn (49,25 ha); đất ở đô thị (10,50 ha).

(Danh mục chi tiết tại Biểu 10/CH kèm theo)

* Đất trồng cây hàng năm khác.

Đến năm 2030, diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 2.990,14 ha, giảm 233,65 ha so với hiện trạng năm 2021, giảm 24,78 ha so với QĐ 253, được phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã như sau:

Bảng 10. Chỉ tiêu quy hoạch đất trồng cây hàng năm khác

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	40,93	22,22	-18,71

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
2	Xã Bạch Xa	328,06	313,68	-14,38
3	Xã Bình Xa	342,08	338,25	-25,83
4	Xã Bằng Cốc	60,03	53,31	-6,72
5	Xã Đức Ninh	57,48	54,10	-3,38
6	Xã Hùng Đức	262,04	247,93	-14,11
7	Xã Minh Dân	183,44	175,11	-8,33
8	Xã Minh Hương	178,78	171,48	-7,30
9	Xã Minh Khương	199,34	188,80	-10,55
10	Xã Nhân Mục	57,98	55,52	-2,46
11	Xã Phù Lưu	226,87	217,90	-8,97
12	Xã Tân Thành	511,41	481,84	-29,57
13	Xã Thái Hòa	230,74	193,89	-36,86
14	Xã Thái Sơn	179,07	164,00	-15,07
15	Xã Thành Long	90,60	82,31	-8,30
16	Xã Yên Lâm	80,64	76,89	-3,75
17	Xã Yên Phú	66,88	56,15	-10,74
18	Xã Yên Thuận	105,44	96,74	-8,70
Toàn huyện		3.201,80	2.990,14	-233,65

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác giảm do chuyển sang các loại đất: đất quốc phòng (13,00 ha); đất thương mại, dịch vụ (11,00 ha); đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (2,00 ha); đất giao thông (39,08 ha); đất thủy lợi (4,43 ha); đất cơ sở thể dục, thể thao (2,10 ha); đất năng lượng (7,21 ha); đất ở nông thôn (41,29 ha); đất ở đô thị (7,15 ha); đất xây dựng trụ sở cơ quan (6,30 ha);....

(Chi tiết tại danh mục Biểu 10/CH kèm theo)

* Đất trồng cây lâu năm.

Đến năm 2030, diện tích đất trồng cây lâu năm là 16.844,00 ha, tăng 2.092,60 ha so với hiện trạng năm 2021, tăng 1.597,79 ha so với QĐ 253, được phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã như sau:

Bảng 11. Chỉ tiêu quy hoạch đất trồng cây lâu năm

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	736,70	902,05	165,35
2	Xã Bạch Xa	568,63	629,50	60,87
3	Xã Bình Xa	362,94	400,58	37,64

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
4	Xã Bằng Cốc	375,68	456,89	81,21
5	Xã Đức Ninh	774,31	776,27	1,96
6	Xã Hùng Đức	331,05	454,34	123,29
7	Xã Minh Dân	819,44	1.013,08	193,64
8	Xã Minh Hương	506,49	628,86	122,37
9	Xã Minh Khương	956,78	1.114,63	157,85
10	Xã Nhân Mục	264,51	283,31	18,80
11	Xã Phù Lưu	2.605,95	2.671,46	65,51
12	Xã Tân Thành	1.365,17	1.449,47	84,30
13	Xã Thái Hòa	702,70	742,90	40,20
14	Xã Thái Sơn	734,50	803,72	69,22
15	Xã Thành Long	419,25	517,81	98,55
16	Xã Yên Lâm	737,91	1.082,17	344,26
17	Xã Yên Phú	1.222,46	1.397,00	174,54
18	Xã Yên Thuận	1.266,95	1.519,99	253,04
Toàn huyện		14.751,41	16.844,00	2.092,60

Nguyên nhân tăng do trong kì quy hoạch, một số khoanh rừng sản xuất được chuyển mục đích sang trồng các loại cây lâu năm như cây chè và cây cam, đặc biệt là cam sành, vừa đảm bảo được nguồn đất tự nhiên, vừa phát triển được thế mạnh của huyện, trong đó gồm các xã với mức độ thích nghi tốt như Yên Thuận, Minh Khương, Minh Dân, Phù Lưu,... Ngoài ra, một phần lớn đất cây lâu năm chuyển sang nhóm đất phi nông nghiệp phục vụ cho các công trình của huyện như các mỏ đất đắp phục vụ san lấp công trình, các công trình đường giao thông, các tuyến đường điện, các công trình thủy điện trên toàn địa bàn huyện các công trình khu dân cư khác.

- Diện tích đất trồng cây lâu năm giảm do chuyển sang các loại đất: đất cụm công nghiệp (36,00 ha); đất thương mại, dịch vụ (12,39 ha); đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (6,10 ha); đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (7,33 ha); đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (9,90); đất giao thông (70,96 ha); đất cơ sở giáo dục, đào tạo (7,72 ha); đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao 0,75 ha); đất công trình năng lượng (7,89 ha); đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (2,23 ha); đất ở tại nông thôn (44,91 ha); đất ở tại đô thị (10,72 ha);...

(Danh mục công trình, dự án chi tiết tại biểu 10/CH)

** Đất rừng phòng hộ.*

Đến năm 2030, diện tích quy hoạch đất rừng phòng hộ là 8.788,26 ha, giảm 5,92 ha so hiện trạng năm 2021, tăng 0,01 ha so với QĐ 253, được phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã như sau:

Bảng 12. Chỉ tiêu quy hoạch đất rừng phòng hộ

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	0,00	96,90	96,90
2	Xã Bạch Xa	0,00	0,00	0,00
3	Xã Bình Xa	160,27	160,27	0,00
4	Xã Bằng Cốc	48,74	48,74	0,00
5	Xã Đức Ninh	0,00	0,00	0,00
6	Xã Hùng Đức	508,66	508,66	0,00
7	Xã Minh Dân	514,31	514,31	0,00
8	Xã Minh Hương	1.479,40	1.379,40	-100,00
9	Xã Minh Khương	598,01	598,01	0,00
10	Xã Nhân Mục	0,00	0,00	0,00
11	Xã Phù Lưu	988,46	988,46	0,00
12	Xã Tân Thành	0,00	0,00	0,00
13	Xã Thái Hòa	0,00	0,00	0,00
14	Xã Thái Sơn	0,00	0,00	0,00
15	Xã Thành Long	298,16	298,16	0,00
16	Xã Yên Lâm	3.100,09	3.098,94	-1,15
17	Xã Yên Phú	1.098,08	1.096,41	-1,67
18	Xã Yên Thuận	0,00	0,00	0,00
Toàn huyện		8.794,18	8.788,26	-5,92

Diện tích đất rừng phòng hộ giảm trong kỳ quy hoạch do xây dựng và điều chỉnh các tuyến đường giao thông như tuyến xã Yên Phú đi xã Yên Lâm; Đường từ thôn I Minh Phú đi thôn 7 Minh Phú, xã Yên Phú; Quy hoạch quỹ đất sản xuất theo chương trình giao đất nông nghiệp cho đồng bào dân tộc thiểu số;...

(Danh mục công trình, dự án chi tiết tại biểu 10/CH)

** Đất rừng đặc dụng.*

Diện tích đất rừng đặc dụng được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho 2 xã có rừng phòng hộ như sau:

Bảng 13. Chỉ tiêu quy hoạch đất rừng đặc dụng

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	Xã Phù Lưu	2.063,30	2.063,30	0,00
2	Xã Yên Thuận	3.496,43	3.496,36	-0,07
Toàn huyện		5.559,73	5.559,66	-0,07

Đến năm 2030, diện tích đất rừng đặc dụng là 5.559,66 ha, giảm 0,07 ha so với năm 2021, tăng 0,60 ha so với QĐ 253 và bằng với diện tích cấp tỉnh phân khai.

** Đất rừng sản xuất*

Trong kỳ quy hoạch đến năm 2030, diện tích đất rừng sản xuất là 45.029,79 ha, so với năm 2021 đất rừng sản xuất giảm 2.907,50 ha, giảm 1.294,25 ha so với QĐ 253, được phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã như sau:

Bảng 14. Chỉ tiêu quy hoạch đất rừng sản xuất

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	1.960,25	1.637,96	-322,29
2	Xã Bạch Xa	1.123,48	1.003,77	-119,71
3	Xã Bình Xa	1.337,75	1.260,82	-76,93
4	Xã Bằng Cốc	2.060,51	1.965,38	-95,13
5	Xã Đức Ninh	732,90	693,45	-39,45
6	Xã Hùng Đức	4.518,95	4.347,97	-170,98
7	Xã Minh Dân	1.311,76	1.050,69	-261,07
8	Xã Minh Hương	3.651,73	3.624,34	-27,39
9	Xã Minh Khương	818,73	654,54	-164,19
10	Xã Nhân Mục	759,97	737,73	-22,24
11	Xã Phù Lưu	2.309,88	2.179,49	-130,39
12	Xã Tân Thành	2.389,07	2.254,62	-134,45
13	Xã Thái Hòa	1.786,48	1.724,50	-61,98
14	Xã Thái Sơn	2.407,52	2.252,22	-155,30
15	Xã Thành Long	3.907,23	3.636,18	-271,05
16	Xã Yên Lâm	8.633,92	8.262,04	-371,88
17	Xã Yên Phú	6.116,46	5.901,82	-214,64
18	Xã Yên Thuận	2.110,70	1.842,28	-268,42
Toàn huyện		47.937,29	45.029,79	-2.907,50

Nguyên nhân giảm do chuyển sang đất phát triển hạ tầng để thu hồi phục vụ xây dựng đường giao thông trên địa bàn, các công trình thủy điện trên sông Lô và các công trình năng lượng khác; xây dựng các khu dân cư nông thôn và đô thị; quy

hoạch cho đất bãi rác (xã Thái Sơn, xã Minh Dân, các điểm tập kết, trung chuyển rác thải rắn và rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện); đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản, khai thác và xây dựng các mỏ quặng; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng; đất trồng cây lâu năm.

Diện tích đất rừng sản xuất giảm do chuyển sang các loại đất: đất trồng cây lâu năm (2.296,47 ha); đất nông nghiệp khác (41,50 ha); đất quốc phòng (99,60 ha); đất cụm công nghiệp (63,15 ha); đất thương mại, dịch vụ (13,29 ha); đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (12,56 ha); đất cho hoạt động khoáng sản (98,53 ha); đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (114,54 ha); đất giao thông (98,31 ha); đất năng lượng (16,93 ha); đất bãi thải, xử lý chất thải (14,76 ha); đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (10,35 ha); đất ở tại nông thôn (22,64 ha); đất ở tại đô thị (7,80 ha);...

(Danh mục công trình, dự án chi tiết tại biểu 10/CH)

** Đất nuôi trồng thủy sản*

Đến năm 2030, đất nuôi trồng thủy sản có diện tích là 728,49 ha, giảm 23,70 ha so với năm 2021, giảm 2,74 ha so với QĐ 253, được phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã như sau:

Bảng 15. Chỉ tiêu quy hoạch đất nuôi trồng thủy sản

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	93,72	92,07	-1,65
2	Xã Bạch Xa	52,50	50,95	-1,55
3	Xã Bình Xa	13,90	13,90	0,00
4	Xã Bằng Cốc	38,53	38,53	0,00
5	Xã Đức Ninh	51,75	49,90	-1,85
6	Xã Hùng Đức	43,33	41,08	-2,25
7	Xã Minh Dân	27,74	26,87	-0,87
8	Xã Minh Hương	25,48	25,47	-0,01
9	Xã Minh Khương	10,87	10,34	-0,53
10	Xã Nhân Mục	25,77	25,77	0,00
11	Xã Phù Lưu	41,40	39,70	-1,70
12	Xã Tân Thành	35,12	30,92	-4,20
13	Xã Thái Hòa	57,75	55,85	-1,90
14	Xã Thái Sơn	84,90	82,75	-2,15
15	Xã Thành Long	42,87	39,37	-3,50
16	Xã Yên Lâm	19,59	18,89	-0,70
17	Xã Yên Phú	35,72	35,23	-0,49

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
18	Xã Yên Thuận	51,25	50,90	-0,35
Toàn huyện		752,19	728,49	-23,70

Nguyên nhân đất nuôi trồng thủy sản giảm là do chuyển sang một số loại đất khác để phục vụ phát triển kinh tế, hạ tầng như: đất cụm công nghiệp (3,80 ha); đất thương mại, dịch vụ (1,12 ha); đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (1,65 ha); đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (1,59 ha); đất giao thông (7,08 ha); đất cơ sở thể dục, thể thao (0,95 ha); đất cơ sở giáo dục, đào tạo (0,98 ha); đất ở nông thôn (3,20 ha); đất ở đô thị (0,10 ha);...

(Danh mục công trình, dự án chi tiết tại biểu 10/CH)

** Đất nông nghiệp khác*

Đến năm 2030, diện tích đất nông nghiệp khác là 110,86, tăng 91,50 ha so với năm 2021, tăng 41,50 ha so với QĐ 253, được phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã như sau:

Bảng 16. Chỉ tiêu quy hoạch đất nông nghiệp khác

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	0,00	1,50	1,50
2	Xã Bạch Xa	0,00	0,00	0,00
3	Xã Bình Xa	0,00	11,00	11,00
4	Xã Bằng Cốc	8,42	8,42	0,00
5	Xã Đức Ninh	0,00	4,50	4,50
6	Xã Hùng Đức	0,00	5,00	5,00
7	Xã Minh Dân	0,00	19,50	19,50
8	Xã Minh Hương	0,00	1,00	1,00
9	Xã Minh Khương	0,00	0,00	0,00
10	Xã Nhân Mục	10,94	10,94	0,00
11	Xã Phù Lưu	0,00	5,50	5,50
12	Xã Tân Thành	0,00	18,00	18,00
13	Xã Thái Hòa	0,00	13,00	13,00
14	Xã Thái Sơn	0,00	1,00	1,00
15	Xã Thành Long	0,00	10,00	10,00
16	Xã Yên Lâm	0,00	0,00	0,00
17	Xã Yên Phú	0,00	1,50	1,50
18	Xã Yên Thuận	0,00	0,00	0,00
Toàn huyện		19,36	110,86	91,50

Nguyên nhân tăng do chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng cây lâu năm (7,30 ha); đất rừng sản xuất (41,50 ha); đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (18,00 ha),

đất chuyên trồng lúa (7,50 ha), đất trồng cây hàng năm khác (16,20 ha),..

2.2.3.2. Đất phi nông nghiệp

Huy động mọi nguồn lực của xã hội, bảo đảm lợi ích hợp lý để thu hút các nhà đầu tư, kể cả các nhà đầu tư nước ngoài vào phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội. Tập trung đầu tư hạ tầng đô thị đáp ứng yêu cầu phát triển hiện nay, từng bước phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ và hiện đại theo quy hoạch. Phát triển nông thôn mới gắn với phát triển đô thị. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ở các xã, bên cạnh đó phải gắn liền với bảo vệ môi trường. Thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ tái định cư, bảo đảm an toàn ở những khu vực ven sông, ven suối.

Đến năm 2030, nhóm đất phi nông nghiệp: 5.894,00 ha, chiếm 6,54% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện. Nhóm đất phi nông nghiệp tăng 1.154,69 ha so với hiện trạng năm 2021, tăng 357,46 ha so với QĐ 253.

Cụ thể, diện tích các loại đất tăng, giảm so với hiện trạng năm 2021 là:

- Đất quốc phòng tăng: 138,90 ha.
- Đất an ninh tăng: 4,21 ha.
- Đất cụm công nghiệp tăng: 112,06 ha.
- Đất thương mại, dịch vụ tăng: 50,04 ha.
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng: 35,06 ha.
- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản tăng: 129,41 ha.
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm tăng: 152,02 ha.
- Đất phát triển hạ tầng tăng: 498,66 ha. Trong đó:
 - + Đất giao thông tăng: 278,31 ha.
 - + Đất thủy lợi tăng: 36,26 ha.
 - + Đất cơ sở văn hóa tăng: 3,26 ha.
 - + Đất cơ sở y tế tăng: 1,35 ha.
 - + Đất cơ sở giáo dục và đào tạo tăng: 19,29 ha.
 - + Đất cơ sở thể dục thể thao tăng: 6,35 ha.
 - + Đất công trình năng lượng tăng: 99,43 ha.
 - + Đất công trình bưu chính, viễn thông tăng: 0,11 ha.

- + Đất có di tích lịch sử - văn hóa tăng: 9,10 ha.
- + Đất bãi thải, xử lý chất thải tăng: 15,81 ha.
- + Đất cơ sở tôn giáo: 5,35 ha.
- + Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 14,22 ha
- + Đất chợ tăng: 8,82 ha.
- Đất khu vui chơi giải trí công cộng: 3,20 ha.
- Đất ở tại nông thôn tăng: 163,44 ha.
- Đất ở tại đô thị tăng: 41,72 ha.
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 9,11 ha.

(Chi tiết chu chuyển các loại đất tại biểu 12/CH)

Bảng 17. Chỉ tiêu quy hoạch đất phi nông nghiệp

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	286,87	386,97	100,10
2	Xã Bạch Xa	167,41	247,60	80,19
3	Xã Bình Xa	238,53	297,10	58,57
4	Xã Bằng Cốc	111,79	137,98	26,20
5	Xã Đức Ninh	261,59	309,50	47,91
6	Xã Hùng Đức	308,98	376,76	67,79
7	Xã Minh Dân	172,25	233,92	61,68
8	Xã Minh Hương	216,79	232,92	16,13
9	Xã Minh Khương	156,59	177,94	21,35
10	Xã Nhân Mục	123,67	131,30	7,63
11	Xã Phù Lưu	288,94	370,98	82,04
12	Xã Tân Thành	453,33	540,05	86,72
13	Xã Thái Hòa	355,11	396,91	41,80
14	Xã Thái Sơn	377,09	492,86	115,77
15	Xã Thành Long	261,05	444,45	183,40
16	Xã Yên Lâm	243,07	277,85	34,78
17	Xã Yên Phú	435,78	530,54	94,76
18	Xã Yên Thuận	280,48	308,38	27,91
Toàn huyện		4.739,31	5.894,00	1.154,69

*** Đất Quốc Phòng**

Nhằm đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng tỉnh Tuyên Quang nói chung và huyện Hàm Yên nói riêng; đảm bảo ưu tiên quỹ đất cho mục đích quốc phòng theo quan điểm sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả.

Đến năm 2030, đất quốc phòng có diện tích là 144,88 ha, tăng 138,90 ha so với hiện trạng năm 2021, tăng 87,10 ha so với QĐ 253. Dự kiến trong kỳ quy hoạch thực hiện các công trình như: KQS-CD (Thị trấn Tân Yên); KQS-CD (Xã Yên Phú); KQS-TT (Xã Bình Xa); KQS-CD (Xã Minh Dân);...

Chi tiết đất quốc phòng phân bổ theo từng xã được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 18. Chỉ tiêu quy hoạch đất quốc phòng

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	5,98	12,08	6,10
2	Xã Bạch Xa	0,00	0,00	0,00
3	Xã Bình Xa	0,00	42,40	42,40
4	Xã Bằng Cốc	0,00	0,00	0,00
5	Xã Đức Ninh	0,00	0,00	0,00
6	Xã Hùng Đức	0,00	0,00	0,00
7	Xã Minh Dân	0,00	30,00	30,00
8	Xã Minh Hương	0,00	0,00	0,00
9	Xã Minh Khương	0,00	0,00	0,00
10	Xã Nhân Mục	0,00	0,00	0,00
11	Xã Phù Lưu	0,00	35,00	35,00
12	Xã Tân Thành	0,00	0,00	0,00
13	Xã Thái Hòa	0,00	0,00	0,00
14	Xã Thái Sơn	0,00	0,00	0,00
15	Xã Thành Long	0,00	0,00	0,00
16	Xã Yên Lâm	0,00	0,00	0,00
17	Xã Yên Phú	0,00	25,40	25,40
18	Xã Yên Thuận	0,00	0,00	0,00
Toàn huyện		5,98	144,88	138,90

Nguyên nhân đất quốc phòng tăng do các loại đất sau chuyển sang: Đất trồng cây hàng năm khác (13,00 ha); Đất trồng cây lâu năm (6,40 ha); Đất rừng sản xuất (99,60 ha); Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (2,90 ha);...

(Danh mục công trình, dự án chi tiết tại biểu 10/CH)

** Đất an ninh*

Trong phương án quy hoạch đến năm 2030, diện tích đất an ninh là 6,21 ha, tăng 4,21 ha so với hiện trạng năm 2021, tăng 2,24 ha so với QĐ 253. Diện tích đất an ninh được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

Bảng 19. Chỉ tiêu quy hoạch đất an ninh

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	1,66	3,59	1,93
2	Xã Bạch Xa	0,00	0,12	0,12
3	Xã Bình Xa	0,00	0,15	0,15
4	Xã Bằng Cốc	0,00	0,15	0,15
5	Xã Đức Ninh	0,00	0,10	0,10
6	Xã Hùng Đức	0,00	0,12	0,12
7	Xã Minh Dân	0,00	0,15	0,15
8	Xã Minh Hương	0,00	0,11	0,11
9	Xã Minh Khương	0,00	0,10	0,10
10	Xã Nhân Mục	0,00	0,12	0,12
11	Xã Phù Lưu	0,00	0,12	0,12
12	Xã Tân Thành	0,00	0,12	0,12
13	Xã Thái Hòa	0,34	0,49	0,15
14	Xã Thái Sơn	0,00	0,10	0,10
15	Xã Thành Long	0,00	0,10	0,10
16	Xã Yên Lâm	0,00	0,11	0,11
17	Xã Yên Phú	0,00	0,36	0,36
18	Xã Yên Thuận	0,00	0,10	0,10
Toàn huyện		2,00	6,21	4,21

Diện tích đất an ninh tăng 4,21 ha do các loại đất chuyển sang: Đất trồng lúa (0,30 ha); đất trồng cây lâu năm (0,28 ha); đất trồng rừng sản xuất (1,76 ha); đất thương mại dịch vụ (0,22 ha); đất cơ sở y tế (0,23 ha); đất cơ sở giáo dục - đào tạo (0,10 ha); đất chợ (0,12 ha); đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp (0,74 ha);..

(Danh mục công trình, dự án chi tiết tại biểu 10/CH)

** Đất cụm công nghiệp:*

Căn cứ quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030; kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất cụm công nghiệp giai đoạn (2016 - 2020); nhu cầu đăng ký sử dụng đất của các doanh nghiệp, nhà đầu tư

vào các cụm công nghiệp và đề xuất nhu cầu sử dụng đất của các sở, ngành và các địa phương trên địa bàn tỉnh. Đến năm 2030, đất cụm công nghiệp có 126,91 ha, tăng 112,06 ha so với hiện trạng năm 2021, tăng 46,91 ha so với QĐ 253. Diện tích đất cụm công nghiệp được phân bổ cho hai xã tại bảng dưới đây:

Bảng 20. Chỉ tiêu quy hoạch đất cụm công nghiệp

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	Xã Đức Ninh	0,00	24,65	24,65
2	Xã Tân Thành	14,85	72,26	57,41
3	Xã Thái Sơn	0,00	30,00	30,00
Toàn huyện		14,85	126,91	112,06

Trong kỳ quy hoạch 2021 - 2030, do dự kiến mở rộng địa giới thị trấn Tân Yên về phía xã Tân Thành và lấy vào các thôn 1, 2, 3 Tân Yên xã Tân Thành do đó Cụm công nghiệp Tân Thành hiện có sẽ thuộc địa giới hành chính của thị trấn. Do đó phương án quy hoạch đã tính toán bố trí mở thêm 02 cụm Công nghiệp mới tại xã Đức Ninh và xã Thái Sơn để đáp ứng nhu cầu thu hút các doanh nghiệp và nhà đầu tư, tiến tới không mở rộng cụm công nghiệp Tân Thành trong tương lai.

- Diện tích đất cụm công nghiệp tăng do các loại đất chuyển sang: Đất trồng lúa (6,05 ha); đất trồng cây lâu năm (36,00 ha); đất rừng sản xuất (63,15 ha); đất nuôi trồng thủy sản (3,80 ha); đất giao thông (1,26 ha); đất thủy lợi (0,80 ha);...

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

** Đất thương mại, dịch vụ:*

Đến năm 2030, diện tích đất thương mại dịch vụ có 65,75 ha, tăng 50,04 ha so với hiện trạng năm 2021, giảm 39,32 ha so với QĐ 253. Nguyên nhân tăng để phục vụ phát triển các điểm thương mại dịch vụ gồm các cửa hàng xăng dầu loại II và loại III trải đều trên địa bàn huyện. Các điểm dịch vụ thương mại khác như: Khu du lịch sinh thái Hồ Khôn tại xã Thái Sơn; khu du lịch sinh thái Nam Phong - Ba Trống tại TT Tân Yên; các trụ sở của các HTX rải rác trên toàn huyện,...

Diện tích đất thương mại, dịch vụ được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

Bảng 21. Chỉ tiêu quy hoạch đất thương mại, dịch vụ

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	10,62	20,13	9,51
2	Xã Bạch Xa	0,00	0,40	0,40
3	Xã Bình Xa	0,41	0,93	0,52
4	Xã Bằng Cốc	0,00	0,70	0,70
5	Xã Đức Ninh	0,94	1,58	0,64
6	Xã Hùng Đức	0,00	0,30	0,30
7	Xã Minh Dân	0,32	0,77	0,45
8	Xã Minh Hương	0,09	0,19	0,10
9	Xã Minh Khương	0,36	0,31	-0,05
10	Xã Nhân Mục	0,26	0,73	0,47
11	Xã Phù Lưu	0,28	4,85	4,57
12	Xã Tân Thành	0,85	6,23	5,38
13	Xã Thái Hòa	0,23	2,34	2,11
14	Xã Thái Sơn	0,38	8,67	8,29
15	Xã Thành Long	1,12	1,21	0,09
16	Xã Yên Lâm	0,22	5,32	5,10
17	Xã Yên Phú	0,16	6,21	6,05
18	Xã Yên Thuận	0,00	4,88	4,88
Toàn huyện		16,24	65,75	49,51

- Đất thương mại, dịch vụ tăng do các loại đất chuyển sang: Đất trồng lúa (6,70 ha); đất trồng cây hàng năm khác (11,00 ha); đất trồng cây lâu năm (12,39 ha); đất rừng sản xuất (13,29 ha); đất nuôi trồng thủy sản (1,12 ha); đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (0,50 ha); đất cơ sở y tế (0,10 ha); đất ở tại nông thôn (0,44 ha); đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp (0,30 ha);... Bên cạnh đó, trong kỳ quy hoạch, đất thương mại, dịch vụ biến động giảm 0,53 ha do chuyển sang chuyển sang các loại đất sau: Đất an ninh (0,22 ha); đất giao thông (0,03 ha); đất ở tại đô thị (0,20 ha); đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp (0,08 ha).

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

** Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:*

Đến năm 2030, đất cơ sở sản xuất, kinh doanh có diện tích là 68,35 ha, tăng 31,15 ha so với hiện trạng năm 2021, tăng 138,50 ha so với QĐ 253. Diện tích tăng do quy hoạch phát triển một số điểm cơ sở sản xuất, kinh doanh như: Xưởng tuyển khoáng sản xã Đức Ninh; Xưởng chế biến gỗ; Bãi chứa thải xưởng tuyển quặng sắt

xã Hùng Đức; Điểm dịch vụ cơ khí nông nghiệp thị trấn Tân Yên; Cơ sở tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp. Ngoài ra, còn có các nhà máy nước sạch phục vụ cho nguồn nước sinh hoạt trên toàn địa bàn huyện;...

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

Bảng 22. Chỉ tiêu quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	8,93	7,58	-1,35
2	Xã Bạch Xa	0,00	0,00	0,00
3	Xã Bình Xa	9,67	9,87	0,20
4	Xã Bằng Cốc	0,00	0,00	0,00
5	Xã Đức Ninh	2,63	12,83	10,20
6	Xã Hùng Đức	0,47	8,47	8,00
7	Xã Minh Dân	0,00	0,00	0,00
8	Xã Minh Hương	0,00	0,00	0,00
9	Xã Minh Khương	0,00	1,00	1,00
10	Xã Nhân Mục	0,00	0,00	0,00
11	Xã Phù Lưu	0,00	0,00	0,00
12	Xã Tân Thành	0,00	7,60	7,60
13	Xã Thái Hòa	1,25	2,05	8,29
14	Xã Thái Sơn	0,75	0,82	0,07
15	Xã Thành Long	0,00	0,00	0,00
16	Xã Yên Lâm	0,66	3,97	3,31
17	Xã Yên Phú	12,84	14,16	1,32
18	Xã Yên Thuận	0,00	0,00	0,00
Toàn huyện		37,20	68,35	38,64

- Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng do các loại đất chuyển sang: đất trồng lúa (1,25 ha); Đất trồng cây hàng năm khác (2,00 ha); đất trồng cây lâu năm (6,10 ha); đất rừng sản xuất (12,56 ha); đất nuôi trồng thủy sản (1,65 ha); Đất giao thông (1,55 ha); đất ở tại nông thôn (0,30 ha); đất làm nghĩa trang, nghĩa địa (2,20 ha); đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (0,40 ha); đất chưa sử dụng (ha). Bên cạnh đó, trong kỳ quy hoạch, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp biến động giảm 3,91 ha do chuyển sang các loại đất sau: Đất quốc phòng (2,90 ha); đất thương mại, dịch vụ (0,50 ha);

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

** Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:*

Trong kỳ quy hoạch đến năm 2030, quy hoạch đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản có 331,78 ha, tăng 83,41 ha so với hiện trạng năm 2021, giảm 141,85 ha so với QĐ 253 do thực hiện cho các công trình về khoáng sản trên toàn huyện như: Dự án đầu tư thăm dò, khai thác mỏ quặng sắt thôn Trung Thành 1, xã Thành Long và thôn Hợp Hòa xã Bằng Cốc, huyện Hàm Yên; Mỏ quặng sắt Cây Vầu; Dự án khai thác mỏ sắt núi Mạ xã Hùng Đức; Mỏ đá hoa trắng tại xã Bạch Xa điểm Tháp Máp;...

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

Diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

Bảng 23. Chỉ tiêu quy hoạch đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	0,00	0,00	0,00
2	Xã Bạch Xa	0,00	45,58	45,58
3	Xã Bình Xa	0,00	0,00	0,00
4	Xã Bằng Cốc	0,00	4,00	4,00
5	Xã Đức Ninh	0,00	0,00	0,00
6	Xã Hùng Đức	97,57	121,10	23,53
7	Xã Minh Dân	0,00	0,00	0,00
8	Xã Minh Hương	0,00	0,00	0,00
9	Xã Minh Khương	0,00	0,00	0,00
10	Xã Nhân Mục	1,28	1,28	0,00
11	Xã Phù Lưu	5,59	5,59	0,00
12	Xã Tân Thành	52,95	8,15	-44,80
13	Xã Thái Hòa	11,27	10,07	-1,20
14	Xã Thái Sơn	2,41	2,41	0,00
15	Xã Thành Long	66,12	97,12	31,00
16	Xã Yên Lâm	0,00	0,00	0,00
17	Xã Yên Phú	11,18	36,48	25,30
18	Xã Yên Thuận	0,00	0,00	0,00
Toàn huyện		248,37	331,78	83,41

** Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:*

Trong kỳ quy hoạch đến năm 2030, quy hoạch đất sử dụng cho sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm có 183,62 ha, tăng 152,02 ha so với hiện trạng năm 2021, giảm 29,01 ha so với QĐ 253 do thực hiện cho các công trình trên toàn huyện như: Mỏ đá phiến thôn Trung Thành 4, Mỏ đá phiến thôn Thành Công 1, Mỏ đất phục vụ

cho việc san lấp công trình, Khu sản xuất gạch ép không nung xã Thái Sơn, Mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường xã Thái Sơn,...

Diện tích đất sử dụng cho sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

Bảng 24. Chỉ tiêu quy hoạch đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	0,00	0,00	0,00
2	Xã Bạch Xa	0,24	0,24	0,00
3	Xã Bình Xa	1,37	2,35	0,98
4	Xã Bằng Cốc	0,00	0,00	0,00
5	Xã Đức Ninh	0,00	0,00	0,00
6	Xã Hùng Đức	0,00	0,00	0,00
7	Xã Minh Dân	0,00	0,00	0,00
8	Xã Minh Hương	0,00	0,00	0,00
9	Xã Minh Khương	0,00	0,00	0,00
10	Xã Nhân Mục	0,00	0,00	0,00
11	Xã Phù Lưu	0,00	0,00	0,00
12	Xã Tân Thành	0,00	15,30	15,30
13	Xã Thái Hòa	0,00	0,00	0,00
14	Xã Thái Sơn	13,47	46,27	32,80
15	Xã Thành Long	9,48	105,71	96,23
16	Xã Yên Lâm	1,00	1,00	0,00
17	Xã Yên Phú	6,04	12,74	6,70
18	Xã Yên Thuận	0,00	0,00	0,00
Toàn huyện		31,60	183,62	152,02

- Diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm tăng do các loại đất chuyển sang: đất chuyên trồng lúa (3,00 ha); đất trồng cây hàng năm khác (10,08 ha); đất trồng cây lâu năm khác (9,90 ha); đất rừng phòng hộ (2,82 ha); đất trồng rừng sản xuất (114,54 ha); đất chưa sử dụng (12,49 ha);...

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

** Đất phát triển hạ tầng:*

Tập trung các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ hiện đại. Đến năm 2030, đất phát triển hạ tầng có 2.182,55 ha, tăng 479,67 ha so với năm 2021, giảm 71,86 ha so với QĐ 253 do các loại đất chuyển sang: Đất trồng lúa (50,99 ha); đất trồng cây hàng

năm khác (60,02 ha); đất trồng cây lâu năm (98,07 ha); đất rừng phòng hộ (2,82 ha); đất rừng sản xuất (158,46 ha); đất nuôi trồng thủy sản (9,94 ha); đất thương mại, dịch vụ (0,03 ha); đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (1,20 ha); đất ở tại nông thôn (17,32 ha); đất ở tại đô thị (2,40 ha); đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp (1,20 ha); đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (84,42 ha); đất chưa sử dụng (5,40 ha);... Bên cạnh đó, diện tích đất phát triển hạ tầng cấp huyện giảm 18,99 ha là do chuyển sang các loại đất: Đất an ninh (0,55 ha); đất cụm công nghiệp (2,56 ha); đất thương mại, dịch vụ (1,30 ha); đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (4,00 ha); đất ở nông thôn (1,57 ha); đất ở đô thị (0,85 ha); đất xây dựng trụ sở, cơ quan (0,88 ha);... Diện tích đất phát triển hạ tầng được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

Bảng 25. Chỉ tiêu quy hoạch đất phát triển hạ tầng

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	127,42	181,05	53,63
2	Xã Bạch Xa	45,98	76,82	30,84
3	Xã Bình Xa	69,72	80,27	10,55
4	Xã Bằng Cốc	44,05	61,40	17,35
5	Xã Đức Ninh	127,38	141,26	13,88
6	Xã Hùng Đức	95,71	129,62	33,91
7	Xã Minh Dân	47,37	76,99	29,62
8	Xã Minh Hương	90,55	98,55	8,00
9	Xã Minh Khương	47,73	68,36	20,63
10	Xã Nhân Mục	65,76	71,41	5,65
11	Xã Phù Lưu	91,31	126,54	35,23
12	Xã Tân Thành	157,13	189,94	32,81
13	Xã Thái Hòa	113,58	151,29	37,71
14	Xã Thái Sơn	139,73	172,30	32,57
15	Xã Thành Long	82,46	139,39	56,93
16	Xã Yên Lâm	63,87	77,33	13,46
17	Xã Yên Phú	139,45	165,45	26,00
18	Xã Yên Thuận	153,67	174,62	20,96
Toàn huyện		1.702,88	2.182,55	479,68

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

* Các công trình, dự án xác định trong kỳ quy hoạch sử dụng đất, dự kiến sẽ có 369 công trình về lĩnh vực phát triển hạ tầng, trong đó:

- Về đất giao thông: Có 72 công trình, gồm: Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang: đoạn qua tỉnh Tuyên Quang (Giai đoạn 1: 213,4 ha); Dự án nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 189, km0+00 - km57+00 (xã Bình Xa, thôn Lục Khang xã Yên Thuận); ...

Diện tích đất giao thông đến năm 2030 có 1.260,00ha, tăng 273,55 ha so với năm 2021, giảm 38,46 ha so với QĐ 253. Diện tích đất giao thông được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

Bảng 26. Chỉ tiêu quy hoạch đất giao thông

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	87,07	118,51	31,44
2	Xã Bạch Xa	27,57	49,41	21,84
3	Xã Bình Xa	41,81	47,09	5,28
4	Xã Bằng Cốc	38,75	46,04	7,29
5	Xã Đức Ninh	67,29	75,67	8,38
6	Xã Hùng Đức	66,79	83,98	17,19
7	Xã Minh Dân	28,72	40,28	11,56
8	Xã Minh Hương	59,74	60,34	0,60
9	Xã Minh Khương	35,81	49,51	13,70
10	Xã Nhân Mục	33,16	34,51	1,35
11	Xã Phù Lưu	61,05	83,40	22,35
12	Xã Tân Thành	78,79	94,79	16,00
13	Xã Thái Hòa	50,37	79,77	29,40
14	Xã Thái Sơn	52,51	69,77	17,26
15	Xã Thành Long	53,74	103,54	49,80
16	Xã Yên Lâm	54,46	58,74	4,28
17	Xã Yên Phú	95,05	102,68	7,63
18	Xã Yên Thuận	53,77	62,00	8,23
Toàn huyện		986,45	1.260,00	273,55

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

- Về đất thủy lợi: Có 41 công trình, gồm: Hồ thủy lợi Cảnh Sinh; Kè chống sạt lở suối Bình Xa; Kè bờ sông đầu cầu Tân Yên, xã Tân Thành; Nâng cấp đập Thủy lợi thôn Cao Đường (bao gồm kênh dẫn); Công trình trạm cấp nước tập trung xã Minh Dân; Quy hoạch nâng cấp các hồ đập và hệ thống kênh mương đi kèm; ...

Diện tích đất thủy lợi đến năm 2030 có 326,41 ha, tăng 32,72 ha so với năm 2021, giảm 13,73 ha so với QĐ 253. Diện tích đất thủy lợi được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

Bảng 27. Chỉ tiêu quy hoạch đất thủy lợi

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	7,11	6,51	-0,60
2	Xã Bạch Xa	10,50	10,62	0,12
3	Xã Bình Xa	12,83	13,83	1,00
4	Xã Bằng Cốc	0,61	0,81	0,20
5	Xã Đức Ninh	31,74	32,88	1,14
6	Xã Hùng Đức	14,28	22,15	7,87
7	Xã Minh Dân	3,25	9,05	5,80
8	Xã Minh Hương	16,88	18,74	1,86
9	Xã Minh Khương	1,40	1,74	0,34
10	Xã Nhân Mục	14,94	14,94	0,00
11	Xã Phù Lưu	6,73	7,45	0,72
12	Xã Tân Thành	47,39	48,47	1,08
13	Xã Thái Hòa	37,59	40,43	2,84
14	Xã Thái Sơn	57,50	60,16	2,66
15	Xã Thành Long	10,13	10,16	0,03
16	Xã Yên Lâm	0,54	0,69	0,15
17	Xã Yên Phú	8,00	10,51	2,51
18	Xã Yên Thuận	12,26	17,27	5,01
Toàn huyện		293,68	326,41	32,73

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

- Về đất văn hóa: Có 26 công trình, gồm: Trung tâm văn hóa - thể thao huyện Hàm Yên (địa điểm mới); Nhà bia ghi tên liệt sĩ TT Tân Yên (giáp Đình Thác Cắm); Nhà bia tưởng niệm xã Minh Khương; Nhà văn hóa TDP Tân Trung; Mở rộng khuôn viên nhà văn hóa các thôn;... Diện tích đất văn hóa đến năm 2030 có 31,53 ha, tăng 2,77 ha so với năm 2021, tăng 0,03 ha so với QĐ 253. Diện tích đất văn hóa được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

Bảng 28. Chỉ tiêu quy hoạch đất văn hóa

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	3,84	5,70	1,86
2	Xã Bạch Xa	0,42	0,44	0,02
3	Xã Bình Xa	0,90	0,90	0,00
4	Xã Bằng Cốc	0,71	0,83	0,12
5	Xã Đức Ninh	3,22	3,42	0,20

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
6	Xã Hùng Đức	2,10	2,20	0,10
7	Xã Minh Dân	0,61	0,71	0,10
8	Xã Minh Hương	1,12	1,02	-0,10
9	Xã Minh Khương	1,34	1,37	0,03
10	Xã Nhân Mục	1,61	1,51	-0,10
11	Xã Phù Lưu	1,55	1,55	0,00
12	Xã Tân Thành	2,36	2,36	0,00
13	Xã Thái Hòa	2,52	2,54	0,02
14	Xã Thái Sơn	2,32	2,32	0,00
15	Xã Thành Long	1,41	1,39	-0,02
16	Xã Yên Lâm	0,58	0,58	0,00
17	Xã Yên Phú	1,20	1,54	0,34
18	Xã Yên Thuận	0,95	1,15	0,20
Toàn huyện		28,76	31,53	2,77

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

- Về đất cơ sở y tế: Có 3 công trình, dự án: mở rộng trung tâm y tế huyện Hàm Yên, quy hoạch xây dựng mới trạm y tế xã Bạch Xa, mở rộng khuôn viên trạm y tế xã Đức Ninh (vườn thuốc nam). Đến năm 2030, diện tích đất cơ sở y tế là 8,48 ha, tăng 1,02 ha so với năm 2021, không thay đổi so với QĐ 253. Diện tích đất y tế được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

Bảng 29. Chỉ tiêu quy hoạch đất cơ sở y tế

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	3,31	4,31	1,00
2	Xã Bạch Xa	0,11	0,26	0,15
3	Xã Bình Xa	0,21	0,21	0,00
4	Xã Bằng Cốc	0,11	0,11	0,00
5	Xã Đức Ninh	0,24	0,34	0,10
6	Xã Hùng Đức	0,15	0,15	0,00
7	Xã Minh Dân	0,11	0,11	0,00
8	Xã Minh Hương	0,51	0,40	-0,11
9	Xã Minh Khương	0,18	0,18	0,00
10	Xã Nhân Mục	0,41	0,41	0,00
11	Xã Phù Lưu	0,42	0,30	-0,12
12	Xã Tân Thành	0,24	0,24	0,00

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
13	Xã Thái Hòa	0,32	0,32	0,00
14	Xã Thái Sơn	0,32	0,32	0,00
15	Xã Thành Long	0,11	0,11	0,00
16	Xã Yên Lâm	0,42	0,42	0,00
17	Xã Yên Phú	0,19	0,19	0,00
18	Xã Yên Thuận	0,10	0,10	0,00
Toàn huyện		7,46	8,48	1,02

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

- Về đất cơ sở giáo dục - đào tạo: Có 53 công trình, dự án gồm: Trường mầm non, tiểu học xã Thái Sơn; Quy hoạch khuôn viên trường mầm non xã Bằng Cốc; Mở rộng trường mầm non xã Phù Lưu; Xây dựng điểm trường mầm non (Cây xoan, Cây Chanh vị trí mới);...

Đến năm 2030, diện tích đất cơ sở giáo dục - đào tạo là 88,72 ha, tăng 17,85 ha so với năm 2021, tăng 0,27 ha so với QĐ 253. Diện tích đất cơ sở giáo dục - đào tạo được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

Bảng 30. Chỉ tiêu quy hoạch đất cơ sở giáo dục – đào tạo

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	9,38	13,04	3,66
2	Xã Bạch Xa	2,56	4,36	1,80
3	Xã Bình Xa	2,43	2,46	0,03
4	Xã Bằng Cốc	1,43	3,06	1,63
5	Xã Đức Ninh	2,85	3,85	1,00
6	Xã Hùng Đức	3,79	5,36	1,57
7	Xã Minh Dân	2,34	2,82	0,48
8	Xã Minh Hương	3,86	4,89	1,03
9	Xã Minh Khương	3,25	3,28	0,03
10	Xã Nhân Mục	1,66	1,69	0,03
11	Xã Phù Lưu	6,28	8,97	2,69
12	Xã Tân Thành	7,05	8,00	0,95
13	Xã Thái Hòa	6,20	7,40	1,20
14	Xã Thái Sơn	3,67	3,97	0,30
15	Xã Thành Long	3,02	3,29	0,27
16	Xã Yên Lâm	3,59	3,99	0,40

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
17	Xã Yên Phú	4,84	5,04	0,20
18	Xã Yên Thuận	2,67	3,25	0,58
Toàn huyện		70,87	88,72	17,85

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

- Về đất thể dục - thể thao: Có 29 công trình, dự án được đăng ký trong kỳ quy hoạch. Trong đó, trọng điểm là dự án “Quy hoạch chi tiết xây dựng sân vận động huyện và khu dịch vụ thương mại thôn 3 Tân Yên, xã Tân Thành, huyện Hàm Yên”. Đây là điểm sân vận động chính của huyện, không chỉ là nơi tổ chức các giải bóng đá lớn và nhỏ, mà bên cạnh đó còn tổ chức các hoạt động văn hóa lớn của huyện Hàm Yên.

Đến năm 2030, diện tích đất thể dục - thể thao là 30,52 ha, tăng 3,56 ha so với năm 2021, tăng 14,27 ha so với QĐ 253. Diện tích đất thể dục - thể thao được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

Bảng 31. Chỉ tiêu quy hoạch đất thể dục – thể thao

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	0,04	0,34	0,30
2	Xã Bạch Xa	0,50	0,80	0,30
3	Xã Bình Xa	3,83	3,80	-0,03
4	Xã Bằng Cốc	0,78	1,08	0,30
5	Xã Đức Ninh	3,20	3,95	0,75
6	Xã Hùng Đức	1,26	1,76	0,50
7	Xã Minh Dân	0,35	0,14	-0,21
8	Xã Minh Hương	1,62	1,22	-0,40
9	Xã Minh Khương	1,01	1,01	0,00
10	Xã Nhân Mục	0,72	0,72	0,00
11	Xã Phù Lưu	2,29	1,14	-1,15
12	Xã Tân Thành	0,86	2,16	1,30
13	Xã Thái Hòa	4,28	4,33	0,05
14	Xã Thái Sơn	2,81	3,36	0,55
15	Xã Thành Long	1,41	2,21	0,80
16	Xã Yên Lâm	0,79	0,79	0,00
17	Xã Yên Phú	0,00	0,45	0,45
18	Xã Yên Thuận	1,21	1,26	0,05
Toàn huyện		26,96	30,52	3,56

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

- Về đất năng lượng: Có 60 công trình, dự án trong kỳ quy hoạch, bao gồm Dự án thủy điện sông Lô 7, Dự án thủy điện Sông Lô 8A (Bổ sung); Các trạm biến áp, hệ thống chân cột, đường dây tại các xã trên địa bàn huyện).

Đến năm 2030, diện tích đất năng lượng là 221,50 ha, tăng 99,43 ha so với năm 2021, giảm 0,22 ha so với QĐ 253. Diện tích đất năng lượng được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

Bảng 32. Chỉ tiêu quy hoạch đất năng lượng

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	7,97	15,70	7,74
2	Xã Bạch Xa	0,33	6,35	6,02
3	Xã Bình Xa	0,01	3,48	3,47
4	Xã Bằng Cốc	0,00	4,84	4,84
5	Xã Đức Ninh	0,66	4,72	4,06
6	Xã Hùng Đức	0,00	5,17	5,17
7	Xã Minh Dân	7,38	12,30	4,92
8	Xã Minh Hương	0,00	4,64	4,64
9	Xã Minh Khương	0,00	5,26	5,26
10	Xã Nhân Mục	0,00	3,87	3,87
11	Xã Phù Lưu	0,00	6,05	6,05
12	Xã Tân Thành	5,38	14,26	8,88
13	Xã Thái Hòa	0,54	4,93	4,39
14	Xã Thái Sơn	4,94	9,42	4,48
15	Xã Thành Long	2,86	7,62	4,76
16	Xã Yên Lâm	0,03	6,09	6,06
17	Xã Yên Phú	12,09	19,85	7,76
18	Xã Yên Thuận	79,88	87,03	7,15
Toàn huyện		122,07	221,50	99,43

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

- Về đất bưu chính, viễn thông: Có 3 công trình, dự án gồm: Điểm bưu điện các xã Bạch Xa, Minh Dân, Nhân Mục.

Đến năm 2030, diện tích đất bưu chính, viễn thông là 0,65 ha, tăng 0,06 ha so với năm 2021, giảm 0,01 ha so với QĐ 253. Diện tích đất bưu chính, viễn thông được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

Bảng 33. Chỉ tiêu quy hoạch đất bưu chính, viễn thông

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	0,13	0,13	0,00
2	Xã Bạch Xa	0,01	0,05	0,04
3	Xã Bình Xa	0,04	0,04	0,00
4	Xã Bằng Cốc	0,00	0,00	0,00
5	Xã Đức Ninh	0,01	0,01	0,00
6	Xã Hùng Đức	0,02	0,02	0,00
7	Xã Minh Dân	0,02	0,03	0,01
8	Xã Minh Hương	0,02	0,02	0,00
9	Xã Minh Khương	0,03	0,03	0,00
10	Xã Nhân Mục	0,03	0,04	0,01
11	Xã Phù Lưu	0,01	0,01	0,00
12	Xã Tân Thành	0,02	0,02	0,00
13	Xã Thái Hòa	0,02	0,02	0,00
14	Xã Thái Sơn	0,06	0,06	0,00
15	Xã Thành Long	0,03	0,03	0,00
16	Xã Yên Lâm	0,03	0,03	0,00
17	Xã Yên Phú	0,09	0,09	0,00
18	Xã Yên Thuận	0,02	0,02	0,00
Toàn huyện		0,59	0,65	0,06

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

- Về có di tích lịch sử - văn hóa: Trong kỳ quy hoạch có 12 công trình, dự án, gồm: Di tích di tích Xưởng quân giới J3, xã Thái Sơn; Di tích di tích Xưởng quân giới xã Nhân Mục; Di tích Ngân hàng Quốc gia Việt Nam; Di tích hội nghị công thương trung ương,... Đến năm 2030, diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa là 13,02 ha, tăng 9,10 ha so với năm 2021, tăng 0,39 ha so với QĐ 253. Diện tích có di tích lịch sử - văn hóa được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

Bảng 34. Chỉ tiêu quy hoạch đất có di tích lịch sử - văn hóa

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	0,00	0,00	0,00
2	Xã Bạch Xa	0,00	0,00	0,00
3	Xã Bình Xa	0,00	0,00	0,00
4	Xã Bằng Cốc	0,00	2,50	2,50
5	Xã Đức Ninh	0,00	0,43	0,43

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
6	Xã Hùng Đức	0,00	0,00	0,00
7	Xã Minh Dân	0,00	0,00	0,00
8	Xã Minh Hương	0,00	0,37	0,37
9	Xã Minh Khương	0,00	0,00	0,00
10	Xã Nhân Mục	0,00	0,47	0,47
11	Xã Phù Lưu	0,00	0,10	0,10
12	Xã Tân Thành	0,00	0,00	0,00
13	Xã Thái Hòa	0,00	0,00	0,00
14	Xã Thái Sơn	0,00	0,13	0,13
15	Xã Thành Long	0,22	0,42	0,20
16	Xã Yên Lâm	0,00	0,00	0,00
17	Xã Yên Phú	3,70	8,60	4,90
18	Xã Yên Thuận	0,00	0,00	0,00
Toàn huyện		3,92	13,02	9,10

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

- Về bãi thải, xử lý chất thải: Trong kỳ quy hoạch có 24 công trình, dự án, gồm: Quy hoạch điểm tập kết, trung chuyển rác thải rắn và rác thải sinh hoạt xã Bạch Xa, quy hoạch điểm tập kết, trung chuyển rác thải rắn và rác thải sinh hoạt xã Minh Khương, khu xử lý nước thải sinh hoạt xã Bạch Xa,...

Thực hiện mục tiêu huyện Nông thôn mới, tỷ lệ thu gom và xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường đối với chất thải nguy hại, chất thải y tế đạt 100%; tỷ lệ thu gom và xử lý hợp vệ sinh môi trường đối với các loại chất thải rắn tại khu dân cư nông thôn đạt 75%; tỷ lệ thu gom và xử lý hợp vệ sinh môi trường đối với rác thải sinh hoạt ở khu vực đô thị đạt 95%; tỷ lệ các khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt 100%. Đảm bảo các tiêu chí về môi trường theo tiêu chí huyện Nông thôn mới vào năm 2025.

Đến năm 2030, diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải là 18,07 ha, tăng 15,81 ha so với năm 2021, giảm 0,93 ha so với QĐ 253. Diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

Bảng 35. Chỉ tiêu quy hoạch đất bãi thải, xử lý chất thải

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	0,00	0,32	0,32
2	Xã Bạch Xa	0,00	0,15	0,15

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
3	Xã Bình Xa	0,46	0,48	0,02
4	Xã Bằng Cốc	0,00	0,02	0,02
5	Xã Đức Ninh	0,00	0,04	0,04
6	Xã Hùng Đức	0,00	0,02	0,02
7	Xã Minh Dân	0,00	6,05	6,05
8	Xã Minh Hương	0,00	0,01	0,01
9	Xã Minh Khương	0,00	0,02	0,02
10	Xã Nhân Mục	0,00	0,02	0,02
11	Xã Phù Lưu	0,00	3,70	3,70
12	Xã Tân Thành	0,00	0,02	0,02
13	Xã Thái Hòa	0,00	0,02	0,02
14	Xã Thái Sơn	0,00	5,09	5,09
15	Xã Thành Long	0,00	0,20	0,20
16	Xã Yên Lâm	0,00	0,02	0,02
17	Xã Yên Phú	1,80	1,85	0,05
18	Xã Yên Thuận	0,00	0,04	0,04
Toàn huyện		2,26	18,07	15,81

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

- Về cơ sở tôn giáo: Trong kỳ quy hoạch có 10 công trình, dự án, gồm: Chùa Tân An, thị trấn Tân Yên; Nhà thờ họ giáo Yên Hương xã Yên Phú; Họ Tân Yên thị trấn Tân Yên; Họ giáo Tân Bình xã Bình Xa;...

Đến năm 2030, diện tích cơ sở tôn giáo là 7,28 ha, tăng 5,35 ha so với năm 2021, giảm 0,01 ha so với QĐ 253. Diện tích đất cơ sở tôn giáo được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

Bảng 36. Chỉ tiêu quy hoạch đất cơ sở tôn giáo

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	0,17	4,15	3,98
2	Xã Bạch Xa	0,98	1,10	0,12
3	Xã Bình Xa	0,22	0,57	0,35
4	Xã Bằng Cốc	0,00	0,00	0,00
5	Xã Đức Ninh	0,00	0,00	0,00
6	Xã Hùng Đức	0,00	0,00	0,00
7	Xã Minh Dân	0,26	0,40	0,14
8	Xã Minh Hương	0,00	0,10	0,10

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
9	Xã Minh Khương	0,00	0,00	0,00
10	Xã Nhân Mục	0,00	0,00	0,00
11	Xã Phù Lưu	0,00	0,00	0,00
12	Xã Tân Thành	0,07	0,07	0,00
13	Xã Thái Hòa	0,12	0,12	0,00
14	Xã Thái Sơn	0,00	0,50	0,50
15	Xã Thành Long	0,11	0,11	0,00
16	Xã Yên Lâm	0,00	0,05	0,05
17	Xã Yên Phú	0,00	0,06	0,06
18	Xã Yên Thuận	0,00	0,05	0,05
Toàn huyện		1,93	7,28	5,35

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

- Về đất làm nghĩa trang, nhà hỏa táng, nhà tang lễ: Trong kỳ quy hoạch có 27 công trình, dự án, gồm: Xây dựng, mở rộng nghĩa trang tập trung của xã tại thôn 2 Minh Thái, xã Thái Sơn; Mở rộng nghĩa trang nhân dân Đồng Bằng; Quy hoạch nghĩa trang thôn 1 Thái Thủy;...

Đến năm 2030, diện tích đất làm nghĩa trang, nhà hỏa táng, nhà tang lễ là 157,00 ha, tăng 10,49 ha so với năm 2021, giảm 33,63 ha so với QĐ 253. Diện tích đất làm nghĩa trang, nhà hỏa táng, nhà tang lễ được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

Bảng 37. Chỉ tiêu quy hoạch đất làm nghĩa trang, nhà hỏa táng, nhà tang lễ

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	7,78	9,72	1,94
2	Xã Bạch Xa	2,27	3,27	1,00
3	Xã Bình Xa	6,57	7,00	0,43
4	Xã Bằng Cốc	1,03	1,48	0,45
5	Xã Đức Ninh	17,74	15,41	-2,33
6	Xã Hùng Đức	6,14	7,84	1,70
7	Xã Minh Dân	3,88	4,88	1,00
8	Xã Minh Hương	6,47	6,47	0,00
9	Xã Minh Khương	4,14	5,34	1,20
10	Xã Nhân Mục	11,94	11,94	0,00
11	Xã Phù Lưu	12,51	12,81	0,30
12	Xã Tân Thành	13,26	13,76	0,50
13	Xã Thái Hòa	10,87	10,67	-0,20

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
14	Xã Thái Sơn	15,09	16,09	1,00
15	Xã Thành Long	9,03	9,93	0,90
16	Xã Yên Lâm	3,18	4,18	1,00
17	Xã Yên Phú	12,16	13,76	1,60
18	Xã Yên Thuận	2,45	2,45	0,00
Toàn huyện		146,51	157,00	10,49

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

- Về đất chợ: Trong kỳ quy hoạch có 9 công trình, dự án gồm: Quy hoạch xây dựng chợ tại thôn 2 Thái Thủy; Quy hoạch chợ Sép xã Minh Dân; Quy hoạch mở rộng chợ trung tâm xã Đức Ninh; Quy hoạch chi tiết xây dựng chợ xã Tân Thành, huyện Hàm Yên;... Đến năm 2030, diện tích đất chợ là 18,39 ha, tăng 6,96 ha so với năm 2021, tăng 1,26 ha so với QĐ 253. Diện tích đất chợ được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

Bảng 38. Chỉ tiêu quy hoạch đất chợ

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	0,63	1,63	1,00
2	Xã Bạch Xa	0,71	0,00	-0,71
3	Xã Bình Xa	0,41	0,41	0,00
4	Xã Bằng Cốc	0,64	0,64	0,00
5	Xã Đức Ninh	0,43	0,55	0,12
6	Xã Hùng Đức	1,18	0,98	-0,20
7	Xã Minh Dân	0,44	0,21	-0,23
8	Xã Minh Hương	0,34	0,34	0,00
9	Xã Minh Khương	0,57	0,62	0,05
10	Xã Nhân Mục	1,29	1,29	0,00
11	Xã Phù Lưu	0,47	1,07	0,60
12	Xã Tân Thành	1,73	5,81	4,08
13	Xã Thái Hòa	0,75	0,75	0,00
14	Xã Thái Sơn	0,52	1,12	0,60
15	Xã Thành Long	0,39	0,39	0,00
16	Xã Yên Lâm	0,25	1,75	1,50
17	Xã Yên Phú	0,33	0,83	0,50
18	Xã Yên Thuận	0,35	0,00	-0,35
Toàn huyện		11,43	18,39	6,96

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

- Về đất khu vui chơi giải trí công cộng: Trong kỳ quy hoạch có 4 công trình, dự án gồm: Khu vui chơi, giải trí tổng hợp, công viên cây xanh xã Phù Lưu; Khu vui chơi, giải trí tổng hợp, công viên cây xanh xã Nhân Mục; Khu vui chơi, giải trí tổng hợp, công viên cây xanh xã Thái Sơn; Khu vui chơi, giải trí tổng hợp, công viên cây xanh xã Yên Thuận.

Đến năm 2030, diện tích đất chợ là 3,58 ha, tăng 3,20 ha so với năm 2021, giảm 4,50 ha so với QĐ 253. Diện tích đất khu vui chơi giải trí công cộng được phân bổ trong kỳ quy hoạch cho các xã như sau:

Bảng 39. Chỉ tiêu quy hoạch đất khu vui chơi giải trí công cộng

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	0,38	0,38	0,00
2	Xã Bạch Xa	0,00	0,00	0,00
3	Xã Bình Xa	0,00	0,00	0,00
4	Xã Bằng Cốc	0,00	0,00	0,00
5	Xã Đức Ninh	0,00	0,00	0,00
6	Xã Hùng Đức	0,00	0,00	0,00
7	Xã Minh Dân	0,00	0,00	0,00
8	Xã Minh Hương	0,00	0,00	0,00
9	Xã Minh Khương	0,00	0,00	0,00
10	Xã Nhân Mục	0,00	0,70	0,70
11	Xã Phù Lưu	0,00	1,00	1,00
12	Xã Tân Thành	0,00	0,00	0,00
13	Xã Thái Hòa	0,00	0,00	0,00
14	Xã Thái Sơn	0,00	1,00	1,00
15	Xã Thành Long	0,00	0,00	0,00
16	Xã Yên Lâm	0,00	0,00	0,00
17	Xã Yên Phú	0,00	0,00	0,00
18	Xã Yên Thuận	0,00	0,50	0,50
Toàn huyện		0,38	3,58	3,20

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

* Đất ở (đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị):

Đến năm 2030, đất ở có 1.286,68 ha, bình quân diện tích sàn/người toàn huyện đạt 104,46 m²/người. Trong đó:

+ Đất ở tại nông thôn:

- Đất ở tại nông thôn quy hoạch đến năm 2030 có diện tích là 1.202,05 ha, tăng 144,18 ha so với hiện trạng năm 2021, giảm 9,76 ha so với QĐ 253 và dự kiến tăng trong thời gian tới dưới sự phát triển nông thôn mới trên toàn địa bàn huyện. Trong kỳ ĐCQHSD đất dự kiến sẽ có 96 công trình, dự án được thực hiện. Chủ yếu phát triển khu, điểm dân cư nông thôn dọc theo ven các tuyến trục đường chính, trung tâm các xã.

- Diện tích đất ở tại nông thôn tăng do các loại đất sau chuyển sang: Đất trồng lúa (49,25 ha); đất trồng cây hàng năm khác (41,29 ha); đất trồng cây lâu năm (44,91 ha); đất rừng sản xuất (22,64 ha); đất nuôi trồng thủy sản (3,20 ha); đất phát triển hạ tầng (1,57 ha); đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp (0,03 ha); đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (0,55 ha). Bên cạnh đó, trong kỳ quy hoạch diện tích đất ở tại nông thôn biến động giảm 19,27 ha do chuyển sang các loại đất sau: Đất thương mại, dịch vụ (0,44 ha); đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (19,27 ha); đất giao thông (16,92 ha); đất thủy lợi (0,07 ha); đất tổ chức sự nghiệp (0,05 ha);...

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

Diện tích đất ở nông thôn được phân bổ trong kỳ điều chỉnh quy hoạch cho các xã như sau:

Bảng 40. Chỉ tiêu quy hoạch đất ở tại nông thôn

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	0,00	0,00	0,00
2	Xã Bạch Xa	34,86	41,69	6,83
3	Xã Bình Xa	65,40	72,90	7,50
4	Xã Bằng Cốc	32,17	39,23	7,06
5	Xã Đức Ninh	72,41	75,51	3,10
6	Xã Hùng Đức	62,14	73,95	11,81
7	Xã Minh Dân	51,46	57,31	5,85
8	Xã Minh Hương	67,02	79,58	12,56
9	Xã Minh Khương	43,44	47,06	3,62
10	Xã Nhân Mục	34,14	37,94	3,80
11	Xã Phù Lưu	94,84	104,67	9,83
12	Xã Tân Thành	78,96	94,68	15,72
13	Xã Thái Hòa	107,52	114,16	6,64
14	Xã Thái Sơn	83,07	99,32	16,25
15	Xã Thành Long	64,23	66,44	2,21

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
16	Xã Yên Lâm	50,58	66,20	15,62
17	Xã Yên Phú	66,74	75,98	9,24
18	Xã Yên Thuận	48,90	55,44	6,54
Toàn huyện		1.057,88	1.202,05	144,18

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

- Đất ở tại đô thị:

Đất ở tại đô thị đến năm 2030 có diện tích là 93,10 ha, tăng 39,32 ha so với hiện trạng năm 2021, giảm 26,27 ha so với QĐ 253. Trong kỳ ĐCQHSD đất dự kiến sẽ có 10 công trình, dự án do huyện xác định như: Khu đô thị mới huyện Hàm Yên; Quy hoạch chi tiết xây dựng chỉnh trang đô thị tổ dân phố Tân Tiến, thị trấn Tân Yên; Quy hoạch đất ở dọc quốc lộ 2 giáp xã Thành Long; Quy hoạch chi tiết xây dựng chỉnh trang đô thị tổ dân phố Cầu Mới, thị trấn Tân Yên;...

Diện tích đất ở tại đô thị tăng do các loại đất chuyển sang: Đất trồng lúa (49,25 ha); đất trồng cây hàng năm khác (41,29 ha); Đất trồng cây lâu năm (44,91 ha); đất rừng sản xuất (22,64 ha); đất nuôi trồng thủy sản (3,20 ha); đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao (0,40 ha); đất giao thông (0,70 ha); đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (0,55 ha). Ngoài ra, trong kỳ quy hoạch diện tích đất ở đô thị biến động giảm 2,40 ha để chuyển sang các loại đất sau: Đất giao thông (1,24 ha); đất chợ (0,50 ha).

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

* Đất xây dựng trụ sở cơ quan:

Đến năm 2030, đất xây dựng trụ sở cơ quan là 25,12 ha, tăng 6,14 ha so với hiện trạng năm 2021, giảm 0,51 ha so với QĐ 253. Trong kỳ ĐCQHSD đất dự kiến có các công trình, dự án do cấp huyện xác định về trụ sở cơ quan, bao gồm: Mở rộng trụ sở làm việc của Đảng Ủy, HĐND và UBND xã Bạch Xa; Khu trung tâm hành chính mới xã Tân Thành; Trụ sở làm việc của Ban chỉ huy Quân sự các xã, thị trấn;...

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng do các loại đất sau chuyển sang: Đất trồng lúa (0,35 ha); Đất trồng cây hàng năm khác (6,30 ha); Đất trồng cây lâu năm (1,00 ha); Đất rừng sản xuất (0,30 ha); Đất cơ sở giáo dục, đào tạo (0,10 ha);.. Bên cạnh đó, trong kỳ quy hoạch diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan biến động giảm 2,97 ha để chuyển sang các loại đất sau: Đất an ninh (0,74 ha); Đất thương mại

dịch vụ (0,30 ha); Đất công trình bưu chính viễn thông (0,03 ha); Đất cơ sở văn hóa (1,17 ha);...

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan được phân bổ trong kỳ điều chỉnh quy hoạch cho các xã như sau:

Bảng 41. Chỉ tiêu quy hoạch đất xây dựng trụ sở cơ quan

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	8,03	6,10	-1,92
2	Xã Bạch Xa	0,53	0,82	0,29
3	Xã Bình Xa	0,64	0,85	0,21
4	Xã Bằng Cốc	1,74	2,09	0,36
5	Xã Đức Ninh	0,82	0,93	0,11
6	Xã Hùng Đức	0,68	0,97	0,29
7	Xã Minh Dân	0,36	0,89	0,53
8	Xã Minh Hương	0,39	0,80	0,41
9	Xã Minh Khương	0,22	0,51	0,29
10	Xã Nhân Mục	0,22	0,53	0,31
11	Xã Phù Lưu	0,61	0,92	0,31
12	Xã Tân Thành	0,88	3,59	2,71
13	Xã Thái Hòa	1,50	1,53	0,03
14	Xã Thái Sơn	0,80	1,41	0,61
15	Xã Thành Long	0,15	0,41	0,26
16	Xã Yên Lâm	0,85	1,55	0,70
17	Xã Yên Phú	0,24	0,60	0,36
18	Xã Yên Thuận	0,33	0,69	0,36
Toàn huyện		18,98	25,12	6,14

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

* Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:

Đến năm 2030 có diện tích là 0,25 ha, không thay đổi so với năm 2021 và QĐ 253.

* Đất cơ sở tín ngưỡng:

Đến năm 2030 có diện tích là 1,65 ha, không thay đổi so với năm 2021, tăng 0,01 ha so với QĐ 253.

* Đất sông ngòi, kênh, rạch suối:

Trong kỳ quy hoạch, diện tích đất sông, suối đạt 1.458,19 ha, giảm 89,07 ha so với hiện trạng năm 2021, giảm 91,17 ha so với QĐ 253 để chuyển sang các mục

đích phát triển hạ tầng và đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp. Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch suối được phân bổ trong kỳ điều chỉnh quy hoạch cho các xã như sau:

Bảng 42. Chỉ tiêu quy hoạch đất sông ngòi, kênh, rạch suối

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	68,83	61,71	-7,12
2	Xã Bạch Xa	85,76	81,90	-3,86
3	Xã Bình Xa	91,30	87,37	-3,94
4	Xã Bằng Cốc	33,84	30,42	-3,42
5	Xã Đức Ninh	57,33	52,57	-4,77
6	Xã Hùng Đức	52,40	42,24	-10,17
7	Xã Minh Dân	72,73	67,82	-4,92
8	Xã Minh Hương	58,74	53,70	-5,05
9	Xã Minh Khương	64,79	60,56	-4,24
10	Xã Nhân Mục	22,01	18,60	-3,42
11	Xã Phù Lư	96,31	92,30	-4,02
12	Xã Tân Thành	147,71	142,19	-5,53
13	Xã Thái Hòa	119,23	114,80	-4,44
14	Xã Thái Sơn	136,48	130,57	-5,91
15	Xã Thành Long	37,49	34,08	-3,42
16	Xã Yên Lâm	125,89	122,38	-3,52
17	Xã Yên Phú	198,98	193,02	-5,97
18	Xã Yên Thuận	77,45	72,04	-5,42
Toàn huyện		1.547,26	1.458,19	-89,07

Nguyên nhân giảm do chuyển sang các loại đất sau: đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (0,40 ha); đất giao thông (0,24 ha); đất thủy lợi (22,71 ha); đất ở nông thôn (0,55 ha); đất ở tại đô thị (3,70 ha),...

(Danh mục các công trình dự án chi tiết tại Biểu 10/CH)

2.2.3.3. Đất chưa sử dụng

Đến năm 2030, đất chưa sử dụng có diện tích 390,60 ha, giảm 51,49 ha do chuyển sang các loại đất sau: đất thương mại, dịch vụ (3,00 ha); đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (ha); đất cho hoạt động khoáng sản (13,60 ha); đất thủy lợi (0,50 ha); đất có di tích lịch sử - văn hóa (4,90 ha). Trong kỳ quy hoạch đã khai thác tiềm năng của nhóm đất này để đưa vào sử dụng và chuyển sang một số loại đất chính như sau:

Bảng 43. Chỉ tiêu quy hoạch đất chưa sử dụng

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích hiện trạng 2021 (ha)	Phương án QH đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Biến động (ha)
1	TT Tân Yên	10,55	10,55	0,00
2	Xã Bạch Xa	6,80	6,80	0,00
3	Xã Bình Xa	6,54	6,04	-0,50
4	Xã Bằng Cốc	1,86	1,86	0,00
5	Xã Đức Ninh	0,00	0,00	0,00
6	Xã Hùng Đức	66,65	66,65	0,00
7	Xã Minh Dân	9,92	9,92	0,00
8	Xã Minh Hương	0,00	0,00	0,00
9	Xã Minh Khương	43,78	43,78	0,00
10	Xã Nhân Mục	2,29	2,29	0,00
11	Xã Phù Lưu	0,00	0,00	0,00
12	Xã Tân Thành	83,72	72,23	-11,49
13	Xã Thái Hòa	32,13	32,13	0,00
14	Xã Thái Sơn	1,52	1,52	0,00
15	Xã Thành Long	0,00	0,00	0,00
16	Xã Yên Lâm	0,00	0,00	0,00
17	Xã Yên Phú	163,53	124,04	-39,49
18	Xã Yên Thuận	12,78	12,78	0,00
Toàn huyện		442,08	390,60	-51,48

- Đối với phần diện tích chủ yếu là đất trồng, đồi núi trọc chuyển sang đất trồng rừng sản xuất, đất trồng cây lâu năm...

- Đối với phần diện tích đất chủ yếu là núi đá vôi, các khu vực có trữ lượng khoáng sản thì chuyển sang đất cho hoạt động khoáng sản;

2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng.

Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng trên địa bàn huyện Hàm Yên có 11 chỉ tiêu gồm: đất đô thị; khu sản xuất nông nghiệp; khu lâm nghiệp; khu du lịch; khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; khu phát triển công nghiệp; khu đô thị; khu thương mại, dịch vụ; khu đô thị - thương mại – dịch vụ; khu dân cư nông thôn; khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn.

a) Đất đô thị

Trên cơ sở đặc điểm lợi thế về điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội tài nguyên đất đai; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hàm Yên đến năm

2030; QHSD đất đô thị đến năm 2030 là 3.723,00 ha chiếm 4,13% không thay đổi so với hiện trạng năm 2021 và bằng với chỉ tiêu phân khai của tỉnh.

b, Khu vực sản xuất nông nghiệp

Đến năm 2030 đất sản xuất nông nghiệp có diện tích 23.594,00 ha, chiếm 26,20 % tổng diện tích đất tự nhiên. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp chủ yếu để phát triển các cây lâu năm có thể mạnh của huyện như: Quy hoạch vùng trồng cam huyện Hàm Yên (Gồm các xã TT Tân Yên, Yên Thuận, Bạch Xa, Minh Hương, Yên Lâm, Minh Dân, Phù Lưu, Minh Khương, Yên Phú, Tân Thành, Thái Sơn, Bằng Cốc),...

c, Khu lâm nghiệp

Trên cơ sở tổng hợp và cân đối chỉ tiêu sử dụng đất. Quy mô diện tích khu lâm nghiệp trên địa bàn huyện đến năm 2030 là 59.378,00 ha, chiếm 65,94 % tổng diện tích tự nhiên, giảm 2.913,20 ha so với năm 2021.

Trong phương án điều chỉnh quy hoạch đã đưa vào các dự án có chuyển đổi diện tích đất rừng sang đất cây lâu năm, đất thương mại - dịch vụ, đất sản xuất vật liệu xây dựng nhằm nâng cao nền kinh tế địa phương, tạo nguồn lao động việc làm nhưng tính toán vẫn đủ tỷ lệ bao phủ rừng an ninh lương thực trên địa bàn huyện.

d, Khu du lịch

Khu du lịch trên địa bàn huyện Hàm Yên với tổng diện tích 1.184,05 ha, chiếm 1,31 % đất tự nhiên toàn huyện. Trong phương án điều chỉnh quy hoạch giai đoạn 2021-2030 đã bổ sung một số dự án như: Khu du lịch sinh thái Hồ Khôn, Khu du lịch, vui chơi làng văn hóa thôn Pác Cáp,...

e, Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Đến năm 2030, trên cơ sở tổng hợp và cân đối chỉ tiêu sử dụng khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học do cấp tỉnh phân bổ và huyện xác định bổ sung quy mô diện tích khu vực khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn huyện là 5.560,00 ha, tập chung nhiều ở các xã Phù Lưu, Yên Thuận... chiếm 6,17% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

g, Khu phát triển công nghiệp

Khu vực phát triển công nghiệp trên địa bàn huyện Hàm Yên với tổng diện tích 127,00 ha, chiếm 0,14 % đất tự nhiên toàn huyện và tăng 112,15 ha so với diện tích năm 2021. Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch huyện đã sửa đổi diện tích 01 dự án là Cụm công nghiệp Tân Thành chuyển thành 57,41 ha.

h, Khu đô thị

Trên cơ sở tổng hợp và cân đối chỉ tiêu sử dụng đất ở tại đô thị do cấp tỉnh phân bổ và huyện xác định bổ sung đến năm 2030, quy mô diện tích khu vực đất đô thị trên địa bàn huyện là 35,00 ha, tăng 18,78 ha so với năm 2021, chiếm 0,04 % tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

i) Khu thương mại – dịch vụ

Quy mô diện tích khu vực đất thương mại – dịch vụ trên địa bàn huyện đến năm 2030 là 66,00 ha, tăng 49,76 ha so với năm 2021, chiếm 0,07 % tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

Trong phương án điều chỉnh quy hoạch giai đoạn 2021-2030 đã bổ sung một số dự án như: khu du lịch sinh thái Hồ Ô rô, quy hoạch khu dịch vụ thương mại, giải trí xã Phù Lưu + kết hợp điểm tổ chức đua ngựa, khu du lịch, vui chơi làng văn hóa thôn Pác Cáp,...

k) Khu vực đô thị - thương mại - dịch vụ

Tổng diện tích đất khu vực phát triển đô thị - thương mại - dịch vụ huyện Hàm Yên đến năm 2030 là 113,23 ha, chiếm 0,13 % trong tổng diện tích đất tự nhiên toàn huyện. Khu vực phát triển theo hình thức kinh doanh thương mại - dịch vụ tập trung ở thị trấn Hàm Yên với các quỹ đất lớn quy hoạch cho mục đích thương mại và khu vực trung tâm huyện.

l) Khu dân cư nông thôn

Đối với khu dân cư nông thôn, theo phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của huyện Hàm Yên giai đoạn 2021-2030 đến năm 2030 diện tích khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện là 10.620,20 ha, chiếm 11,79 % tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

m) Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn

Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn phân bố tập trung tại các xã như xã Đức Ninh, xã Phù Lưu, xã Tân Thành, xã Thái Hòa, xã Thái Sơn, xã Yên Phú,.. diện tích đất là 1.262,82 ha, tăng 167,75 ha chiếm 1,40 % tổng diện tích đất tự nhiên. Trong tương lai cần mở rộng thêm ra các xã khác để tạo nguồn lực phát triển kinh tế, xã hội.

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

3.1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cho thấy về chỉ tiêu sử dụng đất các cấp, các ngành là phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2030 và là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong giai đoạn 2021-2030 huyện Hàm Yên như sau:

Bảng 44: Ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong giai đoạn 2021-2030 huyện Hàm Yên

STT	Nội Dung	Huyện Hàm Yên		
		Diện tích (ha)	Giá TB (đồng/m ²)	Thành tiền (triệu đồng)
I	Tổng thu từ đất			1.560.353
1	Thu từ giao đất ở tại đô thị	41,72	1.600.000	667.520
2	Thu từ giao đất ở tại nông thôn	163,44	200.000	326.880
3	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	35,06	1.080.000	378.648
4	Thu thuế sử dụng đất			137.305
5	Thu lệ trước bạ, TNCN, Tiền SDD			50.000
II	Chi phí đền bù thu hồi đất, hỗ trợ, tái định cư			895.764
1	Đất trồng lúa	129,19	43.000	55.552
2	Đất trồng cây hàng năm khác	159,69	33.000	52.699
3	Đất trồng cây lâu năm	234,09	31.000	72.569
4	Đất trồng rừng sản xuất	592,63	12.000	71.115
5	Đất nuôi trồng thủy sản	22,70	27.000	6.129
6	Đất ở tại nông thôn	19,27	110.000	21.192
7	Đất ở tại đô thị	2,40	700.000	16.800
8	Chi hỗ trợ tái định cư			7.598
9	Chi hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm			592.111
III	Cân đối Thu - Chi			664.589

Giá trị ước thu từ đất trong giai đoạn quy hoạch là khoảng 1.560.353 triệu đồng.

Giá trị ước chi từ việc đền bù giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư, chuyển đổi nghề nghiệp đảm bảo an sinh xã hội khoảng: 895.764 triệu đồng.

Cân đối Thu - Chi trong giai đoạn năm 2021- 2030 là khoảng: 664.589 triệu đồng.

Theo phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hàm Yên cho thấy về chỉ tiêu sử dụng đất các cấp, các ngành là phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2030 và là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

Về phương diện kinh tế, thông qua phương án quy hoạch sử dụng đất, giá trị của đất được nâng lên, thúc đẩy sự hình thành và phát triển thị trường chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thị trường bất động sản, thị trường lao động, tạo ra nguồn vốn, nguồn lực vô cùng quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phương án quy hoạch sử dụng đất đã tạo ra quỹ đất cho sản xuất kinh doanh, dịch vụ và du lịch, đất ở đô thị và nông thôn.

Quỹ đất cho phát triển phi nông nghiệp được cân đối trên cơ sở kế hoạch phát triển, nâng cao giá trị, chuẩn hoá sản phẩm OCOP của huyện Hàm Yên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Hàm Yên lần thứ XXI, nhu cầu sử dụng đất các công trình dự án trọng điểm trên địa bàn huyện, đồng thời cân đối đầy đủ nhu cầu sử dụng đất của ngành, lĩnh vực, các xã trên địa bàn huyện. Quy hoạch sử dụng đất đã rà soát kỹ, phân bổ lại nhu cầu đất cho các công trình trọng điểm: cụm công nghiệp Tân Thành, cụm công nghiệp phía Nam huyện Hàm Yên; khu đô thị, điểm dân cư; các khu đất sản xuất hàng hoá đặc sản, khu đất dịch vụ - thương mại, du lịch để đảm bảo sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí đất đai. Vì đây chính là các nguồn thu chủ yếu từ đất đai trên địa bàn huyện Hàm Yên.

3.2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực

An ninh lương thực là nền tảng quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội, phương án quy hoạch sử dụng đất huyện Hàm Yên. Đến năm 2030, Nhóm đất nông nghiệp: 83.770,00ha, chiếm 93,02 % tổng diện tích tự nhiên toàn huyện. Trong đó xác định diện tích đất trồng lúa cần duy trì là 3.718,80 ha. Quỹ đất lúa cần bảo vệ theo phương án điều chỉnh quy hoạch không những đảm bảo an ninh lương thực cho huyện Hàm Yên mà còn góp phần đảm bảo an ninh lương thực cho tỉnh. Quy hoạch sử dụng đất lúa để nâng cao hiệu quả sản xuất với điều kiện không làm mất các yếu tố phù hợp để trồng lúa, khi cần thiết có thể quay lại trồng lúa mà không phải đầu tư lớn, đồng thời phải phù hợp với hiện trạng cơ sở hạ tầng của địa phương và gắn với xây dựng nông thôn mới.

Ngoài ra, trong phương án điều chỉnh quy hoạch đã bố trí quỹ đất phát triển vùng chuyên trồng cam với diện tích khoảng 922,9 ha, đảm bảo công ăn việc làm ổn định đời sống của nhân dân trên địa bàn huyện.

Tuy nhiên trong phương án điều chỉnh quy hoạch đất trồng cây hàng năm giảm 233,65 ha do việc đầu tư các công trình hạ tầng, cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư nông thôn... nhưng vẫn đảm bảo an ninh lương thực cả trước mắt và lâu dài, nâng cao chất lượng sử dụng đất, nước, lao động và nguồn vốn; nâng cao thu nhập và đời sống của nhân dân.

3.3. Đánh tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất

Đến năm 2030, với những tiềm năng, thế mạnh của huyện Hàm Yên trong lĩnh vực thương mại, du lịch, dịch vụ, giáo dục đào tạo cũng như các khu, cụm công nghiệp đi vào hoạt động sẽ thu hút nhu cầu lao động lớn trong tỉnh và vùng phụ cận... Phương án quy hoạch sử dụng đất đã xem xét cả nhu cầu đất ở tái định cư khi giải phóng mặt bằng xây dựng các khu đô thị - công nghiệp và quỹ đất đấu giá đầu tư hạ tầng cho các cụm công nghiệp.

Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất có diện tích đất ở tại nông thôn tăng thêm 144,18 ha và đất ở đô thị tăng thêm là 39,32 ha. Do đó, phương án hoàn toàn đảm bảo được việc giải quyết quỹ đất ở trên địa bàn huyện đến năm 2030. Diện tích đất ở tăng thêm được xác định trên cơ sở đăng ký nhu cầu của các địa phương, có xét đến khả năng thực hiện đối với mỗi dự án. Giải quyết quỹ đất ở tăng thêm chủ yếu thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, xây dựng các khu đô thị mới, các khu dân cư gắn với các cụm công nghiệp. Tại các khu dân cư hiện có, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất với các diện tích xen kẹt, chuyển diện tích đất vườn ao liền kề sang đất ở.

Trong giai đoạn 2021 - 2030, cũng xác định diện tích đất ở tại nông thôn giảm 19,27 ha và đất ở tại đô thị giảm là 2,40 ha do chuyển sang các mục đích sử dụng khác, trong đó chủ yếu là phục vụ xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng giao thông. Quá trình thực hiện theo lộ trình nên có nhiều điều kiện để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực.

Việc chuyển 1.141,19 ha đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp (đặc biệt chuyển 167,83 ha đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp) sẽ làm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất của các hộ gia đình, lao động nông nghiệp không còn đất sản xuất hoặc thiếu đất sản xuất nông nghiệp. Do đó, khi thực hiện các dự án cần lập phương án khả thi, thực hiện tốt chính sách đền bù, hỗ trợ tái định cư, chuyển đổi ngành nghề cho những người mất đất sản xuất.

3.4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng

Quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện Hàm Yên cần một lượng lớn quỹ đất để đáp ứng nhu cầu phát triển, định hướng theo những giá trị địa phương đang có để tận dụng tối đa, tạo thuận lợi để phát triển bền vững.

Đến năm 2025, thị trấn Tân Yên sẽ phấn đấu cơ bản trở thành đô thị loại IV, hai trung tâm xã Thái Sơn và Phù Lưu trở thành đô thị loại V. Muốn phát triển kinh tế xã hội của huyện thì việc phát triển đô thị là điều tất yếu. Trong quá trình phát triển đó, vấn đề thu hồi, giải phóng mặt bằng lấy đất để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ... đã và đang ảnh hưởng lớn đến cơ cấu sử dụng đất đai của huyện. Nội dung phương án quy hoạch sử dụng đất của huyện Hàm Yên được xây dựng nhằm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở định hướng sử dụng đất phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương cũng như phát huy những lợi thế của huyện nhằm mục tiêu phát triển kinh tế.

Bên cạnh đó, sự gia tăng dân số do quá trình đô thị hóa đã thu hút một lượng lớn người dân dịch chuyển từ nông thôn ra thành thị. Phương án quy hoạch sử dụng đất đã tính toán cân đối nhu cầu đất ở của dân cư đô thị của huyện Hàm Yên trong quá trình đô thị hóa.

Đất phát triển hạ tầng của huyện trong kỳ quy hoạch đến năm 2030 là 2.182,55 ha để xây dựng thêm các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và hạ tầng kinh tế, tạo tiền đề để phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, trên cơ sở phát triển song song vừa đảm bảo tận dụng quỹ đất và không gây ảnh hưởng đến môi trường. Diện tích đất tăng thêm được bố trí cho các mục đích phát triển hạ tầng đã góp phần thúc đẩy kinh tế huyện Hàm Yên phát triển theo hướng bền vững dựa trên những ưu đãi về thiên nhiên, khí hậu sẵn có trên địa bàn huyện, phát triển nhưng không mất đi những giá trị cốt lõi; đưa các chỉ tiêu xã hội hóa của huyện đạt mức trung bình của tỉnh, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tuyên Quang.

3.5. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đối với việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc

Trong phương án quy hoạch cũng đã thể hiện rõ những mục tiêu, nhiệm vụ và quan điểm trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa với phát triển du lịch và hoạt động thông tin đối ngoại nhằm truyền bá sâu rộng các giá trị văn hóa trong công chúng. Giữ gìn nguyên vẹn và đầy đủ các di tích đã và đang được xếp hạng, không để xuống cấp, tồn thất hoặc bị hủy hoại.

QHSD đất đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ cảnh quan và tạo điều kiện tốt nhất cho nhân dân tham gia các dịch vụ nâng cao đời sống. Quy hoạch phải tuân thủ đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà nước, đặc biệt là Luật Di sản văn hóa; tôn trọng, giữ gìn tối đa các di tích gốc, đặc điểm di tích, phục hồi các di tích phải đảm bảo tính khoa học, khách quan; phục hồi lại rừng, chú trọng trồng các loại cây bản địa, bảo đảm tạo dấu ấn sâu sắc đối với du khách. Phải lựa chọn vị trí phù hợp; bố trí lại khu đón tiếp, nhà ban quản lý, khu dịch vụ, bãi đỗ xe bảo đảm không ảnh hưởng quá lớn đến quỹ đất sản xuất nông nghiệp của nhân dân. Đồng thời, chú trọng bảo vệ môi trường, thu gom xử lý rác thải tại các điểm du lịch; xây dựng các tua, tuyến du lịch trong khoảng thời gian hợp lý nhất tạo điều kiện tốt cho du khách tham quan...

3.6. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ

Theo phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất lâm nghiệp là 59.377,71 ha, chiếm 65,94 % tổng diện tích tự nhiên, trong đó rừng sản xuất có diện tích 45.029,79 ha, đất rừng phòng hộ có diện tích 8.788,26 ha và rừng đặc dụng là 5.559,66 ha. Trong phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất hạn chế việc sử dụng đất rừng phòng hộ giảm (102,82 ha) và giữ nguyên đất rừng đặc dụng. Việc hạn chế sử dụng đất rừng phòng hộ và rừng đặc dụng với mục đích là bảo vệ rừng đảm bảo hệ sinh thái luôn cân bằng, vừa bảo đảm khả năng tái tạo và sử dụng rừng một cách tối ưu. Nâng cao chất lượng rừng và bảo đảm duy trì diện tích rừng phòng hộ, trồng và thay thế diện tích rừng bảo vệ tốt môi trường sinh thái, bảo vệ đất đai, điều hoà nguồn nước... và góp phần tích cực vào tăng trưởng kinh tế.

Phương án đã định hướng việc bố trí địa điểm thu gom, xử lý các loại chất thải rắn (18,07 ha) phát sinh trên địa bàn; đồng thời quy hoạch sắp xếp lại các nghĩa trang nghĩa địa theo hướng tập trung nhằm tiết kiệm quỹ đất và đảm bảo vệ sinh môi trường và đảm bảo các tiêu chí nông thôn mới.

Phần III

GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Đề phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 của huyện được triển khai một cách đầy đủ, kịp thời, có hiệu quả, cần thực hiện đồng bộ một số biện pháp và giải pháp sau:

I. GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất.

- Áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp với điều kiện đất đai thực tế của huyện nhằm nâng cao độ phì nhiêu của đất để sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp, tránh khai thác quá mức làm thoái hóa đất.

- Hạn chế sử dụng quá nhiều phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp - thủy sản, tích cực làm giàu đất, chống ô nhiễm môi trường đất.

- Kết hợp nuôi trồng thủy sản trên diện tích đất có mặt nước chuyên dùng, tích cực đưa mặt nước hoang hóa vào sử dụng.

- Đẩy mạnh việc khoanh nuôi, bảo vệ, trồng mới rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, giao đất giao rừng tới các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, nhằm bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn. Trồng cây xanh phân tán trong các khu vực phát triển đô thị, cụm công nghiệp.

- Giám sát kỹ phân đánh giá môi trường và giải pháp xử lý chất thải, nước thải trong các dự án đầu tư, kiên quyết loại bỏ các dự án không đáp ứng yêu cầu về môi trường.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ các doanh nghiệp sản xuất có yếu tố có thể gây ô nhiễm môi trường để kịp thời xử lý và khắc phục. Giám sát chặt chẽ các khu du lịch trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Tiến hành trồng cây phân tán dọc theo các tuyến kênh, mương, đường giao thông, khu đô thị, khu dân cư nông thôn nhằm tăng khả năng che phủ đất, góp phần cải tạo môi trường đô thị cũng như nông thôn.

1.2. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường cho người dân, các doanh nghiệp, nhà quản lý, nhà đầu tư. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; nghiên cứu và áp dụng

phương thức quản lý tổng hợp môi trường thông qua cơ chế, chính sách, đổi mới công tác lập quy hoạch, kế hoạch để hài hòa các mục tiêu phát triển toàn huyện với các mục tiêu phát triển của từng địa phương.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường bằng việc lồng ghép quy hoạch bảo vệ môi trường với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển đô thị, phát triển công nghiệp, phát triển mạng lưới giao thông; có cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng đồng thời với phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch và đồng bộ với cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội tại các vùng. Đặc biệt trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai phải tính toán phân bổ quỹ đất đai đảm bảo nâng cao độ che phủ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học, bảo tồn nguồn gen; xây dựng chỉnh trang các đô thị, điểm dân cư, các cơ sở sản xuất, nghĩa trang, nghĩa địa; đồng thời đảm bảo quỹ đất phù hợp cho việc thực hiện nhiệm vụ thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại cũng như chất thải trong sinh hoạt.

- Khai thác sử dụng đất đi đôi với việc bảo vệ môi trường, chú trọng xử lý chất thải ở các khu khai thác khoáng sản, các cụm công nghiệp, các khu dân cư tập trung, đảm bảo chất thải phải được xử lý trước khi thải ra môi trường, tránh gây ô nhiễm và hủy hoại môi trường. Đi đôi với khai thác sử dụng đất cần chú ý đến việc đầu tư nâng cao độ phì đất sản xuất nông nghiệp, tái tạo lại cảnh quan, lớp che phủ bề mặt đất khai thác khoáng sản sau khai thác..., nhằm giảm thiểu những tác động xấu đến môi trường đất đai, không khí, nguồn nước để sử dụng đất bền vững.

- Các giải pháp bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học và rừng, trước hết là bảo vệ nghiêm ngặt diện tích đất các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ xung yếu đầu nguồn tại địa bàn.

- Các giải pháp bảo vệ môi trường đất: từ khâu quy hoạch và tổ chức thực hiện đến các chính sách, giải pháp quản lý đất đai bền vững cùng các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất phù hợp đối với từng khu vực, từng địa phương.

- Các giải pháp bảo vệ môi trường nước: Hạn chế nguồn thải từ các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, khu du lịch... vào môi trường nước. Thực hiện nghiêm các qui định bảo vệ môi trường tại các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề, từng bước đưa chúng trở thành các khu sản xuất sinh thái, thân thiện với môi trường.

II. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Giải pháp về chính sách

- Cần thực hiện đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, nhất là việc xúc tiến tại chỗ qua các hoạt động: hỗ trợ doanh nghiệp sau đầu tư, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; cải cách thủ tục hành chính tạo dựng môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng... chủ động thu hút đầu tư có mục tiêu, tập hợp các nhà đầu tư tham gia phát triển các dự án lớn, trên địa bàn đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ và du lịch....

- Cần có cơ chế tạo nguồn tài chính khả thi và bên cạnh đó cần xây dựng cơ chế tài chính hỗ trợ nhà đầu tư trong nước thực hiện các dự án lớn. Đối với đất giáo dục, y tế, văn hóa - thể thao thực hiện xã hội hóa tất cả các công trình không bắt buộc phải do nhà nước quản lý.

- Để đón bắt cơ hội mới cho phát triển trong thời gian tới, huyện Hàm Yên cần có chính sách bút phá với thông điệp 4 sẵn sàng:

+ Sẵn sàng về mặt bằng đầu tư: Các khu vực quy hoạch quỹ đất phục vụ xây dựng các khu thương mại, khu đô thị mới cần được hoàn thiện đồng bộ về hạ tầng giao thông kết nối, khả năng cung cấp điện, nước, thông tin liên lạc...

+ Sẵn sàng về nhân lực: huyện Hàm Yên có nguồn lao động tương đối trẻ.

+ Sẵn sàng cải cách: Cần quyết liệt đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính theo hướng hỗ trợ và phục vụ, xây dựng chính quyền kiến tạo và phục vụ.

+ Sẵn sàng hỗ trợ: Đối với các nhà đầu tư, nhất là nhà đầu tư nước ngoài, huyện Hàm Yên sẵn sàng lắng nghe tâm tư của doanh nghiệp. Hiện tỉnh đang quyết liệt triển khai chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, qua đó củng cố niềm tin trong cộng đồng doanh nghiệp.

2.2. Giải pháp đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Xây dựng lộ trình nâng cao năng lực cho cán bộ ngành tài nguyên và môi trường từ cấp huyện đến cấp xã, thị trấn để có đủ khả năng thực hiện, thanh tra, giám sát và xử lý những vi phạm trong lĩnh vực quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Bổ sung đủ nhân sự có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quản lý cho các cấp để thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhất là trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Riêng với lực lượng cán bộ tài

nguyên – môi trường cấp xã, cần có chính sách ổn định để tăng tính chuyên nghiệp, hạn chế tình trạng biến động lớn về nhân sự.

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị hỗ trợ chuyên ngành, đặc biệt là đưa công nghệ thông tin vào quản lý đất đai. Mở các lớp tập huấn cho cán bộ ngành về hệ thống thông tin địa lý (GIS), cập nhật, quản lý và sử dụng dữ liệu từ bản đồ số hóa, hồ sơ địa chính...

2.3. Giải pháp về nguồn lực, vốn đầu tư.

- Để chủ động trong công tác thu hồi đất cho phát triển cơ sở hạ tầng và chỉnh trang đô thị của huyện Hàm Yên đến năm 2030, cần huy động và bố trí vốn kịp thời nguồn vốn để chủ động trong công tác thu hồi đất. Ngoài các nguồn vốn của tỉnh, của huyện, cần mở rộng hình thức xã hội hóa. Đồng thời cần khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Trong mô hình phát triển kinh tế giai đoạn 2021 - 2030, đầu tư cơ sở hạ tầng được coi như một trọng tâm phát triển. Đầu tư cơ sở hạ tầng được tiếp cận cả phía cung và phía cầu. Từ phía cung, đầu tư cơ sở hạ tầng sẽ cung cấp cho nền kinh tế một hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại. Hiện nay, tại Việt Nam nguồn vốn tư nhân đang tham gia vào phát triển cơ sở hạ tầng là rất khiêm tốn (khoảng 15%). Do vậy trong thời gian tới để huyện Hàm Yên sớm hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển đô thị thì cần có những cơ chế, chính sách phù hợp để các thành phần kinh tế đầu tư nguồn vốn vào phát triển cơ sở hạ tầng.

- Khuyến khích, hướng dẫn hộ gia đình có nhu cầu chuyên mục đích đất vườn nhà sang đất ở, để an sinh xã hội, tạo nguồn thu ngân sách nhưng không phải bồi thường, thuận lợi trong quản lý đất đai, quản lý xây dựng, hỗ trợ giúp đỡ hộ gia đình cùng tổ chức kinh tế thỏa thuận bồi thường đất, góp vốn bằng đất tại các dự án phát triển kinh tế trên địa bàn huyện Hàm Yên. Vận động nhân dân hiến đất, góp vốn, xã hội hóa nguồn vốn để xây dựng các công trình dự án phục vụ cho mục đích công cộng, dân sinh như: giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng, nhà trẻ, các khu vui chơi giải trí công cộng.

- Thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất trong giao đất, cho thuê đất đối với các vùng đất có lợi thế để tăng nguồn thu ngân sách. Hiện nay, công tác đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện Hàm Yên đã được đẩy mạnh và phát huy tác dụng nhưng mới chủ yếu được thực hiện cho loại đất ở đối với đối tượng là hộ gia đình, cá nhân. Đối với công tác giao đất, cho thuê đất cho các đối tượng là tổ chức, doanh nghiệp còn hạn chế, chủ yếu thực hiện theo hình thức chỉ định. Đồng thời, thực hiện chính sách phân bổ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo hướng xem

xét điều chỉnh tỷ lệ điều tiết phân chia nguồn thu từ đất cho các cấp ngân sách theo hướng đảm bảo ưu tiên nguồn vốn cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và đầu tư kết cấu hạ tầng nhằm tăng giá trị đất, tạo lập thị trường bất động sản phát triển. Song song với đó, cần bổ sung, hoàn thiện cơ chế tài chính, huy động vốn đối với Tổ chức phát triển quỹ đất; tăng cường năng lực Tổ chức phát triển quỹ đất; xây dựng cơ chế trích từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để tăng cường vốn cho công tác thu hồi đất.

III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Giải pháp về chính sách

- Thực hiện cơ chế công khai các dự án đầu tư, từ lúc giao dự án đến quá trình triển khai thực hiện dự án để cộng đồng cùng kiểm tra giám sát.

- Có cơ chế chính sách khuyến khích hỗ trợ, ưu đãi để thu hút và tập hợp các nhà đầu tư tham gia phát triển các dự án, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, thương mại dịch vụ và du lịch.

- Điều chỉnh các chính sách liên quan đến bồi thường giải phóng mặt bằng nhằm thúc đẩy tiến độ bồi thường, đảm bảo dự án ít khiếu nại của người dân. Điều chỉnh giá bồi thường sát với giá thị trường, chuẩn bị trước quỹ nhà tái định cư.

- Có chính sách khuyến khích khai hoang nhằm đẩy nhanh tiến độ đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng; tạo điều kiện để người dân dễ dàng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất sản xuất nông nghiệp nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất.

- Thực hiện tốt chính sách đất đai, nhà ở cho người có công, các đối tượng chính sách, đảm bảo cho người nghèo có đất canh tác và có cơ hội có nhà ở.

- Tiếp tục nghiên cứu ban hành khung điều chỉnh giá đất hợp lý, đồng thời có chính sách điều tiết sự hưởng lợi để có nguồn thu cho ngân sách nhà nước, vừa đảm bảo công bằng xã hội, nhất là việc điều tiết phân chênh lệch giá đất ở khu vực do Nhà nước đầu tư hạ tầng mà đất tăng giá đảm bảo cho Nhà nước và nhân dân cùng có lợi.

- Có cơ chế tạo nguồn tài chính khả thi và bên cạnh đó cần xây dựng cơ chế tài chính hỗ trợ nhà đầu tư trong nước thực hiện các dự án lớn. Đối với đất giáo dục, y tế, văn hóa - thể thao thực hiện xã hội hóa tất cả các công trình không bắt buộc phải do nhà nước quản lý.

- Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa về nguồn vốn và những ưu đãi cần thiết cho các hộ chuyên quyền sử dụng đất để làm các khu du lịch, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư để các hộ này có thể làm các dịch vụ phục vụ công nhân trong các khu công nghiệp, nhất là về dịch vụ về nhà ở cho công nhân ở các cụm công nghiệp và cho người lao động ở các khu du lịch, đô thị.

- Chính sách hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư:

+ Hoàn thiện cơ chế chính sách thu hút vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các cụm công nghiệp, các khu đô thị mới, khu dịch vụ tổng hợp,... Nhà nước ưu tiên dành vốn đầu tư phát triển để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật về điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, xử lý chất thải. Đẩy nhanh tiến độ triển khai quy hoạch các khu, cụm công nghiệp để chuẩn bị mặt bằng, thu hút các doanh nghiệp trong, ngoài huyện thực hiện các dự án đầu tư.

+ Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư, quản lý, sử dụng các nguồn vốn xây dựng cơ sở hạ tầng, để nâng cao chất lượng và hạn chế thất thoát vốn đầu tư trong tất cả các khâu của công tác đầu tư xây dựng.

- Xây dựng chính sách phù hợp giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông nghiệp và nông thôn, tạo nghề cho lao động nông nghiệp bị thu hồi đất sản xuất; khuyến khích đầu tư thâm canh tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất; quan tâm đầu tư xây dựng nông thôn mới.

3.2. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư

- Khuyến khích toàn xã hội và các nhà đầu tư trong nước, nước ngoài đầu tư cho sản xuất kinh doanh hướng vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế gắn với các mục tiêu xã hội, phát huy được tiềm năng, lợi thế của huyện.

- Quản lý tốt thị trường nhà và đất để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo vốn từ quỹ đất góp phần giảm chi phí đầu tư vào cho các nhà sản xuất.

- Nâng cao hiệu quả đổi mới doanh nghiệp nhà nước để các doanh nghiệp nhà nước phát huy hiệu quả trong phát triển kinh tế của huyện. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp thành lập mới; khuyến khích các thành phần kinh tế nước ngoài đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

- Tăng cường quản lý và giám sát việc sử dụng vốn theo quy định của pháp luật, kiên quyết xử lý những trường hợp vi phạm để bảo toàn và phát huy đồng vốn một cách hiệu quả.

- Công bố công khai tài chính ngân sách theo quy định của pháp luật. Tiếp tục đổi mới chính sách ưu đãi, hỗ trợ tài chính cho việc thực hiện các chính sách xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động.

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tích cực đầu tư phát triển, thực hiện đổi mới cơ cấu đầu tư, tăng cường thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp tư nhân, ngoài quốc doanh. Huy động vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng chủ yếu từ thu tiền sử dụng đất, thuế chuyển quyền sử dụng đất, đấu thầu sử dụng đất đối với cá nhân, doanh nghiệp với vốn tự có, vốn cổ phần và vốn vay ngân hàng.

- Trên cơ sở sắp xếp lại các doanh nghiệp và cổ phần hóa doanh nghiệp, thu lại nguồn vốn cho ngân sách Nhà nước để tái đầu tư phát triển các ngành kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện: trong nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản thực hiện việc giao đất, giao rừng để đầu tư phát triển mô hình kinh tế trang trại, khu du lịch.

- Mở rộng hình thức thu hút vốn bao gồm hợp tác kinh doanh, liên doanh, đầu tư 100% vốn nước ngoài...

- Về đầu tư thiết bị công nghệ: Nhà nước hỗ trợ cho các doanh nghiệp về thông tin thiết bị công nghệ, triển khai các đề tài khoa học công nghệ, tiến độ khoa học, kỹ thuật phục vụ sản xuất, hỗ trợ kinh phí đầu tư thiết bị công nghệ và có chính sách ưu đãi.

- Khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn vốn để thực hiện phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

+ Đầu tư có trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là đầu tư để phát triển công nghiệp, kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội (giao thông, thủy lợi, văn hóa, y tế, giáo dục, thể thao,...). Đầu tư thực hiện các dự án trọng điểm đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp như dự án nâng cao chất lượng cây ăn quả, dự án phát triển vốn rừng, trồng rừng nguyên liệu và phát triển rừng phòng hộ, đặc dụng gắn với phát triển du lịch về nguồn, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng.

+ Đầu tư trong việc ứng dụng những tiến bộ khoa học, công nghệ trong sử dụng đất như các tiến bộ trong việc sử dụng đất dốc, những tiến bộ trong xây dựng tiết kiệm đất, trong bảo vệ tài nguyên đất - môi trường và những tiến bộ thâm canh trong nông nghiệp để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

+ Huy động tối đa các nguồn vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án từ vốn ngân sách, vốn của các doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài, vốn tự có của nhân dân.

+ Tạo môi trường thuận lợi, chính sách đầu tư thông thoáng, nhằm khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào huyện; đầu tư xây dựng hệ

thông kỹ thuật hạ tầng trên địa bàn huyện bằng cách tăng cường xúc tiến thương mại, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, cấp phép đầu tư.

+ Tập trung chỉ đạo thu ngân sách ngay từ đầu năm, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra các khoản thu chi ngân sách trong phạm vi quản lý, đảm bảo vốn ngân sách được sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm và hiệu quả, đồng thời áp dụng các biện pháp tiết kiệm chi để tăng cường vốn đầu tư cho phát triển.

3.3. Giải pháp về tăng cường nhân sự và đào tạo nguồn nhân lực cho quản lý đất đai

- Xây dựng giải pháp và lộ trình nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và quy hoạch sử dụng đất các cấp, để có đủ khả năng thực hiện việc lập, giám sát, thanh kiểm tra và xử lý những vi phạm trong lĩnh vực quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Bổ sung đủ nhân sự có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quản lý cho các cấp để thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhất là trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Riêng với lực lượng cán bộ Tài nguyên - Môi trường cấp xã, cần có chính sách ổn định để tăng tính chuyên nghiệp, hạn chế tình trạng biến động lớn như hiện nay.

- Chú trọng công tác đào tạo qua việc mở các lớp tập huấn bồi dưỡng về công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và nghiệp vụ về quản lý đất đai - môi trường theo phương thức hợp nhất liên ngành cho cán bộ công chức làm công tác quy hoạch, kế hoạch và mời các đơn vị tư vấn trực thuộc có nhu cầu đào tạo tham dự.

- Thực hiện đồng bộ đề án đổi mới hệ thống giáo dục, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao để trở thành đột phá chiến lược, yếu tố quyết định quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và lợi thế cạnh tranh dài hạn, đảm bảo kinh tế của tỉnh phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững.

- Thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức quản lý Nhà nước và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng lực cho cán bộ ngành tài nguyên môi trường ở các cấp, đặc biệt là cấp xã, vùng sâu, vùng xa; xây dựng đội ngũ cán bộ công chức của ngành có phẩm chất, năng lực tốt nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập quốc tế.

- Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Hoàn thiện công tác tuyển dụng, chế độ đãi ngộ và cải thiện điều kiện lao động, nâng cao chất lượng môi trường làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh.

3.4. Giải pháp về tổ chức thực hiện

- Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt, các ngành và các xã, thị trấn trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình lập hoặc rà soát, điều chỉnh quy hoạch ngành, lĩnh vực phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện, đồng thời tiến hành xác định ranh giới các cụm công nghiệp, hợp tác xã, khu đô thị, các khu vực khai thác khoáng sản, các khu vực đất giao cho quốc phòng, an ninh các khu rừng phòng hộ và đặc dụng, các khu du lịch, danh thắng, di tích lịch sử,... và thông báo cho nhân dân địa phương biết để quản lý và thực hiện.

- Ủy ban Nhân dân huyện giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan, ban ngành tổ chức thẩm định quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; kịp thời ban hành các văn bản theo thẩm quyền có liên quan để đảm bảo cho việc sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch đã được duyệt.

3.5. Về khoa học công nghệ và kỹ thuật

- Từng bước ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ trong việc lập và giám sát thực hiện quy hoạch.

- Ứng dụng các công nghệ mới phù hợp vào công tác địa chính và quản lý đất đai, tổ chức các khoá đào tạo chuyên đề tương thích với từng chương trình ứng dụng công nghệ mới, giúp người sử dụng nắm bắt nhanh và làm chủ công nghệ vận hành.

- Xây dựng mạng thông tin đất đai và khăn trương nối mạng hệ thống các cơ quan quản lý đất đai từ tỉnh xuống đến các xã và các đơn vị có liên quan, đáp ứng nhu cầu nắm bắt thông tin của ngành và của người dân về quy hoạch sử dụng đất các cấp, các dự án.

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (viễn thám, GIS...), nhất là các chương trình có tác dụng nâng cao năng suất - chất lượng công tác quy hoạch, giúp triển triển khai nhanh và đồng bộ về quy hoạch giữa các cấp.

- Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện quy trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; hoàn chỉnh hệ thống các chỉ tiêu làm cơ sở đánh giá việc sử dụng đất liên quan đến kinh tế - xã hội và môi trường.

- Tập trung xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ, chú trọng phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ có trình độ cao ở các ngành mũi nhọn của huyện. Tăng cường đầu tư trong việc ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý đất đai và sử dụng đất như kỹ thuật công nghệ số, công nghệ viễn thám trong thống kê, xây dựng bản đồ địa chính; những tiến bộ sử dụng đất dốc bảo đảm môi trường sinh thái, tiến bộ kỹ thuật trong xây dựng, trong sản xuất nông - lâm nghiệp... để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Các biện pháp nhằm sử dụng đất tiết kiệm và tăng giá trị của đất:

+ Xây dựng và thực hiện đồng bộ các quy hoạch liên quan đến sử dụng đất: Quy hoạch phát triển các đô thị, trung tâm cụm xã, các khu dân cư nông thôn, cụm công nghiệp, khu du lịch dịch vụ. Đặc biệt lưu ý tăng tỷ lệ đất phi nông nghiệp ở các khu vực này ngay từ khi lập quy hoạch thiết kế.

+ Đối với đất phi nông nghiệp: Rà soát đầy đủ danh mục các công trình, dự án theo phân bổ và đăng ký của các cấp, các ngành để đưa vào quy hoạch của huyện và quy hoạch cấp xã, đáp ứng đầy đủ nhu cầu đất đai cho phát triển kinh tế- xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn. Việc giao đất phải tuân thủ theo tiến độ, nhu cầu và năng lực thực tế của từng chủ đầu tư đối với tất cả các trường hợp có nhu cầu sử dụng đất mới. Đất đã giao khi quá hạn mà không đưa vào sử dụng hoặc sử dụng sai mục đích, quá diện tích được giao sẽ thu hồi kịp thời.

+ Đối với đất lâm nghiệp: Đẩy nhanh tiến độ đưa đất trống đồi núi trọc vào trồng rừng. Tiến hành rà soát, khoanh định và bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn xung yếu, đảm bảo đủ số lượng và chất lượng như chỉ tiêu Chính phủ giao. Kết hợp bảo vệ rừng với mục tiêu phát triển nguồn nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến, phát triển du lịch sinh thái, củng cố quốc phòng an ninh; thực hiện tốt công tác giao đất, giao rừng, đảm bảo người dân lâm nghiệp có thể sống và làm giàu từ nghề rừng.

+ Đối với đất chuyên trồng lúa nước: Trong kỳ quy hoạch, diện tích phải chuyển sang phục vụ xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, kỹ thuật thiết yếu, quản lý, sử dụng đất trồng lúa, các địa phương phải quản lý chặt chẽ quỹ đất chuyên trồng lúa nước, hạn chế tối đa việc chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích khác. Mặt khác, hàng năm phải tăng cường đầu tư thủy lợi và các biện pháp nông sinh khác nhằm cải tạo quỹ đất trồng 01 vụ lúa sang trồng 02 vụ lúa.

IV. CÁC GIẢI PHÁP KHÁC

4.1. Các biện pháp cụ thể trong quản lý đất đai

- Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hàm Yên và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất được duyệt giới thiệu địa điểm cho các nhà đầu tư thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội theo các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Hàm Yên.

- Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì tham mưu quản lý nhà nước về môi trường. Vì vậy cần chủ động hướng dẫn kịp thời, tổ chức thẩm định các báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án trước khi cấp phép đầu tư.

- Đảm bảo tính minh bạch trong quy hoạch sử dụng đất: Công khai kết quả quy hoạch sử dụng đất đai và xây dựng kế hoạch sử dụng đất phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội, từng mục đích sử dụng đất, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng quy hoạch treo.

- Ban hành quyết định về điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh, huyện phù hợp với quy định của Chính phủ và thực tế thị trường chuyển quyền sử dụng đất, đảm bảo quyền lợi của người sử dụng đất, đồng thời thực hiện tốt nguồn thu ngân sách từ đất đai.

- Tăng cường biện pháp thanh tra, kiểm tra việc sử dụng đất, phát hiện các vi phạm để xử lý kịp thời.

4.2. Tăng cường đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ trong QLDD

- Ứng dụng các công nghệ mới phù hợp vào công tác quản lý đất đai, tổ chức các khoá đào tạo chuyên đề tương thích với từng chương trình ứng dụng công nghệ mới, giúp người sử dụng nắm bắt nhanh và làm chủ công nghệ vận hành.

- Khẩn trương xây dựng hệ thống thông tin đất đai và kết nối mạng hệ thống các cơ quan quản lý đất đai và các đơn vị có liên quan, đáp ứng nhu cầu nắm bắt thông tin của ngành và của người dân về quy hoạch sử dụng đất các cấp, các dự án.

- Tổ chức các lớp tập huấn về ứng dụng các công nghệ mới trong quản lý đất đai nói chung và quản lý quy hoạch sử dụng đất nói riêng cho cán bộ chuyên môn của phòng TN&MT và cán bộ TN&MT cấp xã, thị trấn. Để kịp thời nắm bắt và vận hành các phần mềm quản lý dữ liệu quy hoạch nhằm khai thác và sử dụng sản phẩm quy hoạch một cách chính xác và hiệu quả.

4.3. Giải pháp kiện toàn bộ máy thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Giao chi nhánh của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện lập kế hoạch tổ chức thực hiện việc thu hồi đất theo kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện và thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên quỹ đất đã được giao quản lý để đấu giá; thực hiện việc vận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; quản lý quỹ đất đã được giải phóng mặt bằng, quỹ đất nhận chuyển nhượng nhưng chưa có dự án đầu tư hoặc chưa đấu giá quyền sử dụng đất; đất đã thu hồi và thuộc trách nhiệm quản lý của Tổ chức phát triển quỹ đất theo quy định của Luật Đất đai và cung cấp thông tin về địa điểm đầu tư, giá đất và quỹ đất cho các tổ chức, cá nhân theo yêu cầu...

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Hàm Yên giai đoạn 2021- 2030 được xây dựng trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2030, tiếp cận với quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp Quốc gia và tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các sở, ngành, các cấp xã, thị trấn, thành thị, nông thôn trên địa bàn toàn huyện. Vì vậy, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất huyện đã thể hiện chiến lược sử dụng đất trong 10 năm tới, có ý nghĩa quan trọng để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị cả trước mắt cũng như lâu dài, đồng thời là công cụ quan trọng để UBND huyện thực hiện chủ trương của Nhà nước, thống nhất quản lý toàn bộ đất đai theo quy hoạch và pháp luật.

Xây dựng phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất trên quan điểm đi từ điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất đến dự báo nhu cầu sử dụng đất, có xem xét định hướng chung của cả tỉnh. Nên xét về mặt vĩ mô không bị chông chéo trong việc xác định đất đai cho các mục đích sử dụng.

Việc lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 của huyện Hàm Yên đã bố trí, sắp xếp tổng thể quỹ đất đai đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh lương thực, củng cố quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường, phát triển bền vững. Điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện kỳ này đã khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế của huyện, điều chỉnh những bất hợp lý trong sử dụng đất nhằm khắc phục những hạn chế trong việc duy trì, bảo vệ đất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; ưu tiên dành đất cho phát triển công nghiệp và xây dựng kết cấu hạ tầng; bố trí hợp lý đất đai cho phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn, khu du lịch; khai thác triệt để quỹ đất chưa sử dụng. Đồng thời bố trí sử dụng đất đã bám sát quan điểm khai thác sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và bền vững nguồn tài nguyên đất đai; bồi bổ đất, bảo vệ đất và bảo vệ môi trường, đảm bảo sử dụng đất bền vững.

Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đạt được yêu cầu phù hợp với xu thế công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện trong thời kỳ tới. Quá trình phát triển này kèm theo một phần diện tích đất nông nghiệp được chuyển đổi để sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các sở, ngành, huyện, thành thị, đảm bảo cân đối giữa sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản với phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ, phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn,...

Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Hàm Yên phù hợp và sát với điều kiện thực tiễn, được thể hiện thông qua việc sử dụng đất theo các mục đích:

- Đất đô thị và đất khu dân cư nông thôn: được cân nhắc cho từng vùng, từng khu vực, đảm bảo phù hợp với điều kiện đặc thù của từng địa phương và mục tiêu đô thị hóa. Khu vực đô thị sau khi được đầu tư phát triển sẽ thực sự trở thành các đô thị văn minh, hiện đại, không chỉ thu hút được sự đầu tư mà còn tạo ra ảnh hưởng lớn đến quá trình đô thị hóa nông thôn ở các khu vực khác, đáp ứng được mục tiêu phát triển đô thị của huyện

- Đất dành cho các cụm công nghiệp và dịch vụ, du lịch được tính theo phương án điều chỉnh quy hoạch có tính đến tốc độ phát triển cao nhất. Trong đó tập trung có trọng điểm trên các vị trí thuận lợi, nằm cách xa khu dân cư, đảm bảo yêu cầu môi trường đô thị. Các trung tâm dịch vụ xây dựng khang trang, góp phần hiện đại hóa cảnh quan kiến trúc đô thị, đáp ứng tốt yêu cầu thương mại. Phát triển các khu du lịch, phục vụ đắc lực cho hoạt động du lịch cũng như nhu cầu vui chơi, giải trí ngày càng tăng.

- Các loại đất chuyên dùng khác được xem xét và tính toán cho mọi loại đất từ đất giao thông, thủy lợi, văn hóa, y tế, giáo dục, thể thao,... đến quốc phòng an ninh, trên cơ sở đáp ứng đủ nhu cầu phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của từng giai đoạn và cả thời kỳ, đảm bảo tính hợp lý và tiết kiệm đất.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 huyện Hàm Yên đã cân nhắc, tính toán phân bổ quỹ đất cho các ngành, quan tâm ưu tiên dành đất phát triển sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp và đất cho các mục đích công cộng, đảm bảo xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ, giải quyết công ăn, việc làm cho nhân dân, tạo việc làm cho người lao động trong các khu, cụm công nghiệp, các khu du lịch, dịch vụ, thương mại thông qua dự án đầu tư trong và ngoài nước.

II. KIẾN NGHỊ

Để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong giai đoạn mới; làm căn cứ cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và UBND các xã, thị trấn tổ chức lập và tổ chức thực hiện phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của cấp huyện; UBND huyện Hàm Yên kính đề nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh Tuyên Quang xem xét phê duyệt phương án điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Hàm Yên giai đoạn 2021-2030 để huyện có cơ sở thực hiện./.

DANH MỤC BẢNG BIỂU

- Bảng 1: Danh sách các trường đánh giá diện tích đất đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện Hàm Yên
- Bảng 2: Một số tư liệu (tài liệu, số liệu, bản đồ) trên địa bàn phục vụ cho công tác lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất
- Bảng 3: Hiện trạng sử dụng đất huyện Hàm Yên năm 2021
- Bảng 4: Biến động các loại đất trên địa bàn huyện Hàm Yên so với kỳ trước
- Bảng 5: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
- Bảng 6: Chỉ tiêu phân bổ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hàm Yên
- Bảng 7: Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 – 2030
- Bảng 8. Chỉ tiêu quy hoạch đất nông nghiệp
- Bảng 9. Chỉ tiêu quy hoạch đất trồng lúa
- Bảng 10. Chỉ tiêu quy hoạch đất trồng cây hàng năm khác
- Bảng 11. Chỉ tiêu quy hoạch đất trồng cây lâu năm
- Bảng 12. Chỉ tiêu quy hoạch đất rừng phòng hộ
- Bảng 13. Chỉ tiêu quy hoạch đất rừng đặc dụng
- Bảng 14. Chỉ tiêu quy hoạch đất rừng sản xuất
- Bảng 15. Chỉ tiêu quy hoạch đất nuôi trồng thủy sản
- Bảng 16. Chỉ tiêu quy hoạch đất nông nghiệp khác
- Bảng 17. Chỉ tiêu quy hoạch đất phi nông nghiệp
- Bảng 18. Chỉ tiêu quy hoạch đất quốc phòng
- Bảng 19. Chỉ tiêu quy hoạch đất an ninh
- Bảng 20. Chỉ tiêu quy hoạch đất cụm công nghiệp
- Bảng 21. Chỉ tiêu quy hoạch đất thương mại, dịch vụ
- Bảng 22. Chỉ tiêu quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
- Bảng 23. Chỉ tiêu quy hoạch đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
- Bảng 24. Chỉ tiêu quy hoạch đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm
- Bảng 25. Chỉ tiêu quy hoạch đất phát triển hạ tầng

Bảng 26. Chỉ tiêu quy hoạch đất giao thông

Bảng 27. Chỉ tiêu quy hoạch đất thủy lợi

Bảng 28. Chỉ tiêu quy hoạch đất văn hóa

Bảng 29. Chỉ tiêu quy hoạch đất cơ sở y tế

Bảng 30. Chỉ tiêu quy hoạch đất cơ sở giáo dục – đào tạo

Bảng 31. Chỉ tiêu quy hoạch đất thể dục – thể thao

Bảng 32. Chỉ tiêu quy hoạch đất năng lượng

Bảng 33. Chỉ tiêu quy hoạch đất bưu chính, viễn thông

Bảng 34. Chỉ tiêu quy hoạch đất có di tích lịch sử - văn hóa

Bảng 35. Chỉ tiêu quy hoạch đất bãi thải – xử lý chất thải

Bảng 36. Chỉ tiêu quy hoạch đất cơ sở tôn giáo

Bảng 37: Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất làm nghĩa trang, nhà hỏa táng, nhà tang lễ

Bảng 38. Chỉ tiêu quy hoạch đất chợ

Bảng 39. Chỉ tiêu quy hoạch đất khu vui chơi giải trí công cộng

Bảng 40. Chỉ tiêu quy hoạch đất ở tại nông thôn

Bảng 41. Chỉ tiêu quy hoạch đất xây dựng trụ sở cơ quan

Bảng 42. Chỉ tiêu quy hoạch đất sông ngòi, kênh, rạch suối

Bảng 43. Chỉ tiêu quy hoạch đất chưa sử dụng

Bảng 44: Ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong giai đoạn 2021-2030 huyện Hàm Yên